

Đại học Quốc gia Hà nội

Khoa Luật

Lê Lan Chi

**Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý
vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự việt nam - những
vấn đề lý luận và thực tiễn**

Luận án tiến sĩ luật học

Hà nội - 2010

Đại học quốc gia Hà nội

Khoa luật

Lê Lan Chi

**Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý
vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự việt nam -
những vấn đề lý luận và thực tiễn**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 62 38 40 01

Luận án tiến sĩ luật học

Người hướng dẫn khoa học: **1. TS. Nguyễn Ngọc Chí**

2. TS. Trần Quang Tiệp

Hà nội - 2010

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ</i>	17
1.1. Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự	17
1.2. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong chế định những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam	37
1.3. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong lịch sử pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	60
<i>Chương 2: SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN</i>	75
2.1. Sự thể hiện của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong các quy định của pháp luật tố tụng hình sự	75
2.2. Thực tiễn thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự	102
<i>Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ</i>	135
3.1. Nhu cầu, quan điểm về việc nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự	135
3.2. Giải pháp về hoàn thiện các quy định của pháp luật	142
3.3. Các giải pháp nâng cao vai trò công tác kiểm sát, thanh tra, giám sát hoạt động khởi tố và xử lý vụ án hình sự	161
3.4. Các giải pháp về công tác cán bộ và cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động tố tụng hình sự	168
KẾT LUẬN	178
NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	182

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
VKS	: Viện kiểm sát
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

Danh mục các bảng

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Số lượng vụ án được khởi tố theo từng năm	103
2.2	Số vụ án do Viện kiểm sát và Tòa án (Hội đồng xét xử) thực hiện việc khởi tố	105
2.3	Số vụ án do Cơ quan điều tra trong Quân đội thực hiện việc khởi tố	105
2.4	Kết quả xác minh tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra VKSNDTC	111
2.5	Kết quả xử lý vụ án hình sự của Cơ quan điều tra	120
2.6	Kết quả xử lý vụ án hình sự của Viện kiểm sát	121
2.7	Kết quả hoạt động truy cứu TNHS qua xét xử sơ thẩm	124
2.8	Kết quả hoạt động truy cứu TNHS qua xét xử phúc thẩm	124

Danh mục các biểu đồ

Số hiệu biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
2.1	Biểu đồ so sánh số vụ án được khởi tố trên toàn quốc theo từng năm	103
2.2	Biểu đồ so sánh số vụ Viện kiểm sát hủy quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra theo từng năm	107
2.3	Biểu đồ tỷ lệ các trường hợp khởi tố khi có các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự	107
2.4	Biểu đồ so sánh số bị can được Cơ quan điều tra kết thúc điều tra, đề nghị truy tố và đình chỉ điều tra theo từng năm	119
2.5	Biểu đồ so sánh số bị can đã được Viện kiểm sát xử lý, truy tố và đình chỉ vụ án theo từng năm	122

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Tội phạm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, là hiện tượng tiêu cực mang tính khách quan trong đời sống xã hội. Do đó, việc truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) người phạm tội cũng là một đòi hỏi mang tính khách quan và luôn thường trực đặt ra đối với các cơ quan tiến hành tố tụng. Hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội của các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm được rất nhiều yêu cầu khác nhau. Tuy nhiên, trong mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm mà Việt Nam và rất nhiều quốc gia khác trên thế giới đang áp dụng, thì hoạt động này trước hết phải bảo đảm yêu cầu về tính hiệu quả, cụ thể, đó là bảo đảm không bỏ lọt nhiều tội phạm, bảo đảm ở mức độ cao tỷ lệ truy cứu TNHS thành công, bảo đảm xử lý tội phạm nhanh chóng, kịp thời - đúng thời hạn luật định. Để khởi đầu hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội, phải tiến hành khởi tố vụ án hình sự (VAHS), khởi tố là giai đoạn tố tụng đầu tiên, cung cấp toàn bộ "nguyên liệu" đầu vào cho quy trình tố tụng. Dù phát hiện có dấu hiệu của tội phạm nhưng nếu các cơ quan có thẩm quyền không thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS thì tội phạm sẽ bị bỏ lọt ngay tại "cửa ngõ" của tố tụng hình sự (TTHS). Do vậy, Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 khẳng định:

Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội. Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự do Bộ luật này quy định [51].

Đây là một nguyên tắc quan trọng trong chế định các nguyên tắc cơ bản của luật TTHS Việt Nam, đặt ra trách nhiệm bảo đảm tính hiệu quả, chủ

động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội, trong việc thực hiện phần lớn các nhiệm vụ, mục tiêu của TTHS được xác định tại Điều 1 BLTTHS, đó là "... phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội". Thể hiện các yêu cầu của nguyên tắc này, BLTTHS hiện hành đã có những quy định, chế định - những công cụ pháp lý hữu hiệu để bảo đảm cho quá trình khởi tố vụ án và truy cứu TNHS được vận hành với hiệu suất cao. Thực tiễn TTHS với một số lượng vụ án rất lớn được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử mỗi năm cũng như với kết quả đại đa số các vụ án, việc truy cứu TNHS là đúng người, đúng tội đã chứng minh tính hiệu quả của bộ máy TTHS, chứng minh tính tích cực, chủ động của các bộ phận trong bộ máy TTHS, cũng như phản ánh tính phù hợp của pháp luật TTHS với thực tiễn TTHS. Tuy nhiên, các quy định của BLTTHS và một số văn bản hướng dẫn thi hành việc thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS vẫn còn nhiều bất cập, chưa cụ thể, chưa phù hợp với những đặc thù về điều kiện khách quan, chủ quan của giai đoạn tố tụng này (ví dụ: chưa phân định hợp lý các chủ thể của trách nhiệm khởi tố, chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong những trường hợp cần phải khởi tố để truy cứu TNHS, chưa bảo đảm được vai trò kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát (VKS) trong giai đoạn khởi tố VAHS, chưa có đủ cơ sở pháp lý để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý những vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại...), dẫn tới nhiều khó khăn, bất cập trong việc bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và công bằng xã hội.

Mặt khác, trên thực tiễn, tuy số lượng VAHS được khởi tố và xử lý về cơ bản đều tăng theo hàng năm nhưng vẫn còn xảy ra tình trạng bỏ lọt tội phạm, vẫn còn nhiều trường hợp việc quyết định khởi tố hay không khởi tố VAHS tại một số địa phương tương đối tùy tiện, thiếu khách quan. Thực trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và tới các quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của các cơ quan, tổ chức và công dân. Theo Báo cáo kết quả giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo năm 2008

của Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội: "Trong lĩnh vực điều tra, chủ yếu khiếu nại về việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự..." [19]. Trong khi đó, hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKS trong giai đoạn khởi tố cũng còn nhiều hạn chế, các trường hợp Cơ quan điều tra (CQĐT) không tiến hành những biện pháp kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm hoặc không khởi tố mà chuyển xử lý bằng biện pháp khác... rất khó kiểm sát, các cơ quan có thẩm quyền hiện nay "vẫn chưa có được các số liệu thống kê cụ thể, thống nhất về việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố" [118].

Thực tiễn tội phạm hóa và phi tội phạm hóa (trong lĩnh vực áp dụng pháp luật), vấn đề tội phạm ẩn, tình trạng oan sai... ở Việt Nam hiện nay cũng cho thấy những hạn chế của pháp luật TTHS cũng như vấn đề đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm, ý thức chủ động, tích cực trong hoạt động khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội của hệ thống các cơ quan tư pháp hình sự.

Xuất phát từ thực tiễn đó, việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng ngay từ giai đoạn khởi tố VAHS được xác định là một trong những yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới chỉ rõ: "... thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, tăng cường phối hợp giữa công tác điều tra chuyên trách với cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để phục vụ tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm" [15] và "hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội" [15].

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS rất cần được nghiên cứu trên nhiều phương diện, từ phương diện lý luận cho đến sự thể hiện của nguyên tắc này trong các quy định của pháp luật TTHS cũng như thực tiễn áp dụng, để từ đó, đi đến các giải pháp

hoàn thiện và bảo đảm thực hiện nguyên tắc này. Vì vậy, đề tài: "*Nguyên tắc khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong luật tố tụng hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*" được nghiên cứu ở cấp độ một luận án Tiến sĩ luật học có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận cũng như thực tiễn ở nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ngay từ lần ban hành BLTTHS đầu tiên, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đã được quy định (Điều 13 BLTTHS năm 1988). Tuy nhiên, trải qua hơn 20 năm, việc nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS mới chỉ dừng lại ở mức độ ban đầu, mang tính khái lược, chủ yếu ở hình thức bình luận khoa học các điều luật của BLTTHS mà chưa có một đề tài khoa học, một luận án tiến sĩ hay luận văn thạc sĩ luật học nào nghiên cứu về nguyên tắc này.

Các công trình nghiên cứu có một phần nội dung trực tiếp đề cập đến nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS chủ yếu là các cuốn *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988*, *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003* và một số *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của các cơ sở đào tạo luật. Tuy nhiên, có thể nhận thấy ngay rằng các cuốn sách này chỉ nghiên cứu nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS ở dung lượng rất hạn chế, sơ lược với mức độ của một điều luật trong số 297 điều của BLTTHS năm 1988 hay 346 điều của BLTTHS năm 2003 được bình luận trong cả cuốn sách. Về nội dung, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS được đề cập theo cách giải thích tại sao phải thực hiện ngay việc khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp để xác định tội phạm và người phạm tội, giải thích như thế nào là căn cứ khởi tố vụ án và căn cứ không khởi tố vụ án và liệt kê các cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo pháp luật hiện hành để minh họa nội dung điều luật. Ngoài ra, *Bình luận khoa học BLTTHS năm 1988* của Viện Khoa học pháp lý (Nxb Thành phố Hồ Chí Minh năm 1999) khái lược cơ sở của việc quy định nguyên tắc này trong BLTTHS: xuất phát từ ý nghĩa rất quan trọng của khởi tố VAHS, "đề bảo đảm phát hiện nhanh chóng và xử lý kịp thời mọi hành vi phạm tội",

tránh tình trạng để tội phạm xảy ra mà không có cơ quan tiến hành tố tụng nào khởi tố. Cuốn bình luận này cũng chỉ ra sự khác biệt về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc khởi tố vụ án, làm rõ các hoạt động xác định tội phạm và xử lý người phạm tội phải được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố vụ án. Bình luận khoa học BLTTHS năm 2003 do PGS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên (Nxb Công an nhân dân năm 2004) chỉ ra cơ sở của việc quy định nguyên tắc này trong BLTTHS, đó là do "khởi tố và xử lý kịp thời, nhanh chóng vụ án hình sự là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phòng ngừa và chống tội phạm". Trong cuốn sách trên, các tác giả bình luận ngắn gọn việc: (i), tại sao coi đây là một nguyên tắc (với lập luận đã trích dẫn); (ii), ý nghĩa của giai đoạn khởi tố VAHS; (iii), thẩm quyền của các chủ thể có trách nhiệm khởi tố; (iv), các công việc được thực hiện liền ngay khi khởi tố vụ án; (v), các căn cứ không khởi tố vụ án và yêu cầu bảo đảm tính có căn cứ của việc khởi tố vụ án.

Như vậy, khái lược nội dung bình luận về nguyên tắc này của các cuốn Bình luận BLTTHS, có thể thấy các cá nhân và tập thể biên soạn mới nghiên cứu ở mức độ rất khái quát và chưa bàn đến vấn đề xử lý VAHS được đặt ra trong tên gọi của nguyên tắc cũng như hoạt động xác định tội phạm và xử lý người phạm tội được nêu ra trong nội dung nguyên tắc.

Các giáo trình luật TTHS của một số cơ sở đào tạo luật (*Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2008, (*Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Khoa Luật - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 1997...) về cơ bản cũng phân tích, giải thích ngắn gọn nội dung nguyên tắc này tương tự các cuốn bình luận khoa học BLTTHS. Ngoài ra, các giáo trình trên cũng đã thực hiện việc phân loại nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS (thuộc nhóm nguyên tắc bảo đảm tính chính xác, khách quan của hoạt động TTHS - *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Khoa Luật - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 1997; thuộc nhóm những

nguyên tắc đặc thù - *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2008 và *Giáo trình Kỹ năng xét xử vụ án hình sự*, tập 1 của Trường Đào tạo các chức danh tư pháp, năm 2002) và chỉ ra mục đích, ý nghĩa của nguyên tắc này trong việc thực hiện các nhiệm vụ của BLTTHS (*Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Khoa Luật - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 1997).

Qua việc nghiên cứu tổng quan về các nghiên cứu trực tiếp đề cập đến nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, có thể rút ra một số nhận xét sau đây: *thứ nhất*, còn rất ít tác giả cũng như các tập thể tác giả nghiên cứu về nguyên tắc này; *thứ hai*, việc nghiên cứu mới chỉ ở mức độ sơ lược chủ yếu ở hình thức bình luận khoa học; *thứ ba*, phần lớn nội dung đề cập trong các phần viết về nguyên tắc này mô tả lại giai đoạn khởi tố VAHS bao gồm những nội dung nào; *thứ tư*, đều thống nhất chỉ bình luận ở trách nhiệm khởi tố vụ án mà không xem xét đến về thứ hai của nguyên tắc là "xử lý vụ án hình sự" hay trách nhiệm áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội được Điều 13 BLTTHS đề cập; *thứ năm*, các tác giả đều chưa xác định khái niệm xử lý VAHS được đề cập trong nội dung nguyên tắc: xử lý VAHS bao gồm những hoạt động nào, hướng tới những đối tượng nào, và do đó, *thứ sáu*, chưa chỉ ra mối quan hệ giữa khởi tố và xử lý VAHS, tại sao lại sử dụng chung hai khái niệm này trong tên gọi của nguyên tắc, điều này có dẫn tới sự phủ định hay bao hàm nhau không; *thứ bảy*, một số tác giả còn cho rằng nguyên tắc trên chỉ là sự thể hiện của nguyên tắc pháp chế trong TTHS và do đó, đặt câu hỏi về sự cần thiết ghi nhận nó như một nguyên tắc của TTHS. Như vậy, rất nhiều vấn đề khác cần được tiếp tục nghiên cứu như: bản chất và nội dung hoàn chỉnh của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là gì? Đây là ý nghĩa của nguyên tắc này, nguyên tắc này có cần thiết tồn tại không? Mối quan hệ giữa nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS với các nguyên tắc khác của TTHS, đặc biệt là với nguyên tắc pháp chế trong TTHS? Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS

được quan niệm như thế nào trong lịch sử pháp luật của dân tộc và trong pháp luật TTTHS của các quốc gia khác? Pháp luật TTTHS hiện hành đã thể hiện nguyên tắc này như thế nào và nguyên tắc này tác động như thế nào tới quá trình áp dụng pháp luật TTTHS...

Gián tiếp đề cập đến nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là tương đối nhiều sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học, các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành và các bài tham luận tại một số hội thảo khoa học. Về khởi tố VAHS, trong nội dung các cuốn: "*Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*", năm 1997; "*Cơ quan điều tra Công an nhân dân trong tố tụng hình sự*", năm 2001, GS.TS. Đỗ Ngọc Quang phân tích vị trí của giai đoạn khởi tố cũng như vai trò của CQĐT - chủ thể cơ bản của trách nhiệm khởi tố VAHS và mối quan hệ giữa CQĐT với các cơ quan khác trong quá trình khởi tố và xử lý VAHS. Một phần nội dung cuốn "*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*" do TS. Lê Hữu Thế chủ biên (năm 2005) đề cập đến trách nhiệm của VKS trong việc khởi tố vụ án và kiểm sát việc khởi tố vụ án. *Giáo trình Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự* của Học viện Tư pháp (năm 2006) đề cập tới các kỹ năng, các hoạt động nghiệp vụ cụ thể của Kiểm sát viên, Thẩm phán khi thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS...

Ngoài ra, còn có một số bài viết được công bố trên các tạp chí, diễn đàn khoa học pháp lý mà ở một chừng mực nhất định, có liên quan đến nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, đó là: "*Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại đối với tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự cần được xem xét lại*" của Trần Cao Ngãi, Tạp chí Công an nhân dân, số 8/2002; "*Hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*" của TS. Nguyễn Ngọc Chí, Tạp chí Khoa học (chuyên san Kinh tế - Luật), số 2/2002; "*Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về khởi tố bị can*" của TS. Trần Quang Tiệp, Tạp chí Tòa án nhân dân (TAND), số 7/2006; "*Một*

số ý kiến về công tác quản lý, chỉ đạo kiểm sát điều tra từ giai đoạn khởi tố" của Trương Văn Chung, Tạp chí Kiểm sát, số 15/2008; "Một số kinh nghiệm trong kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án hình sự của Cơ quan điều tra và lập hồ sơ kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát" của Lê Đăng Trường, Tạp chí Kiểm sát, số 15/2008; "Bàn về "tội phạm hoặc người phạm tội mới" và thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án" của Nguyễn Hiền Khanh, Tạp chí TAND, số 9/2002; và gần đây nhất là các bài nghiên cứu đăng trên số chuyên đề: "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố", Tạp chí Kiểm sát, số 12 (tháng 6/2009).

Nhìn chung, các nội dung của giai đoạn khởi tố VAHS được đề cập, phân tích với số lượng tương đối nhiều, tuy nhiên, chưa làm rõ những đặc thù về các vấn đề thực tiễn của giai đoạn khởi tố VAHS so với các giai đoạn tố tụng sau này mà chủ yếu xoay quanh tính độc lập của giai đoạn khởi tố với nghiên cứu về chức năng, nhiệm vụ, thời điểm bắt đầu, kết thúc... và các cơ sở lý luận chứng minh khởi tố VAHS có phải là một giai đoạn TTHS độc lập hay không, khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, mở rộng hay không mở rộng phạm vi chủ thể có thẩm quyền khởi tố vụ án... Các khía cạnh của giai đoạn khởi tố VAHS liên quan đến việc xác định sự cần thiết quy định trách nhiệm khởi tố như một nội dung của nguyên tắc TTHS chưa được đề cập: vai trò thực tiễn của giai đoạn khởi tố trong TTHS Việt Nam, những khó khăn của giai đoạn khởi tố mà các giai đoạn khác ít gặp phải, những tiêu cực tiềm ẩn trong giai đoạn khởi tố...

Bên cạnh đó, các nghiên cứu về khởi tố VAHS trước luận án này cũng chưa làm rõ được những vấn đề rất quan trọng về mặt lý luận của hoạt động khởi tố VAHS như: thế nào là dấu hiệu của tội phạm và dấu hiệu của tội phạm tại thời điểm phát sinh các hoạt động kiểm tra, xác minh mở đầu cho giai đoạn khởi tố (khi phát hiện có dấu hiệu của tội phạm) đến dấu hiệu của tội phạm tại thời điểm đưa ra quyết định khởi tố vụ án (khi xác định có dấu hiệu của tội phạm); dấu hiệu của tội phạm ở mức độ như thế nào là đủ hay chưa đủ để ban hành quyết định khởi tố VAHS và pháp luật nên quy định như thế nào

về mức độ này để ràng buộc trách nhiệm khởi tố cho các cơ quan có thẩm quyền; sự việc có dấu hiệu của tội phạm là điều kiện duy nhất để khởi tố vụ án hay sự việc có dấu hiệu của tội phạm mới chỉ là điều kiện "cần", nếu mới chỉ là điều kiện "cần" thì điều kiện đủ là gì, các cơ quan có thẩm quyền khởi tố có trách nhiệm tới đâu trong việc phải xác định tới các điều kiện "đủ"... Rõ ràng, đây là những vấn đề còn ít nhiều bị bỏ ngỏ và đang rất cần được bàn thảo khi nghiên cứu về trách nhiệm khởi tố VAHS.

Nếu nghiên cứu nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS theo cách tiếp cận là nghiên cứu tất cả các vấn đề liên quan đến khởi tố và giải quyết VAHS thì có thể coi tất cả các công trình nghiên cứu về TTHS từ trước tới nay đều có sự liên quan nhất định đến nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng trách nhiệm xử lý VAHS theo nội dung của nguyên tắc này thực chất là trách nhiệm truy cứu TNHS người phạm tội. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng khi phát hiện có dấu hiệu của tội phạm có trách nhiệm khởi tố VAHS và áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, thực chất là có trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội. Như vậy, luận án cần phải nghiên cứu các công trình khoa học trước đây đã đề cập như thế nào về trách nhiệm truy cứu TNHS người phạm tội của các cơ quan tiến hành tố tụng.

PGS.TS Phạm Hồng Hải trong cuốn *Mô hình Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam* (năm 2003) đã đưa ra những khái quát về các hình thức TTHS trong lịch sử TTHS nhân loại để làm rõ mô hình TTHS Việt Nam, trong đó có đề cập đến trách nhiệm khởi tố và truy cứu TNHS của Nhà nước trong các mô hình tố tụng. Trong các nghiên cứu về quyền công tố như: "*Quyền công tố - một số vấn đề lý luận cơ bản*" của TS. Lê Hữu Thể, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 7/2000; "*Bàn về khái niệm quyền công tố*" của TSKH. Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án nhân dân số 8/2000; "*Bàn về quyền công tố*" của Lê Thị Tuyết Hoa, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 10/2001; "*Một số vấn đề về quyền công*

tố" của TS Trần Văn Độ, Tạp chí Luật học số 3/2001; "Vấn đề chức năng và quyền công tố" của Nguyễn Văn Phúc, Tạp chí Kiểm sát, số 01/1998..., đa phần các tác giả đã nghiên cứu khái niệm cũng như bản chất của quyền công tố, tại sao Nhà nước lại có quyền công tố và giao cho cơ quan nhà nước nào thực hành quyền công tố. Tuy nhiên, bàn sâu về yếu tố "trách nhiệm" công tố mà không chỉ là "quyền" công tố thì các nghiên cứu này chưa đề cập nhiều, hơn nữa, chúng tôi cho rằng truy cứu TNHS người phạm tội không chỉ là hoạt động công tố mà còn là việc buộc người phạm tội phải bị trừng phạt bởi các dạng, mức TNHS. Do đó, chúng tôi không coi nguyên tắc khởi tố và xử lý VAHS là nguyên tắc công tố do khái niệm "công tố" không thể bao hàm tất cả các hoạt động khởi tố vụ án đến xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.

Trên thế giới, cùng mô hình và trường phái TTHS với Việt Nam, Bộ luật TTHS của Cộng hòa Liên bang Nga (năm 2002), Cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa (XHCN) Xô-viết Nga (năm 1963), BLTTHS của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (năm 1979, 1996)... cũng có những quy định tương tự về trách nhiệm khởi tố, điều tra, khám phá và xử lý tội phạm trong phần các nguyên tắc cơ bản hoặc trong phần các quy định chung của các Bộ luật này. Qua việc tiếp cận một số BLTTHS và tài liệu khoa học luật TTHS của các quốc gia trên, có thể thấy nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS được nghiên cứu không nhiều. Giáo sư - Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Liên Xô Stragôvich M.C trong bộ giáo trình mang tính kinh điển của khoa học luật TTHS Xô-viết không đề cập nhiều đến nguyên tắc trách nhiệm đề khởi án kiện và khám phá tội phạm trong BLTTHS của nước Cộng hòa Liên bang XHCN Xô viết Nga năm 1963. Khoa học TTHS Xô viết trước đây và Liên bang Nga ngày nay có những nghiên cứu đáng kể về vấn đề truy tố hình sự (từ dùng theo bản dịch của Viện Khoa học kiểm sát VKSNDTC năm 2002) trong chế định những nguyên tắc của TTHS và nghĩa vụ thực hiện việc truy tố hình sự, bao gồm các hình thức buộc tội (công tố, tư tố, công tư tố) trong TTHS... Tại Trung Quốc, GS. Chin Guang Zhong (người được Ủy ban pháp vụ của Quốc vụ viện giao chịu trách nhiệm chính trong việc biên

soạn BLTTHS năm 1996) không có nghiên cứu nào về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Trong hệ thống các chuyên đề *Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự* được dịch sang tiếng Anh của Viện Luật, Học viện Khoa học xã hội Trung Quốc, PGS. TS Xiong Qiu Hong và các cán bộ nghiên cứu tại Học viện Khoa học xã hội Trung Quốc cũng phần nào đề cập đến trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố và xử lý VAHS nhưng chủ yếu là trong mối quan hệ với vấn đề bảo vệ quyền con người và với vấn đề truyền thống, lịch sử pháp luật TTHS ở Trung Quốc. Qua việc lược dịch một số văn bản luật, án lệ và các bài giảng trực tuyến về luật TTHS ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, hay nghiên cứu luật TTHS của Đức, Nhật Bản, Vương quốc Anh, Canada... chúng tôi nhận thấy pháp luật của các quốc gia này không có sự tương đồng trong việc ghi nhận các nguyên tắc TTHS trong luật TTHS và cũng không có nghiên cứu chuyên sâu nào về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Các bài giảng trực tuyến về TTHS (Online Lectures for Criminal Procedure) trên website: <http://www.faculty.ncwc.edu/TOConnor/325/325lects.htm-3k> của GS. Tom O'Connor, một trong những chuyên gia về luật TTHS tại Hoa Kỳ, đề cập rất sâu đến trách nhiệm can thiệp của Nhà nước vào quá trình xử lý tội phạm nhưng theo cách tiếp cận so sánh với trách nhiệm bảo đảm sự tôn trọng các quyền tự do của công dân trong mô hình tố tụng công bằng.

Từ tình hình nghiên cứu nêu trên, có thể nhận thấy đã có ít nhiều công trình trong và ngoài nước đề cập, phân tích ở một mức độ nhất định các vấn đề liên quan đến nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong luật TTHS Việt Nam. Tuy nhiên, để phân tích, đánh giá một cách hệ thống và toàn diện về khái niệm, nội dung, cơ sở quy định, vị trí, ý nghĩa, sự thể hiện của nguyên tắc này trong các quy định của luật TTHS và trong thực tiễn TTHS Việt Nam lại chưa có một công trình khoa học nào thực hiện ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học.

Vì vậy, việc tiếp tục phát triển các kết quả nghiên cứu hiện còn tương đối hạn chế, làm sâu sắc hơn và phong phú hơn những nhận thức khoa học về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, đánh giá sự thể hiện của

nguyên tắc này trong các quy định của pháp luật cũng như trong thực tiễn giải quyết các vụ phạm tội, các vụ phạm pháp hình sự đang diễn ra hàng giờ, hàng ngày trong đời sống xã hội là đáp ứng các nhu cầu của khoa học luật TTHS, phục vụ thiết thực cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Việc nghiên cứu luận án nhằm mục đích xây dựng một hệ thống các tri thức về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS và đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS cũng như một số giải pháp khác để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội.

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, tác giả luận án đặt ra những nhiệm vụ phải giải quyết sau đây:

Một là, nghiên cứu làm rõ các khái niệm khởi tố VAHS, xử lý VAHS, nội dung căn bản của việc xử lý VAHS, vấn đề chủ thể của hoạt động khởi tố và xử lý VAHS theo các chức năng của TTHS.

Hai là, xác định các cơ sở của việc quy định nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, nói cách khác, trả lời cho câu hỏi về sự cần thiết quy định nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong luật TTHS Việt Nam.

Ba là, làm rõ khái niệm, nội dung nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, xác định mối quan hệ giữa nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS với các nguyên tắc khác của luật TTHS Việt Nam.

Bốn là, khái quát các quan điểm về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong lịch sử luật TTHS Việt Nam, trong các mô hình và hình thức TTHS trên thế giới để xác định những nét tương đồng cũng như khác biệt, các giá trị lịch sử pháp lý và kinh nghiệm nước ngoài phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh Việt Nam.

Năm là, phân tích sự thể hiện của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong các quy định của pháp luật TTHS hiện hành.

Sáu là, làm sáng tỏ thực tiễn thực hiện nguyên tắc này trong quá trình khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội ở nước ta hiện nay, nêu lên những mặt được, những hạn chế, thiếu sót của pháp luật TTHS cũng như chỉ ra nguyên nhân của các tồn tại từ quy định của pháp luật TTHS, từ các chủ thể áp dụng pháp luật và các nguyên nhân khác.

Bảy là, nghiên cứu đưa ra các quan điểm hoàn thiện, đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định về khởi tố VAHS cũng như các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong luật TTHS Việt Nam trên các phương diện: *phương diện lý luận; phương diện pháp luật thực định*: nghiên cứu quy định về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng như các quy định của pháp luật TTHS thể hiện nội dung, yêu cầu của nguyên tắc này, và *phương diện áp dụng pháp luật*: nghiên cứu làm rõ nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS và các quy định có liên quan được thực hiện như thế nào trong thực tiễn khởi tố và xử lý VAHS.

Phạm vi nghiên cứu của luận án

Theo nội dung quy định tại Điều 13 BLTTHS, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS không chỉ là nguyên tắc của giai đoạn khởi tố mà là cả quá trình xử lý VAHS. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quan điểm, triết lý lập pháp của việc quy định nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng như qua phân tích mối quan hệ giữa các nguyên tắc của luật TTHS Việt Nam, luận án cho rằng nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS có bản chất là nguyên tắc trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội. Do vậy, về phạm vi nghiên cứu, nguyên tắc này chủ yếu được luận án nghiên cứu trong giai đoạn khởi tố VAHS và tiến trình truy cứu TNHS người phạm tội theo trục tố tụng điều tra - truy tố - xét xử người phạm tội sau khi vụ án được khởi tố.

Về phạm vi thời gian và không gian, luận án tập trung nghiên cứu việc thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trên toàn quốc trong thời gian 6 năm từ năm 2004 (sau khi có BLTTHS năm 2003) đến năm 2009, ngoài ra, có những số liệu tại các mốc thời gian khác được đưa ra trong luận án để tham khảo, so sánh (hoặc do chỉ được các cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, công bố theo giai đoạn mà không chi tiết theo từng năm, hoặc do các cơ quan có thẩm quyền chỉ cho phép tác giả luận án công bố sau khi đã cộng gộp theo giai đoạn, chia trung bình chung hay công bố bằng cách đưa ra một biên độ dao động mà không nêu con số cụ thể). Một số địa phương được khảo sát trong luận án theo tiêu chí lựa chọn ngẫu nhiên (một số địa phương bất kỳ) và tiêu chí lựa chọn điển hình (địa phương có số lượng án lớn, có nhiều án trọng điểm so với các địa phương khác trong phạm vi cả nước).

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là toàn bộ các quan điểm, luận điểm nghiên cứu trước đó về nguyên tắc này, các quan điểm, luận điểm khoa học liên quan về Nhà nước và pháp luật, về quyền con người, tâm lý tư pháp... Việc nghiên cứu luận án không thể không dựa trên sự kế thừa, phê phán và phát triển các kết quả nghiên cứu trước đó của khoa học luật TTHS, khoa học luật hình sự, tội phạm học, khoa học điều tra hình sự, tâm lý học tư pháp, xã hội học, Việt Nam học và các môn khoa học xã hội khác liên quan.

Để phù hợp với nội dung nghiên cứu và giải quyết được các nhiệm vụ mà đề tài đặt ra, trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: phương pháp lịch sử, phân tích, so sánh, chứng minh, tổng hợp, điều tra điển hình...

6. Những điểm mới về mặt khoa học của luận án

Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học pháp lý Việt Nam ở cấp độ luận án tiến sĩ nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về

nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Có thể xem những nội dung sau đây là đóng góp mới về mặt khoa học của luận án:

Thứ nhất, luận án đã phân tích một cách có hệ thống, toàn diện về những vấn đề lý luận chung của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong luật TTHS Việt Nam: làm rõ khái niệm, nội dung, vị trí của nguyên tắc này trong luật TTHS Việt Nam.

Thứ hai, luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên đưa ra và lý giải những triết lý, quan điểm lập pháp quy định nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trên cơ sở phân tích sự tác động đa chiều của các đặc điểm pháp luật, văn hóa, lịch sử, xã hội Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên đưa ra các luận điểm về tính chất và mức độ dấu hiệu của tội phạm trong các thời điểm của giai đoạn khởi tố VAHS cũng như đánh giá các quy định về vấn đề này trong luật TTHS Việt Nam.

Thứ tư, luận án là công trình đầu tiên đưa ra những nghiên cứu so sánh các quan điểm, các quy định về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong lịch sử pháp luật TTHS Việt Nam và trong sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau của các mô hình TTHS, các bộ luật TTHS của một số quốc gia khác trên thế giới.

Thứ năm, luận án đã phân tích, đánh giá sự thể hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong các quy định của pháp luật TTHS hiện hành cũng như thực tiễn áp dụng nguyên tắc này trong TTHS - luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên phản ánh tương đối toàn diện thực tiễn khởi tố VAHS và đánh giá tính hiệu quả của hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội ở nước ta từ sau thời điểm BLTTHS năm 2003 có hiệu lực đến nay.

Thứ sáu, các đề xuất cụ thể để bảo đảm thực hiện hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS được luận án đưa ra một cách có hệ thống: từ các giải pháp về hoàn thiện pháp luật đến các giải pháp về cơ chế kiểm sát, giám sát, các giải pháp về vấn đề con người, về tổ chức thực hiện.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về mặt lý luận: Đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên đề cập một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong luật TTHS Việt Nam ở cấp độ một luận án tiến sĩ luật học với những đóng góp về mặt khoa học đã nêu ở phần trên.

Về mặt thực tiễn: Kết quả nghiên cứu và những kiến nghị của luận án có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động khởi tố và xử lý VAHS của các cơ quan tiến hành tố tụng ở Việt Nam hiện nay. Các kết luận và những đề xuất, kiến nghị mà luận án đưa ra được dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, do đó, là nguồn tham khảo có giá trị đối với việc hoàn thiện pháp luật TTHS và pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước có liên quan.

Luận án cũng là nguồn tham khảo có giá trị đối với việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập môn học luật TTHS tại các cơ sở đào tạo cử nhân luật cũng như những môn học về kỹ năng giải quyết VAHS tại các cơ sở đào tạo nghề luật, góp phần nâng cao hiệu quả của pháp luật - công cụ pháp lý hữu hiệu để đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự;

Chương 2: Sự thể hiện của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự trong các quy định của luật tố tụng hình sự và thực tiễn thực hiện;

Chương 3: Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1.1. Khái niệm khởi tố vụ án hình sự, xử lý vụ án hình sự

1.1.1.1. Khái niệm khởi tố vụ án hình sự

Trong khoa học luật TTHS Việt Nam, khái niệm khởi tố VAHS được đề cập nhiều trong các giáo trình Luật TTHS Việt Nam, bình luận khoa học BLTTHS Việt Nam và các từ điển luật học. Nhìn chung, giữa các tác giả của những công trình nghiên cứu này có sự thống nhất tương đối về nội hàm khái niệm. Tuy nhiên, có một số khái niệm mà chúng tôi cho rằng chưa chính xác và chưa đầy đủ. Theo Từ điển Luật học của Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), "khởi tố vụ án hình sự là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng xác định có sự việc phạm tội để tiến hành điều tra phát hiện tội phạm" [100, tr. 429]; tác giả Mai Thanh Hiếu, Nguyễn Chí Công cho rằng: "Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định khởi tố hoặc không khởi tố hình sự" [24, tr. 7]. Các khái niệm này là chưa chính xác, bởi nếu theo khái niệm thứ nhất, khởi tố VAHS là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, nhưng thực tế khởi tố VAHS là hoạt động của không chỉ các cơ quan tiến hành tố tụng mà còn là hoạt động của một số chủ thể khác được giao thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu, pháp luật của rất nhiều quốc gia trên thế giới còn quy định cho phép các cơ quan khác trong lực lượng cảnh sát, quân đội, các cơ quan thuế, trước bạ, hải quan, kiểm lâm... có thẩm quyền khởi tố VAHS; còn theo khái niệm thứ hai, các tác giả chưa nêu được nội dung quan trọng của giai đoạn khởi tố, đó là hoạt động xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm, sau khi tiến hành

hoạt động này, các cơ quan có thẩm quyền mới có thể xem xét, quyết định khởi tố hoặc không khởi tố hình sự.

Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của Khoa Luật (Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 1997) đưa ra khái niệm: "Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu tố tụng hình sự có nhiệm vụ xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm. Giai đoạn này mở đầu bằng việc phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin về tội phạm và kết thúc bằng quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự" [38, tr. 124]. *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Trường Đại học Luật Hà Nội cũng cho rằng: "Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của tố tụng hình sự trong đó cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm để ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án" [81, tr. 235]. Các công trình nghiên cứu như *Từ điển thuật ngữ Luật học* của Trường Đại học Luật Hà Nội, *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 1988*, *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003* của các tập thể tác giả khác nhau (*Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003* do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003* do GS.TS Nguyễn Ngọc Anh chủ biên, *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003* của Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp...) cũng đưa ra những khái niệm tương tự về khởi tố VAHS. Chúng tôi cũng đồng ý với những định nghĩa nêu trên, trong đó, cùng thống nhất những nội dung sau đây trong nội hàm khái niệm khởi tố: *thứ nhất*, khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn và là giai đoạn mở đầu của TTHS; *thứ hai*, khởi tố VAHS là giai đoạn tố tụng có hai nhiệm vụ cơ bản: (i) xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm và (ii) quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự; *thứ ba*, giai đoạn này mở đầu bằng việc tiếp nhận thông tin về tội phạm (từ các nguồn khác nhau như tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố của cơ quan, tổ chức, người bị hại, người chứng kiến, của chính người phạm tội, thông tin về tội phạm do các cơ quan có thẩm quyền trực tiếp phát

hiện khi thực hiện chức năng nhiệm vụ) và kết thúc bằng việc ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố VAHS. Khởi tố VAHS là một giai đoạn tố tụng bao gồm các hoạt động của cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm nhằm đi tới kết luận khẳng định có dấu hiệu của tội phạm và ra quyết định khởi tố vụ án, hoặc kết luận đây là trường hợp có một trong các căn cứ không được khởi tố vụ án và ra quyết định không khởi tố vụ án.

Tuy nhiên, có một số ý kiến tranh luận về tính độc lập của giai đoạn khởi tố, về việc khởi tố vụ án có phải là một giai đoạn độc lập so với giai đoạn điều tra hay không? Có quan điểm cho rằng, khởi tố chỉ là một bước trong giai đoạn điều tra vụ án, có quan điểm nhấn mạnh khởi tố như một giai đoạn tố tụng độc lập với giai đoạn điều tra do giai đoạn khởi tố có những đặc điểm riêng mà giai đoạn điều tra hay các giai đoạn tố tụng khác không có. Chúng tôi nhận thấy việc phân chia giai đoạn khởi tố tách bạch với giai đoạn điều tra là phù hợp và cần thiết, bởi lẽ giai đoạn khởi tố có nhiệm vụ riêng, có thời điểm bắt đầu và kết thúc; để phân đoạn một cách rõ rệt, có các văn bản tố tụng đặc trưng thể hiện kết quả xử lý vụ án ở giai đoạn này. Cụ thể, nhiệm vụ của giai đoạn khởi tố là xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm để từ đó có biện pháp xử lý tương ứng, trong khi đó nhiệm vụ của giai đoạn điều tra là xác định đầy đủ những tình tiết của tội phạm cũng như người phạm tội. Do đó, những hoạt động tố tụng để xác định dấu hiệu của tội phạm trong giai đoạn khởi tố được áp dụng một cách hạn chế và chủ yếu là một số hoạt động điều tra ban đầu, có sự khác biệt rất lớn về phạm vi và tính chất so với các hoạt động tố tụng được áp dụng trong giai đoạn điều tra. Thời điểm bắt đầu giai đoạn khởi tố VAHS khi các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin về tội phạm (thông tin về tội phạm do các chủ thể bên ngoài chuyển đến và thông tin về tội phạm do bản thân các cơ quan đó trực tiếp phát hiện và được ghi nhận lại), kết thúc khi các cơ quan này ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố VAHS, văn bản tố tụng đặc trưng của giai đoạn này chính là quyết định khởi tố VAHS, quyết định không khởi tố VAHS... Giai đoạn

khởi tố cũng có những đặc thù riêng về các biện pháp xác định dấu hiệu của tội phạm và biện pháp ngăn chặn được các cơ quan có thẩm quyền áp dụng. Tất nhiên, việc phân chia các giai đoạn như trên chỉ mang tính chất tương đối bởi về cơ bản, vụ án vẫn đang trong tiến trình giải quyết của cùng một cơ quan, ít có sự chuyển giao từ cơ quan này sang cơ quan khác, các hoạt động kiểm tra, xác minh dấu hiệu của tội phạm bản chất cũng vẫn là các hoạt động xác định tội phạm, và sau khi đã khởi tố vụ án, các hoạt động điều tra vẫn phải tiếp tục thực hiện mà không có sự ngừng nghỉ, gián đoạn. Ý nghĩa quan trọng của việc nhấn mạnh tính độc lập của giai đoạn khởi tố VAHS xuất phát từ sự khác biệt cơ bản của giai đoạn này với giai đoạn điều tra, đó là chỉ sau khi có quyết định khởi tố vụ án, TTHS mới chuyển sang giai đoạn chính thức áp dụng các biện pháp điều tra xử lý vụ án, chính thức xác định cơ tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như chính thức xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Từ các phân tích trên, chúng tôi cho rằng: *khởi tố vụ án hình sự là một giai đoạn của tố tụng hình sự, trong đó các cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm để quyết định việc khởi tố vụ án, giai đoạn này mở đầu bằng hoạt động tiếp nhận thông tin về tội phạm và kết thúc bằng hoạt động ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.*

1.1.1.2. Khái niệm xử lý vụ án hình sự

Khái niệm "xử lý vụ án hình sự" về cơ bản vẫn chưa được làm sáng tỏ trong khoa học luật TTHS. Theo Từ điển tiếng Việt, xử lý được hiểu là: "Xem xét và giải quyết về mặt tổ chức một vụ phạm lỗi nào đó, ví dụ: xử lý nghiêm minh một vụ vi phạm kỷ luật" [112, tr. 1163]. Trong Bộ luật hình sự (BLHS), khái niệm xử lý được nhắc tới tại Điều 3 (về nguyên tắc xử lý), Điều 69 (về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội) thể hiện các nội dung của chính sách hình sự về quan điểm, đường lối giải quyết các hành vi phạm tội và người phạm tội. Khảo sát các công trình nghiên cứu mang tính chất định

nghĩa, giải thích thuật ngữ pháp lý như Từ điển luật học, Từ điển thuật ngữ Luật học, Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng... thì ngoài cuốn Sổ tay kiến thức pháp luật của Điều tra viên của PGS.TS Nguyễn Ngọc Anh năm 2006, chúng tôi nhận thấy các tác giả những công trình khoa học trên chưa đưa ra khái niệm "xử lý vụ án hình sự". Các tạp chí chuyên ngành, các sách chuyên khảo và giáo trình luật TTHS cũng chưa có sự luận giải đáng kể nào về nội dung của khái niệm này. Chúng tôi cho rằng, theo cách nhận thức thông thường thì xử lý được hiểu là hoạt động giải quyết một vấn đề, một sự việc nào đó. Như vậy, trong TTHS, xử lý VAHS có thể được hiểu là tất cả các hoạt động giải quyết một VAHS. Do đó, về nội hàm khái niệm, chúng tôi cơ bản cũng đồng ý với quan điểm của PGS.TS Nguyễn Ngọc Anh cho rằng: "Trong tố tụng hình sự, xử lý vụ án hình sự chính là việc giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng... Xử lý vụ án còn một cách gọi khác là giải quyết vụ án" [1, tr. 228], mặc dù phạm vi chủ thể của hoạt động xử lý VAHS là rộng hơn (không chỉ có các cơ quan tiến hành tố tụng mà còn là các cơ quan khác được giao thẩm quyền tiến hành một số hoạt động tố tụng).

Nội dung của xử lý VAHS là tổng hợp các quyết định, hành vi tố tụng để xác định hành vi phạm tội và dạng, mức trách nhiệm hình sự tương ứng, giải quyết một số vấn đề khác liên quan đến người phạm tội, đến vụ án. Như vậy, xử lý VAHS là những hoạt động tố tụng, những hoạt động mang tính quyền lực nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện mà nội dung cốt lõi của nó là truy cứu TNHS người phạm tội. Truy cứu TNHS người phạm tội là "hoạt động của Nhà nước thông qua các cơ quan của mình để buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện" và "thuộc về truy cứu trách nhiệm hình sự là những hoạt động khởi tố của cơ quan điều tra, truy tố của cơ quan viện kiểm sát, xét xử của cơ quan Tòa án và có thể cả cưỡng chế thi hành biện pháp của trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội của cơ quan thi hành án" [26, tr. 287], [82, tr. 819, 820]. Nói cách khác, xử lý VAHS là các hoạt động của các cơ quan nhà nước có

thẩm quyền buộc người có năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS đã thực hiện hành vi phạm tội được luật hình sự quy định phải chịu TNHS về hành vi phạm tội mà người đó đã thực hiện. Để truy cứu TNHS người phạm tội, CQĐT phải khởi tố, điều tra, VKS phải truy tố ra trước Tòa án để xét xử và Tòa án phải tiến hành việc xét xử. Đây cũng chính là một quy trình xử lý VAHS với hai vấn đề quan trọng phải giải quyết: xác định tội phạm và xử lý người phạm tội. Xác định tội phạm là quá trình chứng minh kể từ lúc phát hiện các dấu hiệu của tội phạm đến khi sự kiện phạm tội và con người phạm tội được làm rõ trên cơ sở đầy đủ các chứng cứ. Xử lý người phạm tội được hiểu trên hai phương diện: ở phương diện áp dụng pháp luật hình sự, là việc xác định tội danh, áp dụng các dạng, mức TNHS hoặc các biện pháp tha, miễn TNHS... của luật hình sự. Ở phương diện áp dụng pháp luật TTHS, xử lý người phạm tội là quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật TTHS như khởi tố bị can, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế tố tụng khác, truy tố ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với người phạm tội... Về bản chất, các quy phạm pháp luật TTHS này chính là những công cụ, biện pháp, thủ tục tố tụng được sử dụng trong quá trình truy cứu TNHS người phạm tội, bảo đảm cho quá trình này được tiến hành thuận lợi, chủ động, hiệu quả, ngăn chặn sự tùy tiện, lạm quyền từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như khả năng trốn tránh, tiêu hủy chứng cứ, tiếp tục phạm tội... từ phía người bị truy cứu TNHS.

Từ các phân tích trên, chúng tôi cho rằng: *xử lý vụ án hình sự là tổng thể các hoạt động tố tụng do những chủ thể có thẩm quyền tiến hành trong quá trình giải quyết vụ án hình sự để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội.*

Trong thực tiễn, khái niệm xử lý (VAHS) còn được sử dụng để thể hiện những hoạt động tố tụng có tính chất quan trọng, nổi bật trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Ví dụ: khái niệm "xử lý" được sử dụng trong các cụm từ chỉ hoạt động cá thể hóa vai trò và trách nhiệm của người bị tình nghi

tại thời điểm khởi tố vụ án, khởi tố bị can mà CQĐT thường phải thực hiện, đó là "bắt, giữ, giam, tha, phân loại xử lý", "bảo vệ trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm đối với các loại tội phạm" [11] hay "tiếp nhận điều tra, lập hồ sơ đề nghị xử lý các vụ án do đơn vị bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, Viện kiểm sát, Tòa án hoặc do cơ quan điều tra ngành khác chuyển đến theo thẩm quyền..." [4] trong các trường hợp báo cáo đề xuất, thỉnh thị quan điểm đường lối xử lý vụ án giữa cấp dưới với cấp trên, việc tiếp nhận, điều tra, lập hồ sơ đề nghị xử lý vụ án giữa CQĐT với các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trong các ngữ cảnh như vậy, xử lý VAHS được hiểu là những hoạt động mang tính "quyết định" đối với một VAHS và đối với số phận pháp lý của một hay nhiều người bị truy cứu TNHS trong vụ án đó (quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, quyết định rút truy tố...). Hoạt động xử lý VAHS trong những phạm vi sử dụng nói trên được hiểu là hoạt động xác định những vấn đề liên quan tới sự tồn tại, kết thúc vụ án (quyết định khởi tố vụ án, đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án...), mở rộng hay thu hẹp phạm vi điều tra vụ án hoặc quyết định đưa vụ án tới những thời điểm tố tụng quan trọng (kết thúc điều tra đề nghị truy tố chuyển sang VKS, quyết định truy tố bằng bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung...). Có thể nói, xử lý VAHS còn là một thuật ngữ được thực tiễn tư pháp hình sự sử dụng để chỉ việc xác định các vấn đề quan trọng về tính chất, phạm vi, tiến độ của VAHS, trong những trường hợp liên quan đến việc chỉ đạo đường lối giải quyết vụ án.

Ngoài ra, để làm rõ khái niệm "xử lý vụ án hình sự", chúng tôi cho rằng cần phân biệt khái niệm này với một số khái niệm liên hệ. Khái niệm "xử lý vụ án hình sự" rất gần với khái niệm "thụ lý vụ án hình sự" và "xử lý hình sự". Theo Từ điển tiếng Việt, thụ lý là "việc cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận giải quyết vụ kiện hoặc vụ án hình sự. *Cơ quan điều tra đang thụ lý vụ án*" [112, tr. 961], do vậy, có thể hiểu: *thụ lý VAHS là việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tiếp*

nhận giải quyết VAHS. Khi đặt trước sự lựa chọn giải quyết một sự việc có dấu hiệu của tội phạm bằng biện pháp pháp lý hành chính, biện pháp pháp lý dân sự hay biện pháp pháp lý hình sự, việc lựa chọn biện pháp pháp lý hình sự để xử lý sự việc bằng cách áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự với thủ tục TTHS, còn được gọi là xử lý hình sự. Xử lý hình sự là kết quả của quá trình lựa chọn biện pháp giải quyết một sự việc có tính chất hình sự sau khi cân nhắc về căn cứ áp dụng (trong đó bao gồm cả sự cân nhắc về mức độ cần thiết áp dụng). Khi quyết định xử lý hình sự, cơ quan có thẩm quyền sẽ ra quyết định khởi tố VAHS. Như vậy, để chính thức khẳng định một sự việc có dấu hiệu tội phạm là một VAHS và chính thức tiến hành điều tra vụ án, cần phải có một văn bản thể hiện quyết định xử lý hình sự và tên gọi pháp lý của quyết định này chính là quyết định khởi tố VAHS. Ngược lại, nếu quyết định không xử lý hình sự, quyết định khởi tố VAHS sẽ không được ban hành.

Khởi tố vụ án là một giai đoạn của xử lý VAHS với các hoạt động xử lý VAHS ở giai đoạn tố tụng đầu tiên. Việc quyết định không khởi tố VAHS không có nghĩa là đã không thực hiện hoạt động xử lý, để ban hành quyết định không khởi tố VAHS, các cơ quan có thẩm quyền đã phải thực hiện những hoạt động xử lý nhất định: hoạt động kiểm tra, xác minh (trong đó có một số hoạt động điều tra tố tụng) có hay không có dấu hiệu của tội phạm, có hay không có các căn cứ không khởi tố vụ án. Do đó, chúng tôi tán thành quan điểm của GS.TS Đỗ Ngọc Quang cho rằng: "Trong trường hợp xác định sự việc không có dấu hiệu tội phạm các cơ quan tiến hành tố tụng cũng phải xử lý bằng việc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự" [38, tr. 47]. Như vậy, dù khái niệm xử lý VAHS được hiểu trên phương diện học thuật hay theo cách sử dụng của những người làm thực tiễn, khởi tố VAHS cũng chỉ là một nội dung của xử lý VAHS.

1.1.2. Cơ sở của trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Để trả lời câu hỏi khởi tố và xử lý VAHS là trách nhiệm của ai đối với ai, tại sao lại là trách nhiệm mà không chỉ là quyền, cũng không chỉ là nghĩa

vụ, chúng tôi cho rằng cần xuất phát từ vị trí, vai trò của Nhà nước trong xã hội, từ mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân.

Pháp luật nói chung và pháp luật TTHS nói riêng là sự phản ánh tương đối chân thực mối quan hệ giữa Nhà nước với xã hội, là sự phản ánh những cam kết, những trách nhiệm của Nhà nước với công dân. Điều này được nhận thấy rất rõ khi nhìn lại lịch sử TTHS để xác định vai trò chủ thể của trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS mà Nhà nước hiện nay đang thực hiện.

Tổ tụng tố cáo là hình thức tố tụng sơ khai mà đặc trưng của hình thức tố tụng này là vụ án do người bị hại khởi tố. Tính chất dân chủ còn lại từ thời kỳ thị tộc tan rã đã tạo ra một cơ chế mà về hình thức, thể hiện tính dân chủ đậm nét: người nào bị tội phạm xâm hại, thì người đó có quyền khởi tố, buộc tội để người bị buộc tội bị đưa ra xét xử, để công lý được thực thi theo công thức: *Memo judex sine action* - không có người tố cáo thì không có quan tòa. Theo nguyên tắc này, việc khởi tố là quyền của người bị hại, không khởi tố cũng là quyền của người bị hại, quyết định tiếp tục hay không tiếp tục tiến trình xử lý vụ án cũng thuộc quyền của người bị hại. Nhà nước coi đây là vấn đề giữa hai bên và Nhà nước sẽ chỉ thực hiện chức năng xét xử.

Tuy nhiên, trải qua thời gian, tố tụng tố cáo với việc "buông xuôi" trách nhiệm khởi tố hay dành quyền khởi tố cho người bị hại đã bộc lộ những hạn chế nghiêm trọng đối với việc bảo đảm công lý cho cả bên tố cáo và bên bị tố cáo, đối với việc thiết lập một trật tự xã hội ổn định, đối với việc duy trì quyền lực của Nhà nước. Tố tụng tố cáo tưởng như dân chủ khi người bị hại được quyền khởi tố vụ án để Nhà nước trừng phạt người phạm tội nhưng thực chất, lại không như vậy khi đặt trong bối cảnh xã hội, Nhà nước và pháp luật có sự phân định đẳng cấp sâu sắc. Người bị hại nếu thuộc tầng lớp nô lệ, nông nô chiếm đa số trong xã hội, đương nhiên sẽ không thể có năng lực pháp luật và điều kiện thực tế để thực hiện quyền khởi tố, bởi lẽ họ ở vị thế bất bình đẳng với người phạm tội ở giai tầng trên. Mặt khác, từ thực tiễn trong số

những người thực hiện quyền tố cáo, có không ít trường hợp lợi dụng quyền này để vu khống, xâm phạm đến danh dự và lợi ích của người khác. Vì vậy, pháp luật tố tụng đã phải ràng buộc trách nhiệm tố cáo, nếu sau đó kết quả xét xử người bị tố cáo không phạm tội thì người tố cáo sẽ phải chịu hình phạt. Ràng buộc này đã làm giảm những tố cáo sai sự thật, nhưng đồng thời, cũng làm cho việc tố cáo bị ngưng trệ. Một khi tội phạm không được xử lý, những mâu thuẫn cá nhân, gia đình, dòng họ sẽ phát triển thành những mâu thuẫn cộng đồng, đe dọa sự ổn định xã hội. Đặc biệt, khi tội phạm gia tăng mà chỉ người bị hại mới có quyền khởi tố vụ án thì Nhà nước sẽ không giải quyết được tình trạng tội phạm.

Việc tìm kiếm những hình thức tố tụng khác là điều tất yếu xảy ra, nhưng những lý do nêu trên chưa phải là nguyên nhân chính thúc đẩy sự hạn chế phạm vi quyền khởi tố của người bị hại. Khác với dân luật, hình luật là lĩnh vực mà Nhà nước thể hiện rõ nét nhất ý chí, quyền lực và lợi ích của mình. Do đó, nếu Nhà nước chỉ dừng lại ở việc can thiệp vào quá trình xét xử - nghĩa là tự tước bỏ một nửa quyền lực khi dành quyền khởi tố cho người bị hại (Nhà nước tự để mất quyền kiểm soát "nguồn đầu vào" của TTHS, về lý thuyết, nếu người bị hại không khởi tố thì Nhà nước không có án để xét xử, để thể hiện ý chí của mình - "Trong Nhà nước nô lệ, tố tụng hình sự chỉ có khi người nào đó tố cáo tội phạm với chính quyền" [22, tr. 28]). Tội phạm không chỉ là những hành vi trộm cắp, cướp của, giết người hay hiếp dâm, tội phạm còn là những hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, đến các giá trị công và tài sản công. Nói cách khác, những trường hợp người bị hại là Nhà nước, Nhà nước nếu không chính thức tự quy định cho mình quyền khởi tố vụ án và truy cứu TNHS người phạm tội thì ngay bản thân quyền lợi của Nhà nước cũng sẽ không được bảo vệ. Do đó, xuất phát từ lợi ích của Nhà nước, từ tính giai cấp của Nhà nước, pháp luật tố tụng phải dần chuyển quyền khởi tố từ người bị hại sang Nhà nước, từ tư tố sang công tố.

Bên cạnh bản tính giai cấp, Nhà nước còn có và còn phải thể hiện tính chất xã hội của nó. Đó chính là trách nhiệm của Nhà nước đối với xã hội, đối với công dân, mà pháp luật là một công cụ ghi nhận và bảo đảm điều kiện thực thi trách nhiệm ấy. Nếu để mặc cho công dân tự thực hiện việc xử lý người phạm tội, nếu không có một thiết chế công quyền đại diện cho họ, công dân sẽ không được bảo đảm các điều kiện bình đẳng trong quá trình tố tụng, không được bảo đảm các điều kiện để bảo vệ sự buộc tội của mình. Hơn nữa, trong những vụ án chưa xác định được người phạm tội hay người bị hại, nếu không có những cơ quan chuyên trách điều tra, buộc tội và xét xử chuyên nghiệp, thì sẽ dẫn đến những hệ quả đặc biệt tiêu cực. Sự thiếu trách nhiệm của thiết chế công quyền đã dần được loại bỏ trong tiến trình văn minh của nhân loại. Do thực tiễn khách quan đòi hỏi, tố tụng tố cáo càng ngày càng bị thu hẹp và tố tụng xét hỏi (tố tụng thẩm vấn) ra đời, trở thành hình thức tố tụng phổ biến trong thời kỳ phong kiến. Toàn bộ quy trình xử lý vụ án, từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử cho tới thi hành án về cơ bản thuộc trách nhiệm của Nhà nước, mà chủ yếu là do cơ quan nhà nước chuyên trách đảm nhận. Mô hình này không chỉ tồn tại ở châu Âu thời trung cổ, mà cũng rất phổ biến và điển hình ở các quốc gia phong kiến phương Đông, trong đó có Việt Nam. Cách xử lý án "trộn gói" từ khi người dân đánh trống kêu oan đến khai đao "cầu đầu trăm" kiểu "Bao Công ở phủ Khai Phong" chính là một trong những ví dụ minh họa cho mô hình này.

Trong sự ra đời và tồn tại của tố tụng xét hỏi, tố tụng tranh tụng hay tố tụng hỗn hợp sau này thì tuy hình thức, mức độ thể hiện có khác nhau, thậm chí rất khác nhau, nhưng về cơ bản, Nhà nước đều đã nhận lấy trách nhiệm phát động quá trình xử lý vụ án và thực hiện các hoạt động tiếp theo để xử lý vụ án, để truy cứu TNHS người phạm tội. Khi xã hội tiến tới một trình độ văn minh hơn, Nhà nước được quan niệm là một chủ thể đặc biệt được xã hội ủy thác để thực hiện các "dịch vụ công", để phục vụ xã hội. Một trong những dịch vụ đó là bảo đảm an toàn cho xã hội và công dân, khi sự an toàn đó bị tội

phạm xâm hại, Nhà nước có trách nhiệm phải khởi tố vụ án và truy cứu TNHS người phạm tội. Trở thành "trách nhiệm", Nhà nước (thông qua các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy Nhà nước) phải khởi tố và xử lý VAHS - đây không còn là hoạt động mang tính chất tùy nghi, làm cũng được hoặc không làm cũng được, càng không phải là sự "ban phát" của các cơ quan có thẩm quyền với người bị hại, khởi tố và xử lý VAHS là một nghĩa vụ, một yêu cầu phải được thực hiện và thực hiện một cách chủ động, tận tâm, trọn vẹn, nếu không, sẽ dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm và không kiểm soát được tội phạm, lợi ích xã hội, lợi ích của Nhà nước và lợi ích của công dân sẽ không được bảo đảm. Nhà nước chịu trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là chịu trách nhiệm đối với xã hội, với người bị tội phạm xâm hại và cả với người phạm tội. Và khi Nhà nước giao trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cho một số cơ quan trong bộ máy nhà nước, thì những cơ quan này được nhân danh Nhà nước nhưng phải xuất phát từ lợi ích của Nhà nước, của xã hội để tiếp tục "sứ mệnh của Nhà nước" trong quá trình thực hiện các hoạt động khởi tố và xử lý VAHS. Những cơ quan này có trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS vì lợi ích chung, an toàn chung của xã hội.

Một vấn đề khác đặt ra là trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS của Nhà nước được xác định như thế nào trong những vụ án mà pháp luật vẫn tiếp tục cho phép người bị hại khởi tố hay khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Trước hết cần kiến giải tại sao pháp luật vẫn để lại những trường hợp chỉ khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Chúng tôi cho rằng, câu trả lời cần đứng trên vị trí của ba chủ thể. Chủ thể thứ nhất, *Nhà nước*, về nguyên tắc, những tội phạm khởi tố theo yêu cầu của người bị hại chỉ giới hạn trong những vụ án mà đối tượng tác động của tội phạm trước tiên và trên hết là các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân người bị hại, không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể tới lợi ích của Nhà nước, của xã hội trên bình diện chung. Chủ thể thứ hai: *người bị hại*, người bị hại trong những trường hợp này là cá nhân trực tiếp bị tội phạm xâm hại, mặc dù quyền và lợi ích của họ bị xâm phạm,

nhưng nếu vụ án được khởi tố và người phạm tội bị truy cứu TNHS, họ sẽ có khả năng phải gánh chịu những bất lợi lớn hơn cả việc đã bị tội phạm xâm hại (bất lợi về thời gian, về kinh tế khi phải theo đuổi tiến trình tố tụng, bất lợi về danh dự, uy tín, về tinh thần khi nhiều người biết về những tổn thương, thiệt hại của họ do tội phạm gây ra, nhất là người bị hại trong các vụ án về tội phạm tình dục, bạo lực gia đình...). Chủ thể thứ ba: *người phạm tội*, trong một số trường hợp, việc khởi tố, truy cứu TNHS với người phạm tội sẽ không đem lại hiệu quả bằng việc không khởi tố vụ án, không xử lý hình sự; tính nhân đạo của pháp luật và lòng khoan dung của người bị hại có sức mạnh cảm hóa lớn hơn sức mạnh của các biện pháp cưỡng chế hình sự và TTHS.

Tuy nhiên, quá trình dịch chuyển từ tư tố sang công tố là rất lâu dài và thể hiện sinh động mối quan hệ giữa dân quyền và công quyền trong xã hội. Nói cách khác, quyền khởi tố của công dân trong những trường hợp nhất định cũng cần được hiểu là quyền tự quyết định việc có yêu cầu Nhà nước tham gia vào mối quan hệ giữa người phạm tội với họ hay không - và trách nhiệm khởi tố của Nhà nước (trong những trường hợp nhất định) cũng cần được hiểu là trách nhiệm không tự ý can thiệp vào mối quan hệ giữa người bị hại với người phạm tội một khi người bị hại không yêu cầu. Theo BLTTHS của Liên bang Nga, bên cạnh các vụ án công tố do Công tố viên nhà nước thực hiện việc truy tố, còn có tư cách "tư tố viên", khoản 59 Điều 5 Bộ luật này giải thích "tư tố viên là người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại và người đại diện trong vụ án tư tố" [94].

Ở nhiều bang của Hoa Kỳ:

Không cưỡng chế thi hành luật pháp cũng là nguyên tắc trong những tình huống mà nạn nhân của một tội phạm sẽ không hợp tác với cảnh sát trong việc khởi tố một vụ án. Chẳng hạn, trong trường hợp tội phạm về tài sản không đáng kể, nạn nhân thường thỏa mãn nếu có bồi thường và không thể có đủ thời gian để ra làm chứng trước tòa [36, tr. 117].

Có thể coi đây là một biểu hiện của mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau giữa Nhà nước và công dân. Và một trong những sản phẩm thể hiện sinh động mối quan hệ này chính là hình thức kết hợp tố tụng và công tố, đó là công - tố. Công tố được thể hiện ở tư cách đồng khởi tố: Công tố viên và người bị hại trong pháp luật TTHS ở một số nước, ví dụ: Điều 30 BLTTHS Thái Lan quy định: "Trong trường hợp công tố viên khởi tố hình sự thì người bị hại có thể làm đơn yêu cầu được tham gia tố tụng cùng công tố viên ở bất cứ giai đoạn nào với tư cách là người đồng khởi tố trước khi Tòa sơ thẩm tuyên án" [96].

Theo khoản 3 Điều 20 BLTTHS Liên bang Nga năm 2001 thì công - tố là trường hợp vụ án chỉ được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nhưng không thể bị đình chỉ khi có thỏa thuận giữa người bị hại và bị can (trừ một số trường hợp nhất định). Pháp luật TTHS Việt Nam quy định về trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Ý chí của người bị hại trong việc khởi tố vụ án và trong tiến trình xử lý vụ án được Nhà nước tôn trọng: khi người bị hại yêu cầu, Nhà nước sẽ tiến hành khởi tố vụ án (sau khi xác định đủ căn cứ) và việc khởi tố vụ án sẽ chỉ được coi là hợp pháp, đúng trình tự nếu có yêu cầu của người bị hại; về cơ bản, người bị hại khi đã yêu cầu khởi tố vẫn có thể rút yêu cầu khởi tố trước khi mở phiên tòa, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn đứng tư cách chủ thể của quyết định khởi tố vụ án và Nhà nước là chủ thể duy nhất có thẩm quyền khởi tố vụ án và đình chỉ vụ án.

Như vậy, cơ sở chính trị của việc ghi nhận Nhà nước - chủ thể của trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp thống trị, quyền lực của giai cấp thống trị, còn cơ sở xã hội của vấn đề này là trách nhiệm xã hội của Nhà nước, trách nhiệm của Nhà nước đối với sự tồn tại, phát triển an toàn của xã hội và cá nhân công dân. Chính vì cơ sở của vấn đề là yếu tố quyền lực, lợi ích nên trong một số hoàn cảnh lịch sử - xã hội nhất định, đây là một trong những nguyên nhân chính khiến Nhà nước phải chia sẻ trách nhiệm này cho các chủ thể khác trong xã hội. Trong lịch sử phong kiến Việt Nam, xuất phát từ mối quan hệ đặc biệt giữa "làng" và "nước", thiết

chế tự quản của làng đã kiêm luôn trách nhiệm xử lý những vụ án hình sự ở quy mô nhỏ. Nhà nước trung ương "được" nhường lại trách nhiệm xử lý VAHS ở một mức độ nhất định cho làng xã. Hương ước làng Mộ Trạch (Cẩm Bình, Hải Dương) năm 1665 quy định: người nào tụ tập bè đảng, ngang nhiên trộm cướp, khi bị bắt quả tang, sẽ bị phạt 50 quan tiền. Ban đêm, ăn trộm đồ vật trong nhà người ta mà bị bắt quả tang, thì bị phạt 30 quan. Thậm chí, qua hương ước còn lưu giữ lại được của nhiều địa phương khác, có thể thấy một đặc điểm tương đối phổ biến là chỉ kẻ nào phạm trọng tội, chỉ những vụ tranh chấp tài sản lớn mới phải đưa ra xét xử ở công đường của Nhà nước. Như vậy, đã có sự san bớt trách nhiệm hay chia sẻ quyền lực giữa nhà nước và làng xã trong việc xử lý tội phạm. Đây là một sự thỏa hiệp hợp lý giữa chính quyền "nước" và "làng", nhà nước không được và không thể kiểm soát hết mọi tội phạm và giải quyết hết mọi tội phạm nhưng sẽ dành lấy những trọng án, những vụ án phức tạp, còn "làng" với quyền giải quyết án trên địa bàn làng, đã dành lấy quyền tự quyết, tự trị của làng. Có thể nói, trách nhiệm truy cứu TNHS người phạm tội đặt trong mối quan hệ giữa Nhà nước với làng xã hay rộng hơn là với các thiết chế phi nhà nước khác trong lịch sử còn phản ánh sự tương quan quyền lực giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội, phản ánh năng lực của Nhà nước trong việc kiểm soát tội phạm, cũng như các yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

1.1.3. Chủ thể trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Khi Nhà nước đảm nhận trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trước xã hội, Nhà nước sẽ giao lại trách nhiệm này cho một số cơ quan nhất định thực hiện, việc quy định những cơ quan nào được Nhà nước giao trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS phải dựa trên cơ sở các chức năng của TTHS. Chức năng của TTHS là những phương diện cơ bản của TTHS tương ứng với những loại chủ thể nhất định tham gia vào quá trình tố tụng. Khi đề cập tới các loại chức năng của TTHS, đa số các ý kiến đều thống nhất TTHS có ba

chức năng cơ bản, đó là chức năng buộc tội, chức năng bào chữa và chức năng xét xử [30, tr. 69], [62, tr. 39]...

Buộc tội là chức năng xuất hiện sớm nhất, là một phương diện hoạt động của TTHS nhằm tìm kiếm chứng cứ để đưa ra những cáo buộc cụ thể với người bị tình nghi phạm tội. Nếu Nhà nước thực hiện việc buộc tội, thì việc buộc tội này được gọi là công tố. "Thuật ngữ "buộc tội nhân danh Nhà nước" được dịch ngắn gọn sang tiếng Việt là, theo đúng nghĩa của nó, là "công tố" [Dẫn theo 62]. "Nội dung quyền công tố là sự buộc tội..." [20]. Vấn đề đặt ra là hoạt động điều tra có nằm trong chức năng buộc tội hay không. Khi bàn về phạm vi quyền công tố, có quan điểm cho rằng "phạm vi quyền công tố được giới hạn từ sau khi kết thúc việc điều tra tội phạm, vụ án được chuyển sang Viện kiểm sát để truy tố người phạm tội ra tòa và chấm dứt sau khi Tòa án xét xử xong và tuyên một bản án có hiệu lực pháp luật" [40, tr. 117]. Với quan điểm thu hẹp phạm vi quyền công tố như trên, rất khó để xác định hoạt động điều tra thuộc chức năng nào của TTHS. Tiến tới một kiến giải hợp lý hơn, PGS.TS Trần Văn Độ cho rằng: "Quyền công tố đối với vụ án cụ thể xuất hiện từ khi tội phạm được thực hiện và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật [20].

Quan điểm này là phù hợp, vì bản chất của hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ chính là nội dung cơ bản để buộc tội người bị tình nghi; quyết định truy tố ra trước tòa án để xét xử dù có ý nghĩa rất quan trọng - là hình thức pháp lý điển hình thể hiện chức năng buộc tội, nhưng phải dựa trên các kết quả các hoạt động điều tra trước đó. Nếu không có hoạt động điều tra thì chức năng buộc tội không thể thực hiện được. Điều tra là một trong những nội dung chính của chức năng buộc tội và do đó cũng không nên coi điều tra là một chức năng của TTHS.

Như chúng tôi đã đề cập, nội dung cốt lõi của trách nhiệm xử lý VAHS là trách nhiệm truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Đa số các ý kiến về khái niệm và chủ thể hoạt động truy cứu TNHS đều khẳng định truy cứu

TNHS là "hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng để buộc người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình" [1, tr. 17]. Tuy nhiên, về khái niệm truy cứu TNHS, còn một số ý kiến cho rằng đây là khái niệm của luật hình sự. Chúng tôi chỉ đồng ý trách nhiệm hình sự là khái niệm của luật hình sự nhưng truy cứu TNHS với các hoạt động xác định tội phạm và áp dụng các dạng mức TNHS đối với người phạm tội theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định thì phải là khái niệm của luật TTHS. Truy cứu TNHS không chỉ là hoạt động của CQĐT, VKS trong việc buộc tội mà còn là hoạt động của Tòa án trong việc xét xử người bị VKS buộc tội. Bản án kết tội của Tòa án chính là văn bản pháp lý chính thức thể hiện quan điểm và kết quả truy cứu TNHS của Nhà nước đối với người phạm tội mà không phải là sản phẩm của chức năng buộc tội. Để truy cứu TNHS người phạm tội, CQĐT, VKS phải tiến hành việc khởi tố, điều tra và Tòa án phải xét xử để xác định sự kiện phạm tội và người phạm tội và buộc họ phải chịu TNHS về hành vi phạm tội. Như vậy, hoạt động truy cứu TNHS chính là hoạt động kết hợp công việc của hai chức năng buộc tội và chức năng xét xử. Chúng tôi tán thành quan điểm của các tác giả Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn, tập thể tác giả *"Tư điển Luật học"* năm 2006 (Viện Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp) khi cho rằng: "thuộc về truy cứu trách nhiệm hình sự là những hoạt động khởi tố của cơ quan điều tra, truy tố của cơ quan viện kiểm sát, xét xử của cơ quan Tòa án và có thể cả cưỡng chế thi hành biện pháp của trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội của cơ quan thi hành án" [26, tr. 287], [82, tr. 819, 820] và tương tự là các tác giả Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Duy Lãm trong phần giải nghĩa thuật ngữ truy cứu TNHS các cuốn: *"Sổ tay pháp luật của Điều tra viên"* năm 2006, *"Tư điển thuật ngữ pháp lý thông dụng"* năm 1996... Vì vậy, tuy có thể do sự khác biệt trong quan điểm pháp luật của mỗi quốc gia hay thậm chí chỉ là do dịch thuật, chúng tôi không tán thành cách định nghĩa thu hẹp phạm vi truy cứu TNHS của BLTTHS Liên bang Nga hiện nay, theo đó truy cứu TNHS được giải thích

là "hoạt động tố tụng do bên buộc tội tiến hành với mục đích chứng minh người bị tình nghi, bị can đã thực hiện tội phạm" (điểm 55 Điều 5) và bao gồm các thủ tục công tố, tư tố và công - tư tố (Điều 20 BLTTHS Liên bang Nga năm 2006). Chúng tôi cũng không đồng ý với một số quan điểm theo TTHS Liên-xô (cũ) khi cho rằng "chức năng buộc tội còn gọi là chức năng truy cứu trách nhiệm hình sự, là một dạng hoạt động tố tụng nhằm phát hiện kẻ phạm tội, chứng minh lỗi của người đó, bảo đảm phán xử và hình phạt đối với người đó" [98, tr. 22]. Ở đây, đã có sự mở rộng khái niệm "buộc tội" thành "truy cứu trách nhiệm hình sự" và mở rộng phạm vi chức năng buộc tội bao gồm cả hoạt động "phán xử và hình phạt" của Tòa án đối với người phạm tội. Với cách hiểu như vậy, Tòa án đã bị coi là một chủ thể của chức năng buộc tội và Tòa án mất đi vị thế độc lập của mình và phủ nhận chức năng xét xử của Tòa án trong TTHS.

Trong giai đoạn khởi tố, các cơ quan có thẩm quyền chưa chính thức tiến hành các hoạt động điều tra, nhưng thực tế tư cách người bị tình nghi đã xuất hiện trong giai đoạn khởi tố: đó là những người bị bắt quả tang, bắt trong trường hợp khẩn cấp, người tự thú, đầu thú, người bị tạm giữ. Nhiều biện pháp ngăn chặn nêu trên cùng với các biện pháp cưỡng chế tố tụng khác được thực hiện trong giai đoạn khởi tố đều có đối tượng áp dụng những con người cụ thể bị tình nghi phạm tội, đó là các biện pháp khám người, chỗ ở, chỗ làm việc khi bắt khẩn cấp... nhằm tìm ra các chứng cứ xác định sự thật khách quan của vụ án, trong đó có các chứng cứ buộc tội. Như vậy, có thể khẳng định chức năng buộc tội đã xuất hiện ngay từ giai đoạn khởi tố vụ án.

Một trong những cơ sở để phân định các chức năng của TTHS đó là việc xác định cơ quan nào là chủ thể của các chức năng đó. Mỗi chức năng do một loại chủ thể đảm nhiệm, một cơ quan không thể vừa buộc tội vừa bào chữa hay vừa buộc tội vừa xét xử. Chức năng buộc tội thuộc về CQĐT, VKS và người bị hại cũng có quyền buộc tội trong những trường hợp nhất định; chức năng xét xử thuộc về Tòa án và chức năng bào chữa thuộc về người bị truy cứu TNHS cùng với người bào chữa của họ. Tòa án là cơ quan có chức

năng xét xử, phải ở vị trí khách quan nhất giữa bên buộc tội và bên gỡ tội nhằm quyết định một cách chính thức: người bị buộc tội có đủ chứng cứ khẳng định là có tội hay không, và người bị buộc tội - cũng là người được bào chữa này có đủ chứng cứ khẳng định là vô tội hoặc được giảm nhẹ TNHS hay không. Do đó, không nên giao cho Tòa án trách nhiệm khởi tố vụ án, vì khởi tố vụ án thuộc về chức năng buộc tội.

Để thực hiện chức năng bào chữa, người bị tình nghi và người bào chữa của họ có quyền đưa ra những chứng cứ, lập luận để bác bỏ những nội dung buộc tội của bên buộc tội. Những chủ thể của chức năng bào chữa tham gia vào quá trình xử lý VAHS, nhưng không phải là chủ thể xử lý VAHS vì không mang tính quyền lực nhà nước. Như đã khẳng định, chức năng buộc tội đã xuất hiện ngay từ giai đoạn khởi tố vụ án, và để bảo đảm tính dân chủ, khách quan của hoạt động tố tụng, chức năng bào chữa cũng cần phải xuất hiện ngay từ giai đoạn khởi tố. Tất nhiên, điều này còn phụ thuộc vào các mô hình, hình thức tố tụng và các quan điểm chính trị - pháp lý của mỗi quốc gia, mỗi giai đoạn lịch sử.

Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng là chủ thể của trách nhiệm khởi tố vụ án chỉ nên là CQĐT, VKS. Ngoài hai cơ quan này, pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới còn ghi nhận một số cơ quan nhà nước khác không phải cơ quan tiến hành tố tụng cũng có trách nhiệm khởi tố VAHS như cơ quan cảnh sát có chức năng quản lý hành chính về trật tự xã hội, lực lượng vũ trang bảo vệ biên giới - lãnh thổ, hải quan, kiểm lâm, thậm chí là cơ quan tài chính, thuế vụ, trước bạ... Theo chúng tôi, việc ghi nhận loại chủ thể trên có trách nhiệm khởi tố vụ án xuất phát từ những cơ sở lý luận sau đây: *Thứ nhất*, do chuyên sâu về nghề nghiệp, các cơ quan này có nhiều thuận lợi trong việc xác định dấu hiệu của tội phạm trong lĩnh vực mà họ quản lý. *Thứ hai*, do tính chất khẩn trương của các hoạt động cần thiết nhằm phát hiện, làm rõ dấu hiệu của tội phạm: nhiều loại dấu vết hình sự không tồn tại được lâu trong môi trường tự nhiên, cần thu giữ, bảo quản, phân tích, đánh giá kịp thời,

người bị tình nghi có thể nhanh chóng tẩu thoát sang bên kia biên giới... các cơ quan này phải nhanh chóng tiến hành khởi tố không để bỏ lọt tội phạm. Thứ ba, do các CQĐT chuyên trách khó có khả năng điều tra bao quát hết mọi tội phạm ở mọi lĩnh vực, mọi địa bàn. Việc thành lập CQĐT ở những lĩnh vực, địa bàn đặc thù có thể dẫn đến sự lãng phí những nguồn lực xã hội, vì thế, để không bỏ lọt tội phạm, để bảo đảm sự hợp lý về mặt tổ chức bộ máy, phải trao trách nhiệm tiến hành một số hoạt động điều tra đối với một số loại tội phạm nhất định cho các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đó, trên những địa bàn đó.

Tuy nhiên, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra sẽ thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS như thế nào, thẩm quyền đến đâu, thực hiện có hiệu quả hay không lại phụ thuộc rất nhiều vào vấn đề thiết kế những khung pháp lý về bộ máy, thẩm quyền, quan hệ phối hợp - chế ước và các vấn đề về tổ chức - thực hiện. Pháp luật TTHS của Liên bang Nga (Điều 23) còn mở rộng phạm vi chủ thể khởi tố VAHS tới cả các tổ chức thương mại và các tổ chức khác (trừ các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp đô thị) [94]. Trong các quy định của pháp luật hình sự tố tụng do chính quyền ngụy quyền Sài Gòn trước năm 1975 ban hành, những cơ quan có thẩm quyền khởi tố có thể là cơ quan tài chính, thuế quan, nha thủy lâm, cơ quan trước bạ..., các cơ quan này có quyền và nghĩa vụ tham gia sâu hơn vào quá trình xử lý vụ án mà không dừng lại ở việc khởi tố và các hoạt động điều tra ban đầu như pháp luật hiện hành, có quyền "bãi nại", điều đình từ giai đoạn điều tra đến trước khi có án văn, thậm chí một số trường hợp sau khi có án văn nếu xét thấy người phạm tội đã bồi hoàn đầy đủ số tiền chiếm đoạt. Trong những không gian địa - pháp luật mà tư tưởng trọng thương được đề cao, trong xu thế hội nhập kinh tế - quốc tế mà các quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp cũng ngày càng được đề cao, chính sách hình sự của nhiều quốc gia có cách đặt vấn đề nhẹ nhàng hơn trong việc truy cứu TNHS các tội phạm về kinh tế, một khi hậu quả về vật chất đã được khắc phục thì tính nguy hiểm

cho xã hội sẽ không đáng kể ở mức cần thiết khởi tố VAHS hoặc sẽ không đáng kể ở mức tiếp tục quá trình xử lý hình sự sau khi vụ án được khởi tố.

1.2. NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG CHẾ ĐỊNH NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.2.1. Khái niệm, nội dung, ý nghĩa của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Theo Từ điển tiếng Việt, nguyên tắc nói chung được hiểu là "điều cơ bản định ra, nhất thiết phải tuân theo trong một loạt việc làm" [112, tr. 694], cũng có thể coi TTHS là "một loạt việc làm" đặc biệt phức tạp do tính phức tạp của hoạt động chứng minh và khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của nhiều chủ thể, do đó, TTHS phải vận hành theo những nguyên tắc TTHS nhất định. Nói cách khác:

Tổ tụng hình sự là một dạng hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân liên quan đến quá trình giải quyết vụ án hình sự, chính vì vậy, hoạt động này phải tuân theo những nguyên tắc nhất định và những nguyên tắc đó phải được thể chế hóa trong Bộ luật tố tụng hình sự bởi Bộ luật tố tụng hình sự điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong tố tụng hình sự [22, tr. 126].

Nguyên tắc trước hết là những tư tưởng chỉ đạo, những quy định có tính cơ bản và có hiệu lực bắt buộc. Các nguyên tắc của TTHS chính là những phương châm, những tư tưởng thể hiện quan điểm, đường lối và chính sách hình sự của Nhà nước trong quá trình xử lý VAHS, được luật TTHS ghi nhận như những quy định cơ bản, chung nhất, mang tính chỉ đạo trong việc xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử VAHS. Ngay từ lần xây dựng BLTTHS đầu tiên năm 1988 cho tới lần pháp điển năm 2003, các nhà làm luật đã quy định về nguyên tắc trách nhiệm khởi

tố và xử lý VAHS, nguyên tắc này được ghi nhận tại Điều 13 BLTTHS như sau (BLTTHS năm 2003 chỉ bổ sung duy nhất từ "nhiệm vụ"):

Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi *nhiệm vụ*, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.

Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự do Bộ luật này quy định [51].

Theo thang bậc các vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý thì tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật ở mức độ nghiêm trọng nhất so với các dạng vi phạm pháp luật khác và tương ứng, trách nhiệm pháp lý hình sự cũng là dạng trách nhiệm pháp lý ở mức độ nghiêm khắc nhất mà Nhà nước phải áp dụng. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, mọi tội phạm xảy ra đều xâm phạm đến lợi ích chung của toàn xã hội do đó người phạm tội phải bị Nhà nước truy cứu TNHS, phải bị Nhà nước trừng phạt bằng cách áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự. Để làm được điều này, Nhà nước phải thông qua hệ thống các cơ quan tư pháp hình sự. Phù hợp với các đặc điểm truyền thống pháp lý, chính trị, TTHS Việt Nam đi theo mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm, nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát tội phạm, đấu tranh phòng chống tội phạm, không bỏ lọt tội phạm, ở đâu có tội phạm thì ở đó tội phạm phải bị phát hiện, xử lý. Kiểm soát, xử lý tội phạm là mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản của toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự. Khác với mô hình tổ tụng công bằng đề cao quyền dân chủ của cá nhân khi tham gia TTHS, mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm nhấn mạnh tính hiệu quả của hoạt động tổ tụng, đặt ra yêu cầu mọi hoạt động tổ tụng đều cần phải hướng tới mục tiêu hạn chế tội phạm, trấn áp tội phạm. Xuất phát điểm của mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm là việc bảo vệ sự an toàn chung, lợi ích chung của xã hội. Sự an toàn chung, lợi ích chung của xã hội đã, đang và sẽ bị tội phạm xâm hại nếu không kiểm soát được tội phạm và TTHS phải hướng tới mục tiêu đầu tiên là bảo vệ sự

an toàn chung, lợi ích chung, phải trấn áp kịp thời và không được bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm đòi hỏi hệ thống tư pháp hình sự phải hoạt động một cách chủ động và hiệu quả trong việc truy cứu TNHS người phạm tội, có tỷ lệ buộc tội chính xác cao, đòi hỏi phải tạo ra được các quy phạm pháp luật TTHS ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. TTHS có nhiệm vụ: "... phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội". Mô hình tố tụng này đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tích cực, chủ động trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm; kiên quyết đấu tranh với tội phạm, đưa tội phạm ra ánh sáng để người phạm tội phải gánh chịu các dạng, mức TNHS tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Để thỏa mãn các đòi hỏi trên, pháp luật TTHS phải yêu cầu tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, tự giác của những chủ thể truy cứu TNHS ngay cả khi pháp luật TTHS đã đạt tới trình độ hoàn thiện. Tuy nhiên, việc pháp luật TTHS đạt tới trình độ này là điều không tưởng vì: "Pháp luật, dù hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết được tất cả những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống" [86, tr. 209]. Hoạt động TTHS luôn là hoạt động khó khăn, phức tạp do sự đa dạng của thực tiễn và sự hữu hạn, ổn định tương đối của các quy phạm pháp luật và không thể kiểm soát một cách tuyệt đối việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ thể áp dụng pháp luật nếu như các chủ thể này không có ý thức trách nhiệm, không tự giác, tự nguyện thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao.

"Trách nhiệm" theo Từ điển Tiếng Việt, được hiểu là "phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả" [112, tr. 1020]. Như vậy, trong mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm, việc đặt ra những nguyên tắc, những quy định với mục đích ràng buộc trách nhiệm, đề cao ý thức chủ động, tự giác của các chủ

thể có thẩm quyền tố tụng trong việc phát hiện, xử lý tội phạm là hoàn toàn phù hợp. Việc khởi tố vụ án, truy cứu TNHS người phạm tội không phải là việc làm mang tính chất tùy nghi - làm cũng được, không làm cũng được mà đó là một nghĩa vụ, không những phải làm xong mà còn phải làm tròn nghĩa vụ đó, nếu không làm tròn, có thể phải gánh chịu những chế tài nhất định, những hình thức, mức độ trách nhiệm pháp lý nhất định.

Sở dĩ đặc biệt đề cao trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong giai đoạn khởi tố VAHS bởi giai đoạn này trong sự so sánh với các giai đoạn tố tụng khác về sau, khả năng tội phạm ẩn chủ quan tồn tại ở mức độ cao nhất, dễ dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm nhất. Giai đoạn khởi tố là giai đoạn đầu tiên của TTHS, là giai đoạn "sàng lọc" tội phạm ban đầu, nếu tội phạm bị bỏ lọt ngay từ giai đoạn này thì tính hiệu quả của TTHS sẽ bị giảm sút nghiêm trọng khi TTHS không thể bảo đảm được việc thực hiện nhiệm vụ phát hiện và xử lý đầy đủ, nhanh chóng và công minh các hành vi phạm tội. Thời điểm trước khi đưa ra quyết định khởi tố VAHS là thời điểm đặc biệt nhạy cảm khi thông tin về vụ án cũng như đường lối xử lý (khởi tố hay không khởi tố) còn trong tình trạng chưa công khai, công luận và thậm chí cả cơ quan kiểm sát cũng chưa tiếp cận được với những thông tin đó. Còn khi đã ban hành quyết định khởi tố VAHS, thì sự việc sẽ được giải quyết theo thủ tục TTHS và rất ít khả năng bị đình chỉ vì lý do không chứng minh được tội phạm (nếu một vụ án bị đình chỉ theo cách này sẽ có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng tới uy tín và quyền lợi chính trị của người có thẩm quyền xử lý vụ án). Do đó, nếu không muốn bị xử lý hình sự thì không để đến khi đã khởi tố vụ án mới có những "tác động" để cơ quan có thẩm quyền không tiếp tục xử lý hình sự (đình chỉ vụ án), mà phải thực hiện ngay những "can thiệp" cần thiết trước thời điểm quyết định khởi tố vụ án được ban hành. Và cách giải quyết này không phải là không có cơ sở khi như thế nào là dấu hiệu của tội phạm để khởi tố vụ án đôi khi phụ thuộc cảm nhận chủ quan của cơ quan có thẩm quyền. Việc áp dụng chính sách hình sự tại thời điểm quyết định khởi tố hay không khởi tố VAHS cũng tạo cho cơ quan có thẩm quyền

một sự linh hoạt rất lớn, mặt khác lại không có một đại lượng vật lý để cân, đong, đo, đếm để minh định các trường hợp "tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng biện pháp khác" (khoản 4 Điều 8 BLHS). Chính vì vụ án còn chưa đưa ra công khai nên mọi hình thức xử lý đều có thể được "linh hoạt", đây chính là "môi trường" thuận lợi cho những hiện tượng bỏ lọt tội phạm, phi hình sự hóa trong giai đoạn khởi tố.

Trong mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức, có những sự việc có dấu hiệu của tội phạm nhưng lại không trái với đạo đức, thậm chí còn được đạo đức chấp nhận và cổ vũ, trong khi đó, đạo đức là phạm trù gần với con người và cuộc sống hơn là pháp luật, nhiều trường hợp con người có thể xử sự trái pháp luật nhưng không thể trái đạo đức. Vì thế, trước khi quyết định khởi tố và xử lý vụ án hình sự, phải cân nhắc mối quan hệ này để không mâu thuẫn giữa đạo đức với pháp luật và để đảm bảo sự đồng thuận và gắn kết xã hội. Đây không phải là sự tùy tiện mà chính là yêu cầu đối với hoạt động áp dụng pháp luật về tính linh hoạt, mềm dẻo và hợp lý của hoạt động tố tụng, thể hiện bản chất nhân đạo và công minh của pháp luật. "*Jus est ars bonae aequi*" - pháp luật là nghệ thuật của sự thật và công lý, nguyên lý này cho thấy đòi hỏi về tính linh hoạt, mềm dẻo và hợp lý luôn đặt ra đối với các hoạt động áp dụng pháp luật, trong đó có hoạt động TTHS. Các nhà áp dụng pháp luật tiếp xúc trực tiếp hơn, gần gũi hơn với thực tiễn cuộc sống so với các nhà xây dựng pháp luật. Do vậy, có những quan hệ xã hội mà các nhà xây dựng pháp luật chưa kịp phát hiện để phi tội phạm hóa, phi hình sự hóa thì các nhà áp dụng pháp luật phải thực hiện trách nhiệm này. Sau đó, các nhà xây dựng pháp luật mới ghi nhận lại thực tiễn để phi tội phạm hóa, phi hình sự hóa. Tuy nhiên, chính nguyên lý này nếu không được áp dụng một cách chính xác và công tâm thì sẽ dẫn đến trình trạng bỏ lọt tội phạm và vi phạm nguyên tắc pháp chế.

Hơn nữa, trong giai đoạn khởi tố VAHS, khả năng bỏ lọt tội phạm cao hơn hẳn các giai đoạn tố tụng khác còn do những người cố ý bỏ lọt tội phạm

có nhiều hình thức để che giấu ý thức chủ quan bên trong, có nhiều chủ trương, quy định có thể lợi dụng để không xử lý hình sự. Người cố ý bỏ lọt tội phạm có thể nhân danh lợi ích của tập thể, của xã hội để không khởi tố VAHS đối với các trường hợp cần thiết phải truy cứu TNHS. Bởi với lý do một số tội phạm về kinh tế, môi trường, nhiều trường hợp có vi phạm pháp luật hình sự, nhưng không khởi tố vụ án vì xử lý hình sự có khả năng ảnh hưởng quan trọng đến khả năng thu hút đầu tư, sự phát triển của doanh nghiệp và việc làm, thu nhập của số đông người lao động cũng như ảnh hưởng đến cách nhìn nhận về môi trường kinh doanh mà quốc gia hoặc địa phương đó đang tạo dựng. Người cố ý bỏ lọt tội phạm cũng có thể lợi dụng các chính sách, quan điểm về bảo vệ an ninh quốc gia, về yêu cầu chính trị hoặc ngoại giao để không xử lý hình sự sự việc có dấu hiệu của tội phạm. Biện pháp pháp luật (khởi tố vụ án, xử lý hình sự) chỉ là một trong các biện pháp cơ bản bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm: vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang, nhiều trường hợp các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia lại khởi tố vụ án với một tội danh khác, hoặc giải quyết bằng những con đường khác không phải là khởi tố VAHS. Người cố ý bỏ lọt tội phạm còn có thể đổ tại lý do non kém về nghiệp vụ, ấu trĩ về nhận thức. Do đó, các nhà xây dựng pháp luật TTNS cần phải nhìn nhận thấy sự tồn tại khách quan của những yếu tố tiêu cực tiềm ẩn, xuất phát từ những động cơ cá nhân tác động tới quá trình thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. "Pháp luật cần phải nhận ra và phải có chức năng hạn chế bớt những bản tính xấu của con người" [14, tr. 8].

Từ góc độ các cá nhân có thể bị tội phạm xâm hại, ngay từ khi phát hiện các dấu hiệu của tội phạm, cần áp dụng ngay các biện pháp phù hợp để trấn áp tội phạm, kịp thời ngăn chặn tội phạm, hạn chế hậu quả của tội phạm. Bên cạnh đó, có thể đặt vấn đề việc kịp thời xử lý, ngăn chặn tội phạm hoặc hậu quả của tội phạm ngay từ khi tội phạm mới ở mức độ "dấu hiệu" cũng là cứu giúp người phạm tội không tiếp tục việc phạm tội và nguy cơ phải gánh chịu những dạng mức TNHS nghiêm trọng, thể hiện bản chất nhân văn của Nhà nước. Vì thế, cũng cần

ghi nhận trách nhiệm thực hiện các hoạt động xác định dấu hiệu của tội phạm ngay từ thời điểm phát hiện những dấu hiệu này. Do vậy, cần phải coi việc thực thi trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội là một vấn đề mang tính nguyên tắc đối với những cơ quan có thẩm quyền khởi tố trong TTHS.

Như vậy, từ những cơ sở đã phân tích, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS được hiểu như sau:

Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự là những quy định pháp luật cơ bản, chung nhất, mang tư tưởng, định hướng chỉ đạo được ghi nhận trong Bộ luật Tố tụng hình sự về trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để khởi tố vụ án và thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội một cách chủ động, hiệu quả.

Có quan điểm đặt vấn đề nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS chính là nguyên tắc công tố trong TTHS và theo quan điểm này, tuy trong luật TTHS Việt Nam không quy định rõ nhưng nên đặt lại tên gọi là nguyên tắc công tố. Điều này xuất phát từ quan điểm: "công tố chính là hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi phạm tội" [111, tr. 380], hay một quan điểm tương tự khác cho rằng:

Quyền công tố là quyền nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự với việc áp dụng các chế tài hình sự đối với người phạm tội. Nói cách khác, quyền công tố do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự và thi hành án hình sự. Đó là hoạt động tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người khác được pháp luật quy định có trách nhiệm xác định kẻ phạm tội cũng như các căn cứ để kết tội và áp dụng các hình phạt đối với người phạm tội [83, tr. 194].

Quan điểm này là không phù hợp do đã đồng nhất khái niệm công tố với khái niệm truy cứu TNHS, trong khi như đã phân tích trong phần 1.1.3, hai khái niệm này là khác nhau và nếu hiểu như quan điểm đã trích dẫn, sẽ dẫn đến sự nhầm lẫn giữa các chức năng của TTHS. Việc xử lý người phạm tội của Tòa án không nằm trong phạm vi công tố và do đó, đặt trách nhiệm xử lý người phạm tội của Tòa án trong tên gọi chung là nguyên tắc công tố cũng không phù hợp.

Về lô-gic hình thức, khi khởi tố VAHS là một nội dung của xử lý VAHS thì chỉ cần nêu xử lý VAHS đã là đủ vì đã bao hàm cả khởi tố trong đó. Cách sử dụng "khởi tố và xử lý VAHS" như một cụm từ hoàn toàn có thể dẫn đến nhận thức: khởi tố VAHS độc lập với xử lý VAHS, hay khởi tố VAHS trước, rồi mới xử lý VAHS sau. Trong khi đó, bản chất trách nhiệm xử lý VAHS được diễn đạt tại Điều 13 BLTTHS là trách nhiệm áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, hay chính là trách nhiệm truy cứu TNHS người phạm tội. Mặt khác, khi nói trách nhiệm khởi tố (VAHS) và truy cứu TNHS người phạm tội thì khái niệm *khởi tố VAHS* không bị bao hàm trong khái niệm *truy cứu TNHS người phạm tội* bởi khởi tố VAHS có đối tượng là VAHS còn truy cứu TNHS có đối tượng là người phạm tội.

Như vậy, sau khi làm rõ nội dung Điều 13 BLTTHS, đưa ra khái niệm nguyên tắc và nội hàm nguyên tắc ở phần trên cũng như phân tích mối quan hệ lô-gic hình thức giữa hai khái niệm "khởi tố" và "xử lý" trong tên gọi nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, chúng tôi cho rằng sẽ là hợp lý hơn nếu nguyên tắc này được đặt lại tên gọi là nguyên tắc trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội. Việc điều chỉnh tên gọi này có những ý nghĩa cơ bản như sau: thứ nhất, thể hiện đúng nội dung nguyên tắc quy định tại Điều 13 BLTTHS, đó là trách nhiệm khởi tố VAHS và xác định tội phạm, xử lý người phạm tội; thứ hai, không rơi vào mâu thuẫn do khái niệm xử lý VAHS bao hàm khái niệm khởi tố VAHS nên dẫn tới cách hiểu chỉ

cần nêu trách nhiệm xử lý VAHS mà không cần nêu trách nhiệm khởi tố VAHS; thứ ba, sẽ không dẫn tới sự phủ nhận tầm quan trọng của việc nhấn mạnh trách nhiệm khởi tố VAHS như một nội dung rất quan trọng của nguyên tắc.

Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS quy định tại Điều 13 BLTTHS đề cập trách nhiệm khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội. Mặc dù để truy cứu TNHS thì phải khởi tố vụ án, nhưng do những đặc điểm, những khó khăn đặc biệt cả về lý luận và thực tiễn của giai đoạn khởi tố đã được chúng tôi phân tích ở trên, nên nguyên tắc này đặc biệt nhấn mạnh tới trách nhiệm khởi tố VAHS, trách nhiệm khởi tố VAHS là một nội dung quan trọng được nguyên tắc này khẳng định.

(i) Trách nhiệm khởi tố VAHS

Trách nhiệm khởi tố VAHS phải được thực hiện khi xác định có dấu hiệu của tội phạm và khởi tố vụ án theo các căn cứ và trình tự do BLTTHS. Trách nhiệm này thể hiện qua từng nội dung sau đây:

Thứ nhất, yêu cầu tiếp nhận đầy đủ các thông tin về tội phạm. Việc tiếp nhận thông tin về tội phạm phát sinh khi cơ quan có thẩm quyền khởi tố được cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến các tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố hoặc từ các thông tin đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng. Các cơ quan này còn có thể trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm qua các hoạt động nghiệp vụ của mình. Nhưng dù dấu hiệu của tội phạm được phát hiện từ nguồn nào, thì các cơ quan này đều phải ghi nhận lại trung thực, đầy đủ, kịp thời nguồn và nội dung thông tin mà không được tùy tiện bỏ qua, hoặc phát hiện mà không lưu giữ lại...

Những thông tin về tội phạm do hoạt động nghiệp vụ mà CQĐT và các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố phát hiện cũng phải được ghi nhận lại vào các sổ theo dõi, quản lý, thụ lý... của CQĐT để chính thức hóa về nội dung, hình thức, thời điểm của thông tin, làm cơ sở cho việc xác định thẩm quyền, thời hạn tố tụng cũng như công tác kiểm sát việc khởi tố của VKS đối

với CQĐT. Ngoài ra, khi tiến hành tiếp nhận thông tin về tội phạm đang diễn ra hoặc vừa hoàn thành nhưng chưa kết thúc, hoặc vẫn đang gây ra hậu quả, các cơ quan có thẩm quyền khởi tố còn có trách nhiệm tiến hành các biện pháp khẩn cấp, các hoạt động can thiệp kịp thời để ngăn chặn, giảm bớt tác hại của tội phạm, bảo vệ người bị hại, người làm chứng.

Thứ hai, yêu cầu kịp thời kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm. Các cơ quan có thẩm quyền khởi tố phải xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm, do những thông tin ban đầu về tội phạm thường thiếu chính xác, thiếu đầy đủ. Hoạt động kiểm tra, xác minh bao gồm các hoạt động (các biện pháp) để kiểm tra, phân loại thông tin và thu thập tài liệu bổ sung. Từ phương diện pháp lý, chúng tôi phân loại những hoạt động cụ thể này thành ba nhóm:

Nhóm hoạt động kiểm tra xác minh mang tính chất quản lý hành chính về trật tự xã hội như: gặp hỏi đối tượng làm rõ bất minh, yêu cầu cơ quan, tổ chức cá nhân cung cấp những tài liệu cần thiết, yêu cầu những chủ thể có liên quan giải đáp các thông tin cần thiết, những mâu thuẫn trong đơn trình báo; phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành thanh tra, kiểm tra, yêu cầu cơ quan thanh tra chuyên trách hoặc thanh tra nội bộ, cơ quan kiểm toán thực hiện chức năng của họ và cung cấp kết quả làm việc cho cơ quan có thẩm quyền khởi tố. Nội dung nhóm hoạt động kiểm tra xác minh này không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật TTHS và sau khi khởi tố vụ án, tùy từng trường hợp, có thể kết quả của loại hoạt động kiểm tra xác minh này trong các giai đoạn tiếp theo sẽ được củng cố lại bằng cách chuyển vào hình thức điều tra tố tụng như Điều tra viên lấy lại khai của người biết việc mà trước đó các cán bộ công an xã, phường đã lập tại thời điểm mới phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm.

Nhóm các hoạt động kiểm tra xác minh là các hoạt động điều tra tố tụng (các hoạt động điều tra ban đầu), do luật TTHS điều chỉnh (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và các hoạt động điều tra như: khám xét, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, tạm giữ đồ vật, tài liệu..., được thực hiện trước khi khởi

tố vụ án trong những trường hợp không thể trì hoãn. Đây là những hoạt động tố tụng do luật TTHS điều chỉnh.

Nhóm hoạt động kiểm tra xác minh bí mật sử dụng các biện pháp điều tra bí mật... của CQĐT và các cơ quan khác trong ngành Công an không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật TTHS cũng có thể được thực hiện đồng thời với các hoạt động kiểm tra xác minh mang tính quản lý hành chính về trật tự xã hội và nhóm các hoạt động kiểm tra xác minh bằng các biện pháp tố tụng sau khi tiếp nhận công khai các tố giác, tin báo về tội phạm. Tuy nhiên, các hoạt động này do không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật TTHS nên các chủ thể thực hiện phải chuyển hóa tài liệu trình sát thành chứng cứ tố tụng, phải bảo đảm tính hợp pháp của hoạt động thu thập chứng cứ nếu muốn được coi là chứng cứ. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS yêu cầu hoạt động khởi tố phải có căn cứ và đúng trình tự, nói các khác, yêu cầu tính hợp pháp của các hoạt động kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm. Do đó, sẽ không được coi là hợp pháp, là đúng trình tự nếu việc xác định thông tin về tội phạm được tiến hành bằng các biện pháp điều tra bí mật mà không được chuyển hóa. Nguyên tắc này đòi hỏi CQĐT và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải nghiêm túc bảo đảm tính hợp pháp của các hoạt động kiểm tra, xác minh thông tin. Trường hợp áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh công khai không hiệu quả, bằng các biện pháp nghiệp vụ, CQĐT có thể chủ động tạo ra những điều kiện, hoàn cảnh để người bị tình nghi tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Nếu chỉ với tính chất và phạm vi như trên, chỉ cần chuyển hóa tài liệu trình sát thành chứng cứ tố tụng, điều này là cần thiết và phù hợp. Tuy nhiên, một yếu tố tiêu cực khác quan khác có thể sẽ phát sinh, đó là việc lạm dụng các biện pháp này để chủ động "tạo ra" tội phạm - khi không xử lý được về tội phạm mà đáng ra người phạm tội phải bị xử lý, thì lại tìm các cách khác để buộc họ phải chịu TNHS về một tội phạm khác. Trong trường hợp một công dân bình thường không có ý định phạm tội, nhưng khi có điều kiện thuận lợi để phạm tội (điều kiện thuận lợi

này do chính cơ quan nhà nước cố ý tạo ra: tổ chức cho người đến đưa hối lộ để "gài bẫy" nhận hối lộ, bố trí tài sản không ai quản lý để "gài bẫy" trộm cắp, chiếm hữu, sử dụng trái phép tài sản của người khác...), sau đó khi công dân này đang thực hiện hành vi phạm tội do bị "gài bẫy" thì bị bắt giữ. Có ý kiến khẳng định đây là việc làm cần thiết và do đó, pháp luật cần thừa nhận là hợp pháp, nếu người bị tình nghi thực sự trong sạch thì dù rơi vào điều kiện hoàn cảnh nào, do ai tạo ra, họ cũng sẽ không phạm tội. Ngược lại, ý kiến khác cho rằng, không thể chứng minh cái sai này bằng cách tạo ra một cái sai khác, không thể lấy mục đích thay cho phương tiện. Hơn nữa, người bị "gài bẫy" phạm tội mới chỉ là người "bị tình nghi", có thể thực tế họ đã không phạm tội nhưng đến khi bị "gài bẫy", họ lại phạm tội, với cách làm như vậy, Nhà nước đã truy cứu TNHS với hành vi mà Nhà nước "gài bẫy" họ thực hiện, chứ không phải về hành vi đã thực hiện cần phải được xử lý, trong trường hợp này, ý nghĩa của việc truy cứu TNHS không còn nữa. Việc "tạo ra" tội phạm với cách làm trên không tồn tại cá biệt trong một quốc gia nào bởi hệ thống tư pháp hình sự dù ở đâu cũng được vận hành bởi con người, mà con người thì không thể tránh khỏi những động cơ vụ lợi hoặc sai lầm nghề nghiệp. Do đó, trong bối cảnh phức tạp và nhạy cảm ở giai đoạn đầu tiên của TTHS, đây cũng là một trong những vấn đề mà luật TTHS đã phải tính đến để yêu cầu bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp của hoạt động khởi tố VAHS.

Thứ ba, yêu cầu đối với việc ra các quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án. Nguyên tắc này đòi hỏi trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền hạn chế tối đa các khả năng: khả năng thứ nhất, có dấu hiệu của tội phạm nhưng ra quyết định không khởi tố dẫn tới bỏ lọt tội phạm; khả năng thứ hai, có dấu hiệu của tội phạm nhưng không ra quyết định khởi tố mà cũng không ra quyết định không khởi tố cũng dẫn tới bỏ lọt tội phạm; khả năng thứ ba, không có dấu hiệu của tội phạm nhưng ra quyết định khởi tố, điều này sẽ dẫn tới sự lãng phí về nguồn lực của các cơ quan tiến hành tố tụng và đặc biệt là nguy cơ làm oan người không có tội.

Nếu không có dấu hiệu của tội phạm, phải khẳng định không có dấu hiệu của tội phạm bằng quyết định không khởi tố để: *một*, những người bị tình nghi không bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng; *hai*, những người được cho là bị thiệt hại, những người đã tố giác, những người có liên quan sẽ có thể khiếu nại quyết định không khởi tố hoặc chuyển sang khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự; *ba*, những cơ quan khác trong bộ máy nhà nước có cơ sở để áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền (ví dụ: xử phạt hành chính); *bốn*, bản thân cơ quan có thẩm quyền khởi tố cũng có cơ sở để tập trung nhân sự, thời gian sang những vụ án khác. Nếu có dấu hiệu của tội phạm, phải ra quyết định khởi tố để chính thức tiến hành tố tụng, áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng nhằm thu thập chứng cứ một cách toàn diện, nhanh chóng, hiệu quả. Như vậy, nguyên tắc này yêu cầu các quy định của pháp luật TTHS cũng phải xác định dấu hiệu của tội phạm ở mức độ nào thì đủ hay chưa đủ để khởi tố VAHS nhằm tránh mọi sự lạm dụng hay tùy tiện khi ra hoặc không ra các quyết định tố tụng nêu trên.

Để ràng buộc trách nhiệm khởi tố VAHS, một vấn đề rất quan trọng cần được làm rõ: như thế nào là dấu hiệu của tội phạm. Khởi tố vụ án hay không khởi tố vụ án đều phải dựa trên căn cứ có hay không có dấu hiệu của tội phạm, đặc biệt, liên quan đến tính có căn cứ của quyết định khởi tố, phải trả lời câu hỏi dấu hiệu của tội phạm rõ đến mức như thế nào thì có thể khởi tố. Mở rộng hơn, chúng tôi cũng cho rằng, cần phải làm rõ hai loại thời điểm của dấu hiệu tội phạm trong giai đoạn khởi tố: thời điểm *phát hiện dấu hiệu của tội phạm* và thời điểm *xác định dấu hiệu tội phạm*. Thời điểm phát hiện dấu hiệu tội phạm, tội phạm có thể đã bộc lộ hết các đặc điểm về hành vi, chủ thể, lỗi... hoặc chưa bộc lộ hết nhưng dấu hiệu của tội phạm theo luật TTHS tại thời điểm này được nhìn nhận là những sự kiện, những tín hiệu, những chỉ dẫn cho thấy sự tồn tại của một tội phạm nhất định. Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm thực hiện các hoạt động trong nhiệm vụ, quyền hạn của mình để kiểm chứng thông tin về tội phạm và khi đã

xác định được dấu hiệu của tội phạm, thì cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án và xác định tội phạm. Từ thời điểm phát hiện có dấu hiệu của tội phạm đến thời điểm xác định có dấu hiệu của tội phạm là một quá trình chứng minh, là kết quả của các hoạt động chứng minh trong giai đoạn khởi tố VAHS. Trên cơ sở xác định được dấu hiệu của tội phạm thì mới tiến hành khởi tố, do đó, căn cứ của quyết định khởi tố là những dấu hiệu của tội phạm đã được xác định. Như vậy, căn cứ phát sinh trách nhiệm kiểm chứng thông tin ban đầu về tội phạm của các cơ quan có thẩm quyền khác với căn cứ phát sinh trách nhiệm ra quyết định khởi tố một VAHS. Căn cứ phát sinh trách nhiệm kiểm chứng thông tin ban đầu về tội phạm là những dấu hiệu của tội phạm mới được phát hiện còn căn cứ phát sinh trách nhiệm quyết định việc khởi tố một VAHS là khi những dấu hiệu của tội phạm đã được xác định, khi đã có những chứng cứ để chứng minh sự tồn tại của tội phạm đã được thu thập, mức độ rõ nét của dấu hiệu của tội phạm cao hơn dấu hiệu tội phạm phải rõ tới mức xác định được tội danh và loại tội phạm (tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, nghiêm trọng...) thì mới đủ để khởi tố VAHS. Việc xác định loại tội phạm từ khi khởi tố là căn cứ để từ đó phân định thẩm quyền, thời hạn của CQĐT và các cơ quan tiến hành tố tụng khác theo cấp cũng như xác định vụ án có thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hay không. Nếu phân loại tội phạm ngay từ đầu, sẽ sớm xác định CQĐT cấp nào có thẩm quyền điều tra cũng như VKS cấp nào có thẩm quyền kiểm sát hoạt động điều tra tránh phải chuyển vụ án sau này. Việc phân loại tội phạm cũng là cơ sở để xác định thời hạn điều tra và một số vấn đề tố tụng khác... Tuy nhiên, việc phân loại tội phạm ngay từ thời điểm khởi tố VAHS không đòi hỏi một cách đầy đủ, tuyệt đối - đây còn là phần việc của các giai đoạn tố tụng về sau, tại thời điểm ra quyết định khởi tố, chỉ cần chỉ ra và chứng minh được trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ hiện có. Khái quát hơn, khởi tố vụ án phải có căn cứ, nhưng không đòi hỏi phải tuyệt đối, phải cầu toàn, các cơ quan có thẩm quyền có thể thay đổi tội danh, điều khoản của

quyết định khởi tố, thậm chí đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án (dù rất hạn chế) tùy thuộc vào kết quả chứng minh sau này.

Ngoài ra, qua nghiên cứu cách quy định các căn cứ không được khởi tố VAHS trong BLTTHS Việt Nam và nhiều nước trên thế giới, có thể nhận thấy đây đa phần là các căn cứ không được khởi tố bị can chính xác hơn là các căn cứ không được khởi tố vụ án. Nhiều trường hợp trong quá trình điều tra sau khi đã khởi tố mới phát hiện được những căn cứ không được khởi tố. Do đó, có ý kiến cho rằng việc yêu cầu xác định các căn cứ được không khởi tố vụ án (cụ thể là các căn cứ được không khởi tố bị can) là quá sớm tại thời điểm phải ra quyết định khởi tố VAHS. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, đây là một quy định phù hợp, thể hiện yêu cầu đặc biệt cao về trách nhiệm khởi tố VAHS: trách nhiệm bảo đảm tính căn cứ của quyết định khởi tố VAHS không chỉ là bảo đảm vụ án được khởi tố trên cơ sở sự việc có dấu hiệu của tội phạm, mà còn phải bảo đảm không rơi vào các căn cứ không được khởi tố vụ án ngay kể cả khi sự việc đã có dấu hiệu tội phạm. Về nguyên tắc, trong mọi trường hợp, nếu xác định có dấu hiệu tội phạm và nếu có khả năng loại trừ ngay (trong thời hạn khởi tố) các căn cứ không được khởi tố vụ án, thì bắt buộc phải ra quyết định khởi tố vụ án; còn nếu không có khả năng loại trừ ngay các căn cứ không khởi tố vụ án thì vẫn phải ra quyết định khởi tố vụ án. Việc quy định phải xác định đồng thời hai yêu cầu: có hay không có dấu hiệu của tội phạm và có hay không có các trường hợp không khởi tố, sau đó mới được khởi tố vụ án thì sẽ kéo dài thời hạn khởi tố và không thể áp dụng kịp thời các biện pháp điều tra tố tụng để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội. Hơn nữa, nếu các hoạt động điều tra sau đó xác định vụ án rơi vào những trường hợp không được khởi tố, các cơ quan có thẩm quyền có thể đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án.

(ii), trách nhiệm bảo đảm tính chủ động và hiệu quả trong việc truy cứu TNHS người phạm tội

Xuất phát từ nguyên lý tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội nên Nhà nước (thông qua các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy Nhà nước) có

trách nhiệm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm. Khi khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử một VAHS, các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy Nhà nước phải đứng trên lập trường của lợi ích chung, phải bảo vệ các lợi ích của nhà nước, của xã hội, vì thế phải tích cực, chủ động áp dụng các biện pháp luật định để xác định tội phạm và áp dụng hình phạt thích đáng với người phạm tội. Nói cách khác:

Đề buộc người thực hiện tội phạm phải chịu TNHS về hành vi của họ, trách nhiệm truy cứu TNHS người phạm tội phạm trước hết là trách nhiệm *chủ động* áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và đưa người phạm tội ra xét xử nhằm áp dụng TNHS đối với họ. Xác định tội phạm bao gồm hai nội dung: xác định sự việc phạm tội (có hay không có dấu hiệu của tội phạm, có hành vi phạm tội xảy ra hay không) và xác định người thực hiện hành vi phạm tội (sau nữa là xác định mức độ lỗi, mục đích, động cơ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS...). Khi làm tốt trách nhiệm tiến hành các hoạt động để khởi tố VAHS, về cơ bản đã xác định được tương đối cơ bản sự kiện phạm tội với các dấu hiệu của tội phạm, trả lời được câu hỏi có hay không có hành vi phạm tội xảy ra. Ở nội dung thứ hai, việc áp dụng các biện pháp xác định tội phạm tiếp theo thực chất là áp dụng các biện pháp điều tra do BLTTHS quy định nhằm xác định cụ thể người thực hiện tội phạm và các vấn đề khác trong VAHS. Trách nhiệm chủ động áp dụng các biện pháp xác định tội phạm đòi hỏi tinh thần tự giác, đòi hỏi sự khẩn trương, kịp thời của các cơ quan có thẩm quyền. Điều này xuất phát từ đặc thù của hoạt động điều tra trong TTTHS. Nếu thiếu trách nhiệm, CQĐT sẽ không có những biện pháp chủ động, kịp thời để xác định tội phạm. Những chứng cứ để xác định tội phạm nếu không được khẩn trương phát hiện, sẽ bị bỏ lỡ, bị hủy hoại theo quy luật khách quan của vật chất hoặc theo quy luật che giấu tội phạm của người phạm tội. Trước yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, nguyên tắc này được đặt ra nhằm bắt buộc các cơ quan có thẩm quyền phải chủ động áp dụng các biện pháp xử lý nhanh chóng, kịp thời để phát hiện tội phạm - nắm

bắt và làm rõ dấu hiệu của tội phạm, không được chậm trễ, trì hoãn dẫn tới việc mất các dấu vết, người phạm tội bỏ trốn hoặc thủ tiêu các dấu vết của tội phạm.

Trong mối tương quan giữa khối lượng công việc và khả năng làm việc của cơ quan có thẩm quyền khởi tố, nguồn lực con người, phương tiện và thời gian có hạn trong khi sự việc có dấu hiệu tội phạm bị phát hiện rất nhiều, đặc biệt là trong những kiểu trường hợp "khi thực hiện nhiệm vụ trực tiếp phát hiện có dấu hiệu của tội phạm". Ví dụ, trong một vụ án, một chuyên án, người bị tình nghi còn khai ra những tội phạm khác, những đối tượng khác, như vậy, sẽ phải đấu tranh làm rõ, mở rộng vụ án hoặc khởi tố một vụ án khác. Trường hợp này, dấu hiệu của tội phạm chỉ riêng có một cơ quan đang thực hiện nhiệm vụ biết, không cơ quan nào khác có thể biết để kiểm sát, chế ước. Sẽ có hai khả năng xảy ra, thứ nhất, phải giới hạn lại quy mô vụ án, những sự việc phát hiện được có dấu hiệu của tội phạm sẽ phải "tách bóc" xử lý, sau do cần tập trung vào vụ án trước mắt, hoặc do không đủ nhân lực, vật lực để triển khai mở rộng... Khả năng thứ hai, dù hoàn toàn có đủ nhân lực, vật lực, dù không phải tập trung vào việc giải quyết vụ án trước mắt, nhưng thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu tinh thần đấu tranh triệt phá tội phạm, các chủ thể có thẩm quyền đã thoái thác, trì hoãn không thực hiện hoạt động kiểm tra xác minh những thông tin đó và dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Vì thế, cần phải có một quy định mang tính nguyên tắc về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong trường hợp này để hạn chế khả năng thứ hai. Theo đó, mọi trường hợp phát hiện có dấu hiệu của tội phạm, về nguyên tắc, đều phải chủ động, tự giác thực hiện các hoạt động xác minh để khởi tố vụ án và xác định tội phạm, người phạm tội.

Đặc biệt hơn nữa, để thu thập chứng cứ nhằm xác định tội phạm, người tiến hành tố tụng thậm chí phải hy sinh cả tính mạng khi thực hiện các hoạt động truy nã, bắt khẩn cấp, bắt quả tang và khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế TTHS khác. Người tiến hành tố tụng còn có thể phải hy sinh rất nhiều quyền và lợi ích chính đáng của một con người bình thường mà những người làm các công việc khác được hưởng. Do đó, nếu không có tinh thần chủ

động, nếu không xác định truy cứu TNHS người phạm tội là trách nhiệm nghề nghiệp mà chỉ là một công việc thuần túy mang tính chất làm công ăn lương thì sẽ rất khó có thể bảo đảm được các mục tiêu của TTHS.

Trách nhiệm bảo đảm tính *hiệu quả* của hoạt động truy cứu TNHS: trách nhiệm này đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm một tỷ lệ buộc tội thành công cao: số bị can bị khởi tố với số bị cáo bị TA quyết định hình phạt chính xác không quá chênh lệch. Hiệu quả của hoạt động truy cứu TNHS được thể hiện qua: (i) về số lượng - số lượng vụ án, số lượng người phạm tội được xử lý; được điều tra khám phá; (ii) về chất lượng - tính có căn cứ của các quyết định khởi tố bị can, kết luận điều tra đề nghị truy tố, cáo trạng, bản án, tính kịp thời, đúng thời hạn luật định của các hoạt động xử lý trong quá trình truy cứu TNHS người phạm tội. Như vậy, qua đánh giá hoạt động truy cứu TNHS của bộ máy tư pháp hình sự có hiệu quả không cũng sẽ đánh giá được tính chủ động, tích cực của bộ máy này, sẽ không thể có một bộ máy tư pháp hình sự vận hành hiệu quả nếu các bộ phận cấu thành bộ máy đó không làm việc một cách tích cực, chủ động.

Với tư cách là một nguyên tắc cơ bản của luật TTHS, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là những phương châm, định hướng chi phối các giai đoạn của hoạt động TTHS, đặc biệt là giai đoạn khởi tố VAHS. Nguyên tắc này là sự thể hiện rõ nét các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, thể hiện một trong những đòi hỏi đối với công tác tư pháp được xác định tại Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị: "Công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm...; bảo vệ trật tự, kỷ cương, bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân" [15]. Vì thế, chúng tôi đồng tình với quan điểm của GS. TS Đỗ Ngọc Quang cho rằng: "Nguyên tắc này được quy định trong Luật tố tụng hình sự nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện, khởi tố và bị xử lý không để lọt tội phạm, đảm bảo thực hiện công bằng xã hội" [38, tr. 47].

Trong quá trình thực hiện các quy định về khởi tố và xử lý VAHS, nguyên tắc này có vai trò quan trọng trong việc tác động tới ý thức pháp luật của các chủ thể có thẩm quyền. Pháp luật TTHS chính là hệ thống các quy định về khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thiết kế những đường ray pháp lý cho tiến trình truy cứu TNHS người phạm tội được vận hành một cách hợp pháp, nếu vượt ra khỏi đường ray đó thì hoạt động truy cứu TNHS sẽ không đúng trình tự, không hợp pháp. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật TTHS rất khó buộc các chủ thể truy cứu TNHS phải chủ động, hiệu quả trong công việc nếu họ không có ý thức về trách nhiệm của bản thân. Do đó, ý nghĩa của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS không chỉ thể hiện ở yêu cầu đối với hoạt động xây dựng pháp luật TTHS mà còn thể hiện ở vai trò đối với hoạt động áp dụng pháp luật, đối với ý thức của người áp dụng pháp luật. Khởi tố và xử lý VAHS không chỉ là nghĩa vụ, mà phải cao hơn nghĩa vụ, là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình xây dựng một Nhà nước pháp quyền với vai trò thượng tôn của pháp luật, trong đó, các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan tư pháp phải làm việc chuyên nghiệp, trên cơ sở pháp luật. Mang đặc điểm văn hóa ứng xử của một xã hội nông nghiệp, người Việt Nam đem lối ứng xử "duy tình" - nặng về tình cảm và "quan hệ" vào ngay trong các hoạt động áp dụng pháp luật. Sự linh hoạt và mềm dẻo của hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng pháp luật TTHS nói riêng góp phần đem lại các kết quả xử lý VAHS hợp lý, hợp tình, nhưng đồng thời, cũng tạo ra sự tùy tiện và tiêu cực. Ngoài ra, những sản phẩm tinh thần của nền văn hóa làng xã như bệnh "địa phương chủ nghĩa", bệnh "thành tích", bệnh "con người tập thể" vẫn còn hiện hữu trong xã hội hiện đại cũng ảnh hưởng rất lớn tới việc thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Bên cạnh đó, ở một quốc gia mà những ảnh hưởng tiêu cực của hệ tư tưởng Nho giáo vẫn tồn tại như Việt Nam, trong tư duy của một bộ phận không nhỏ công chức vẫn tự coi mình là quan chức, vì thế, cơ chế "ban phát",

"xin cho" không chỉ xuất hiện trong bộ máy hành chính mà xuất hiện cả trong bộ máy tổ tụng, khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội có thể bị nhận thức là quyền trước khi là trách nhiệm. Do đó, việc quy định những nguyên tắc về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng nằm trong tư tưởng, định hướng về hoàn thiện pháp luật và bộ máy tư pháp trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, vì dân ở nước ta.

Như vậy, việc quy định và thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS có ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt đối với việc hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm. Nếu các cơ quan này thực hiện đầy đủ trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS sẽ thu hẹp được khoảng cách giữa thực tiễn TTHS với các mục tiêu của TTHS. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng góp phần thể hiện tính pháp chế và dân chủ của TTHS, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với xã hội.

1.2.2. Mối quan hệ giữa nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự với các nguyên tắc khác của luật tố tụng hình sự Việt Nam

Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS có quan hệ mật thiết với nguyên tắc pháp chế trong TTHS, vì thế, có những quan điểm cho rằng nguyên tắc này là sự thể hiện, sự cụ thể hóa một phần của nguyên tắc pháp chế trong TTHS hoặc xếp vào nhóm các nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN (*Giáo trình Kỹ năng xét xử vụ án hình sự* của Trường Đào tạo các chức danh tư pháp, *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam* của Trường Đại học Luật Hà Nội...). Chúng tôi cho rằng, những quan điểm nêu trên không phải là không có cơ sở, bởi trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS chính là trách nhiệm phải thực hiện những hoạt động tố tụng mà pháp luật đã quy định cho các chủ thể, nói cách khác, đó chính là nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng - nội dung cơ bản của nguyên tắc pháp chế trong TTHS: "Mọi hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật

này" được quy định tại Điều 3 BLTTHS: "Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự". Pháp chế trong TTHS là nguyên tắc được thể hiện đầy đủ, xuyên suốt các hoạt động, các giai đoạn TTHS và là cơ sở cho rất nhiều các nguyên tắc TTHS khác. Tuy nhiên, yêu cầu về trách nhiệm bảo đảm tính chủ động, hiệu quả của hoạt động khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội xuất phát từ lợi ích chung của xã hội mà nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đặt ra không nằm trong phạm vi nguyên tắc pháp chế trong TTHS. Vì vậy, chúng tôi không cho rằng nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS hoàn toàn là một bộ phận cấu thành hay một biểu hiện, một minh họa của nguyên tắc pháp chế. Bởi nếu coi nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là một phần của nguyên tắc pháp chế, chúng ta mới chỉ nhấn mạnh yêu cầu phải thực hiện các hoạt động tố tụng, phải áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để khởi tố và xử lý vụ án. Khi đã bị thu hẹp nội hàm như vậy, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS sẽ trùng lặp với một trong hai nội dung của nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi yêu cầu trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của pháp luật.

Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án đòi hỏi CQĐT, VKS, Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, các kết luận của các cơ quan tiến hành tố tụng phải phù hợp với thực tế khách quan của vụ án tức là phù hợp với các tình tiết, sự kiện của vụ án. Các chứng cứ xác định có tội cũng như các chứng cứ xác định vô tội phải được thu thập mà không thể chỉ phiến diện chú trọng thu thập các chứng cứ xác định có tội. Như vậy, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng có mối quan hệ mật thiết với nguyên tắc xác định sự thật của vụ án khi cũng yêu cầu phải áp dụng các biện pháp luật định để xác định tội phạm, yêu cầu việc khởi tố phải có căn cứ (phải xem xét toàn diện, đầy đủ các thông tin để quyết định việc khởi tố). Sự tương đồng giữa nguyên tắc xác định sự thật của vụ án và nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS dừng lại ở đây. Nguyên

tắc xác định sự thật của vụ án còn có nội dung đặc biệt quan trọng, mà theo một số quan điểm, nội dung này thuộc về nguyên tắc suy đoán vô tội, đó là "Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội". Trong khi đó, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS tập trung vào trách nhiệm phải khởi tố, phải truy cứu TNHS mà không được thoái thác, bỏ mặc, tập trung vào yêu cầu không bỏ lọt tội phạm đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

Nguyên tắc thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS (được quy định tại Điều 23 BLTTHS) là nguyên tắc về trách nhiệm của VKS, VKS là cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS. Tuy nhiên, hoạt động thực hành quyền công tố của VKS chỉ là một trong những nội dung quan trọng của quá trình truy cứu TNHS người phạm tội, VKS cũng chỉ là một trong ba cơ quan tham gia vào quá trình truy cứu TNHS người phạm tội, vào quá trình xử lý VAHS. Do đó, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS không phải là nguyên tắc thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS.

Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp xử lý đối với người phạm tội một cách hợp pháp và chỉ trong trường hợp cần thiết là nội dung cơ bản của nguyên tắc Tôn trọng các quyền tự do, dân chủ của công dân được quy định tại Điều 4 BLTTHS: khi tiến hành tố tụng, thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng. Nguyên tắc này nhấn mạnh tính hợp pháp của các biện pháp xử lý người phạm tội trong khi nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS nhấn mạnh tính hiệu quả của quá trình truy cứu TNHS người phạm tội, hơn nữa, nếu như các biện pháp xử lý người phạm tội được đề cập tại nguyên tắc tôn trọng các quyền tự do, dân chủ của công dân chủ yếu là các biện pháp cưỡng chế tố tụng thì các biện pháp xử lý người phạm tội được đề cập trong nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS chủ yếu là các dạng mức TNHS mà người phạm tội sẽ phải gánh chịu khi các cơ quan tiến hành tố tụng ở cuối quá trình truy cứu TNHS đối với họ.

Mặt khác, có ý kiến cho rằng, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là sự thể hiện của nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Thực hiện tốt nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng sẽ góp phần bảo đảm cho mọi tội phạm đều bị xử lý. Nội dung cơ bản của nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật yêu cầu trách nhiệm không phân biệt đối xử của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với người phạm tội: không phân biệt họ là ai, ở cương vị nào, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội, trình độ học vấn. Các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục do luật quy định, không ưu đãi hay gây khó dễ cho người này hơn so với người khác còn nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS nhấn mạnh trách nhiệm không được bỏ lọt tội phạm dù cố ý hay vô ý, nhấn mạnh trách nhiệm khởi tố VAHS, trách nhiệm truy cứu TNHS một cách tích cực và hiệu quả. Như vậy, mục đích điều chỉnh của hai nguyên tắc này rất độc lập với nhau.

Từ việc phân tích mối quan hệ giữa nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS với các nguyên tắc khác trong chế định những nguyên tắc cơ bản của BLTTHS, có thể thấy sự giao thoa, đan xen giữa nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS với các nguyên tắc khác. Tuy nhiên, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS có vị trí và nhiệm vụ riêng, nó yêu cầu trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn khởi tố - giai đoạn đầu tiên và đặc biệt nhạy cảm của TTHS, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng yêu cầu trách nhiệm truy cứu TNHS một cách chủ động và hiệu quả của các cơ quan tiến hành tố tụng. Những nội dung này của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS xuất phát từ những triết lý, những đặc thù của TTHS và là những phương châm, tư tưởng, định hướng đối với hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật TTHS mà các nguyên tắc khác không đề cập. Do đó, sẽ là siêu hình nếu cho rằng với tính chất của các mối quan hệ nêu trên giữa các nguyên tắc, có thể đưa ra khỏi BLTTHS nguyên tắc trách nhiệm

khởi tố và xử lý VAHS do nội dung của nó đã được thể hiện trong các nguyên tắc khác. Để có một mạch gắn kết lô-gíc giữa nhiều nguyên tắc với nhau trong chế định các nguyên tắc của TTHS, nguyên tắc này liên quan, lô-gíc với nguyên tắc khác nhưng không chồng chéo nhau, mỗi nguyên tắc phải có những nội dung riêng, những ý nghĩa riêng để khi đặt cạnh nhau, cùng thể hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của TTHS. Vì vậy, như đã phân tích, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS nếu như được đặt lại tên gọi là nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội thì sẽ thể hiện rõ nét hơn, đầy đủ hơn tính đặc thù của nguyên tắc này, hạn chế những nhầm lẫn có thể có về sự lẫn và trùng của nguyên tắc này với các nguyên tắc khác của TTHS.

1.3. NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG LỊCH SỬ PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

Trong phần thứ 3 của chương 1, luận án nghiên cứu nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS được quy định trong pháp luật TTHS hiện hành qua sự so sánh, liên hệ với các quan điểm về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong lịch sử lập pháp của dân tộc cũng như với các nguyên tắc, các quy định tương tự của pháp luật TTHS tại một số quốc gia trên thế giới.

1.3.1. Giai đoạn trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988

Nhìn lại lịch sử trung - cận đại Việt Nam, có thể nói, "tội phạm hóa" các quan hệ pháp luật trong xã hội phong kiến là một trong những đặc điểm dễ nhận thấy nhất. Từ các bộ Hình thư thời Lý đến Quốc triều Hình luật thời Trần (đã bị thất lạc), cho đến Quốc triều Hình luật thời Lê và Hoàng Việt luật lệ đều là những bộ luật tổng hợp - dùng quy phạm pháp luật hình sự để điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội, các lĩnh vực của đời sống xã hội cần điều chỉnh bằng luật pháp. Và như vậy, quy trình xử lý các vụ án có thể hiểu là theo một thủ tục tố tụng chung ít nhiều mang tính chất của thủ tục TTHS. Trách nhiệm làm rõ những thông tin, những kiện tụng, yêu cầu giải quyết vụ

án - các cáo trạng (*cáo*: nói cho biết, tố cáo, tố ý, bày tỏ, tuyên bố, *trạng*: đơn từ kiện cáo - không phải cáo trạng hiểu theo nghĩa là hình thức quyết định truy tố của VKS như ngày nay) đã được quy định trong Bộ luật Hồng Đức rất chi tiết với một cách đặt vấn đề nghiêm túc - quy định chế tài cụ thể nếu không thực thi đầy đủ và cẩn trọng trách nhiệm này. Điều 16 Chương Đoán ngục của bộ Quốc triều Hình luật thời Lê nhấn mạnh:

Nếu ở trần ngoài có ai trình cáo trạng, quan ty sở tại phải xét kỹ sự tình, cùng là nhân danh quan chức mà đòi hỏi. Những thuộc lại không được để chậm trễ hay dìm cáo trạng ấy đi, tự tiện xúi bảo (kẻ trình cáo trạng), hay là trả lại cáo trạng (không đem trình quan trên, cùng là tự mình định đoạt; nếu trái luật này, thì quan sở tại phải tâu lên để khép kẻ trái phép vào tội xúi giục người đi kiện. Nếu quan ty sở tại vô tình không biết, thì xử tội biếm hay tội phạt [55, tr. 229].

Quy định này đã ràng buộc nghĩa vụ tiếp nhận, kiểm chứng các khiếu kiện, tố giác của người dân, yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trên một cách kịp thời, khẩn trương, đúng trình tự và khách quan. Việc không bỏ lọt thông tin về tội phạm trong các cáo trạng là một yêu cầu bắt buộc. Như vậy, Bộ luật Hồng Đức của thế kỷ XV (Bộ Quốc triều hình luật thời Lê) đã rất gần với điều luật về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS tại BLTTHS của năm 2003, nghĩa là gần 600 năm sau. Điều đó cho thấy quy định về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS không phải là sản phẩm lập pháp duy nhất chỉ có của pháp luật TTHS XHCN hiện đại mà những tư tưởng về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đã manh nha trong lịch sử pháp luật phong kiến và phần nào được ghi nhận trong Quốc triều hình luật. Mặt khác, một vấn đề cần được nhìn nhận ở đây là sự tồn tại mang tính khách quan của thực tiễn tư pháp hình sự, đó là hiện tượng cố tình không tiếp nhận tố cáo, khiếu kiện, hoặc có tiếp nhận nhưng "dìm cáo trạng ấy đi" hoặc chậm trễ trong việc tiến hành điều tra, xác minh, hiện tượng này không phụ thuộc vào kiểu tố tụng nào hay thời đại nào hay bộ máy tố tụng nào. Do đó, các nhà làm luật đều phải có những khuyến cáo và răn đe như quy định tại

Điều 16 Chương Đoán ngục Bộ luật Hồng Đức hay Điều 13 BLTTHS năm 2003. Có thể nhận thấy quan điểm này xuyên suốt trong Hoàng Việt luật lệ. Luật Gia Long tiếp tục quy định về trách nhiệm thụ lý tố cáo - vấn đề mà Bộ luật Hồng Đức đã đặt ra. Điều 303 "cáo trạng không được thụ lý" của Hoàng Việt luật lệ đã làm rõ hơn mối quan hệ giữa tính chất của tố cáo và trách nhiệm của người tiếp nhận tố cáo: việc đáng thụ lý mà quan lại không thụ lý sẽ bị phạt 3 năm tù lao dịch nếu là việc mưu phản hay làm loạn; 100 trượng nếu phạm tội ác nghịch khác, 80 trượng nếu là án giết người [60, tr. 96].

Ảnh hưởng đậm nét bởi hệ thống pháp luật Pháp, tuy nhiên phải đến các văn bản pháp luật TTHS ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975, quy định về trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội mới tương đối rõ nét. Lê Tài Triển trong cuốn *Nhiệm vụ của công tố viện* đã viết về quyền công tố như sau:

Xã hội có bốn phạm bài trừ tội phạm, tìm kiếm thủ phạm để trừng phạt. Quyền trừng phạt được luật pháp giao cho các Tòa án hình sự. Nhưng Tòa án hình sự không có quyền tự mình thụ lý các vụ vi phạm. Quyền phát động sự truy tố - quyền khởi tố - để Tòa án thụ lý được được hình sự tố tụng và Dự số 4 ngày 18-10-1949 giao cho công tố viện. Quyền đó được mệnh danh là công tố quyền... [76, tr. 263].

Trách nhiệm phát động quyền công tố thuộc về cơ quan công tố trong hình sự tố tụng, các biện lý của cơ quan công tố có thẩm quyền ban hành khởi tố lệnh trạng hay khởi tố lệnh. Vai trò của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước đối với việc phát hiện có dấu hiệu tội phạm cũng như làm rõ các dấu hiệu đó tạo cơ sở cho việc ban hành khởi tố lệnh trạng được nhấn mạnh. Điều 65 Dự số 4 ngày 18/10/1949 về tổ chức tư pháp Việt Nam quy định:

Bất cứ người nào tự cho mình bị thiệt hại về một tội phạm đại hình hay tiểu hình đều có quyền khởi tố và đứng dân sự nguyên cáo tại phòng dự thẩm nơi xảy ra việc phạm pháp hay nơi bị can cư

trú hoặc nơi y bị bắt. Khi nhận được đơn này, trách nhiệm của công tố viện phải làm khởi tố lệnh trạng, nếu người bị thiệt hại gửi đơn tới dự thẩm, dự thẩm sẽ chuyển lại cho biện lý làm khởi tố lệnh trạng sau đó mới chuyển lại cho dự thẩm [Dẫn theo 76, tr. 284].

Như vậy, khởi tố lệnh trạng gần giống với quyết định khởi tố vụ án. Lệnh trạng này là hình thức pháp lý của yêu cầu thụ lý của biện lý gửi tới dự thẩm. Sau khi thụ lý, Dự thẩm sẽ tiến hành các hoạt động điều tra thẩm cứu hay những hành vi thẩm cứu như: hỏi cung và đối chất tổng giam bị can, chấp cung nhân chứng, thân đạo trường sở hay lâm sát trường sở (tới hiện trường), khám nhà và lục soát, sai áp tang vật (tịch thu tạm giữ tài liệu dùng làm tang vật), giám định, ủy thác...

Ngoài các cơ quan tố tụng thì các cơ quan khác trong bộ máy chính quyền cũng có quyền khởi tố vụ án như nha thủy - lâm, thuế quan... Sắc luật số 9/57 ngày 4-3-1957 và Điều 367 Luật Quan thuế cho phép "quan thuế có thể xử hành quyền công tố để xin áp dụng luật pháp bằng cách trực tố nghĩa là trực tiếp truy tố can phạm ra tòa: trong trường hợp này, quan thuế tự mình phát động công tố quyền" [Dẫn theo 76, tr. 282].

Tại miền Bắc, thời kỳ 1945 đến 1975, do hoàn cảnh chiến tranh, các văn bản pháp luật TTHS được ban hành không nhiều, trong các văn bản pháp luật đó, cũng chưa có văn bản nào quy định về các nguyên tắc của TTHS. Thẩm quyền khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội theo Điều 1 Thông tư số 427-TTLB ngày 28/6/1963 của VKSNDTC và Bộ Công an quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa VKSNDTC và Bộ Công an được phân nhiệm như sau:

Về mặt trình tự tố tụng hình sự, cơ quan Công an vừa có trách nhiệm khởi tố vụ án, bước đầu thu thập chứng cứ và khởi tố đối với bị can trong các vụ án phản cách mạng và các vụ phạm pháp về hình sự khác đã được phát hiện, vừa có trách nhiệm tiếp tục hoàn thành việc điều tra lập hồ sơ.

Viện kiểm sát có nhiệm vụ kiểm sát việc điều tra của Cơ quan điều tra, đồng thời cũng có nhiệm vụ khởi tố vụ án, khởi tố đối với bị can và điều tra lập hồ sơ những vụ phạm pháp hình sự [101].

Thông tư này cũng có những quy định mang tính nguyên tắc về trách nhiệm của cơ quan công an trong việc khởi tố và truy cứu người phạm tội như Điều 13 BLTTHS năm 2003, đó là: "Mỗi khi cơ quan Công an thấy có việc phạm pháp xảy ra, thì sẽ khởi tố vụ án và bước đầu tiến hành thu thập các chứng cứ như khám nghiệm hiện trường, tạm giữ tang vật, lấy lời khai đầu tiên của nhân chứng có mặt, tạm giữ và hỏi cung sơ bộ bị can..." [101]. Trách nhiệm của cơ quan Công an phát sinh từ khi "thấy có việc phạm pháp xảy ra" - khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì có trách nhiệm khởi tố vụ án và tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu.

Trước đó, Sắc luật số 103-SL/L005 ngày 20/5/1957 và Nghị định số 301-TTg ngày 10-7-1957 quy định các cán bộ Công an có thẩm quyền khởi tố và sau này, khi tiến hành các hoạt động xử lý tiếp theo nếu xét thấy có căn cứ có quyền đình chỉ khởi tố vụ án. Điều 17 Luật tổ chức VKSND năm 1960 cũng quy định thẩm quyền khởi tố vụ án của các Kiểm sát viên. Đặc biệt, trách nhiệm khởi tố vụ án của VKS được làm rõ khi cơ quan này có quyền hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hoặc trực tiếp ra quyết định khởi tố vụ án khi thấy quyết định khởi tố hoặc đình chỉ khởi tố của cán bộ Công an là không đúng. Các quyết định khởi tố vụ án và các quyết định khởi tố đối với bị can đều phải gửi kịp thời cho VKS để làm nhiệm vụ kiểm sát. Các văn bản pháp luật thời kỳ này thể hiện rất rõ quan điểm về trách nhiệm khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội một cách linh hoạt, gọn nhẹ và hiệu quả, đặc biệt là trong việc quyết định khởi tố vụ án, quyết định xử lý hay không xử lý về hình sự đối với một sự việc có dấu hiệu của tội phạm. Thông tư số 556-TTg ngày 24-12-1958 của Thủ tướng Chính phủ về đường lối xét xử nhân dân lao động phạm pháp nhẹ:

Đối với những người xử cũng được, không xử cũng được, thì không xử, mà dựa vào quần chúng, dùng biện pháp hành chính, nghiêm khắc phê bình cảnh cáo hoặc cũng có thể quản chế một thời gian.

Nhằm mục đích sử dụng biện pháp hành chính để giáo dục những người trong nhân dân phạm pháp nhẹ trong thời kỳ kháng chiến, Điều 6 của Nghị định số 32-NĐ ngày 6/4/1952 của Bộ Tư pháp đã coi là việc vi cảnh một số tội phạm trước đó đã bị xét xử là tội hình sự (trộm cắp, lừa đảo, biển thủ và thiến thủ những tài sản có giá trị ít, không có trường hợp tăng tội lên trọng tội) [10].

Chính sách hình sự trên đã kéo theo sự điều chỉnh của TTHS: đối với một số tội phạm ít nghiêm trọng, thuộc trường hợp đơn giản, không cần có hoạt động khởi tố vụ án đối với những tội phạm vi cảnh xử lý bằng biện pháp hành chính, để xử lý vụ án được nhanh chóng, Tòa án yêu cầu Ủy ban hành chính xã kiêm tư pháp, cơ quan công an, VKS chuyển sang hồ sơ vụ việc. Mặt khác, pháp luật cũng đề ngỏ khả năng "tăng tội lên trọng tội", nếu nhận thấy việc phạm pháp có tính chất quan trọng, Tòa án cần thảo luận với VKS để VKS truy tố kẻ phạm tội theo trình tự chung về TTHS. Một minh chứng cho tính mềm dẻo và linh hoạt của pháp luật TTHS trong việc khởi tố và xử lý VAHS là Thông tư số 139-TTg ngày 28-5/1974 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn một số vấn đề về xử lý các việc phạm pháp đã phát hiện trong quá trình thực hiện Nghị quyết 228/NQ-TW và các nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước. Thông tư này yêu cầu một số tội phạm phát hiện trong quá trình thực hiện Nghị quyết 228/NQ-TW phải báo cho VKS để cơ quan này khởi tố vụ án, "trên cơ sở hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quyết định các biện pháp xử lý, trong đó có việc truy tố ra trước Tòa án nhân dân để xét xử kẻ phạm tội". Thông tư số 139-TTg cũng trao quyền chủ động miễn tố cho VKS đối với những việc phạm pháp chưa thành tội hoặc những việc phạm tội chưa đến mức phải truy tố về hình sự. Căn cứ của việc phân chia các mức độ xử lý này chính là tính chất của vi phạm và đặt trong bối cảnh chính trị - xã hội của

đất nước, một vấn đề phải đặt ra là dù xác định được tính chất của vi phạm, có cần thiết khởi tố - truy tố - xét xử, có nên khởi tố - truy tố - xét xử đối với người phạm tội và đối với cả lợi ích chung của xã hội hay không.

Như vậy, cách nhìn nhận về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong lịch sử pháp luật TTHS của dân tộc khá đa dạng và thay đổi tùy theo mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi kiểu Nhà nước. Tuy nhiên, lại có những điểm tương đối thống nhất sau đây: từ thời kỳ trung đại đến hiện đại, Việt Nam đều đi theo mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm và đề cao trách nhiệm xử lý vụ án của hệ thống tư pháp hình sự, trong đó, trách nhiệm thụ lý thông tin về tội phạm để xử lý vụ án là vấn đề mang tính tất yếu, nội sinh mà không phải là sự áp đặt pháp luật. Chủ thể của trách nhiệm phát động vụ án, xử lý VAHS trước tiên thuộc về các cơ quan nhà nước, ngoài ra, nguồn sử luật Việt Nam cũng cho thấy sự đa dạng trong việc ghi nhận các loại chủ thể của trách nhiệm này. Một đặc điểm khác có thể nhận thấy, đó là sự mềm dẻo, linh hoạt trong cách xử lý những sự việc phạm tội để phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyên tắc lấy lợi ích chung, lợi ích công làm nền tảng, từ các quy định của Quốc triều hình luật đến Hoàng Việt luật lệ, từ các quy định của pháp luật tố tụng của miền Bắc XHCN tới các quy định của pháp luật chính quyền ngy quyền miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Nguyên lý lấy lợi ích chung, giá trị công làm nền tảng trong TTHS vừa phù hợp với ý thức hệ của giai cấp cầm quyền, vừa phù hợp các giá trị cộng đồng, tính đề cao cộng đồng của người Việt.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1988 đến nay

Các quy định về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong lịch sử luật TTHS nước ta giai đoạn trước năm 1945 và cả kéo dài tới năm 1975 ở miền Nam Việt Nam chịu ảnh hưởng khá sâu sắc pháp luật TTHS Cộng hòa Pháp. Tuy nhiên, từ lần pháp điển hóa pháp luật TTHS đầu tiên sau khi thống nhất đất nước, BLTTHS Việt Nam năm 1988 và ngay cả BLTTHS năm 2003 sau này thể hiện sự tiếp thu rõ nét các giá trị pháp luật TTHS Xô-viết, trong đó có

sự tiếp thu, kế thừa các quy định và cách nhìn nhận về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Trong BLTTHS của quốc gia này có những nguyên tắc, những quy định khá gần với nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS của nước ta. Cụ thể, nội dung trách nhiệm khởi tố và xử lý hình sự ở Điều 13 BLTTHS 2003 hay Điều 13 BLTTHS 1988 ít nhiều tương đồng với Điều 3 Chương 1 Những nguyên tắc cơ bản của BLTTHS nước Cộng hòa XHCN Xô viết Liên bang Nga trước đây:

Điều 3. Trách nhiệm đề khởi án kiện và khám phá tội phạm

Trong phạm vi thẩm quyền của mình, tòa án, kiểm sát trưởng, trình tra trưởng, trình tra viên và cơ quan điều tra có trách nhiệm đề khởi án kiện hình sự trong mỗi trường hợp khi phát hiện ra các dấu hiệu của tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do luật pháp quy định để xác định sự kiện phạm tội, người có tội vì đã thực hiện tội phạm và áp dụng những biện pháp trừng phạt [66].

Như vậy, tiếp thu các quan điểm của BLTTHS của Cộng hòa Liên bang XHCN Nga, pháp luật TTHS Việt Nam chỉ thay đổi tên gọi và thu gọn chủ thể có trách nhiệm "đề khởi án kiện" (khởi tố) không bao gồm "trình tra trưởng" và "trình tra viên". Nguyên tắc này còn được gọi là nguyên tắc công (Οσηλυτην Πραφηι) mà không phải là nguyên công tố. Nguyên tắc công nhấn mạnh tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội mà nhà nước với tư cách là cơ quan công quyền đại diện cho xã hội có trách nhiệm khởi tố và xác định sự kiện phạm tội, người phạm tội và đặc biệt là đại diện cho xã hội trừng phạt họ.

Do vẫn cùng một mô hình tố tụng dù thể chế chính trị đã thay đổi, BLTTHS của Liên bang Nga năm 2001 tuy không còn coi đây là một nguyên tắc cơ bản nhưng tại Điều 21 về nghĩa vụ thực hiện việc truy tố hình sự có quy định:

Trong mọi trường hợp phát hiện được các dấu hiệu của tội phạm, kiểm sát viên, dự thẩm viên, Cơ quan điều tra ban đầu và nhân viên điều tra ban đầu áp dụng các biện pháp do bộ luật này

quy định để xác định sự kiện phạm tội và chứng minh người hoặc những người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm [94].

BLTTHS của Liên bang Nga hiện nay hay BLTTHS của nước Cộng hòa XHCN Xô viết Liên bang Nga trước đây và BLTTHS Việt Nam hiện hành đều có chung một tư tưởng pháp lý về việc nhấn mạnh nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng phải chủ động thực hiện các biện pháp luật định để khởi tố vụ án và xác định tội phạm. Có thể nhận thấy sự tương đồng này cả trong các quy định của pháp luật TTHS Trung Hoa. Điều 83 BLTTHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1996 quy định: Cơ quan Công an hoặc Viện kiểm sát nhân dân phải, sau khi phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc nghi can, tiến hành điều tra vụ án trong phạm vi thẩm quyền [95]. Đây không phải là những nguyên tắc, quy định được vay mượn một cách rập khuôn, máy móc mà dựa trên những vấn đề chung của thực tiễn TTHS, đặc biệt là khi có những tương đồng về chính trị và mô hình tố tụng, hình thức tố tụng. Do cùng có kiểu pháp luật và thể chế chính trị chung, pháp luật một mặt phải bảo vệ sự an toàn chung của nhân dân, của toàn xã hội, một mặt phải đề cao nguyên tắc pháp chế để thực hiện chuyên chính vô sản, chống lại mọi tùy tiện, li khai, chống đối; mặt khác, do sự chế ước quyền lực theo mô hình tam quyền phân lập không tồn tại, việc quy định nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng là một điều hoàn toàn phù hợp để kiểm soát tội phạm, chống bỏ lọt tội phạm và để kiểm soát chính những người tiến hành tố tụng, kiểm soát chính bộ máy tư pháp. Cũng xuất phát từ yêu cầu này, pháp luật TTHS của các nước XHCN, trong đó có Việt Nam đặt ra một khái niệm mới của quá trình xử lý VAHS: quyền kiểm sát, đặt ra một cơ quan mới - để vừa thực hiện quyền kiểm sát, vừa thực hiện quyền công tố trong TTHS. Ở bình diện chung, đối với toàn xã hội, VKS có vai trò quan trọng trong việc thực hiện pháp chế XHCN, hạn chế tối đa những tồn tại của một xã hội quá độ từ tư bản, phong kiến lên chủ nghĩa xã hội: tư tưởng địa phương chủ nghĩa, bá quyền, lạm quyền, tùy tiện, tham nhũng... còn trong quá trình xử lý VAHS, Viện kiểm sát có vai trò rất

lớn trong việc bảo đảm cho mọi thao tác xử lý vụ án đều có căn cứ và hợp pháp, hạn chế sự tùy tiện, khép kín của CQĐT cũng như hạn chế vai trò quá lớn của Tòa án như trong TTHS các nước tư bản chủ nghĩa.

Trong khi đó, theo một mô hình tố tụng khác, một triết lý tố tụng khác, vì vậy, rất khó có thể so sánh các quy định về trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS của Việt Nam với pháp luật TTHS của các nước theo mô hình tố tụng công bằng quan tâm trước hết tới việc bảo đảm quyền của người bị tình nghi và những người khác liên quan tới TTHS, nhấn mạnh tính hợp pháp của quá trình tố tụng cao hơn tính hiệu quả của quá trình tố tụng. Triết lý về trách nhiệm của Nhà nước và phạm vi quyền lực của Nhà nước trong quá trình xử lý tội phạm được đặt ra theo một cách tiếp cận khác:

Nếu chấp nhận để loại bỏ tội phạm bằng bất kỳ phương cách nào, chúng ta có thể sống trong một xã hội không có tội phạm, nhưng đổi lại chúng ta sẽ phải trả giá như thế nào, liệu bạn có muốn sống trong một không khí ngột ngạt khi chính quyền được phép sử dụng mọi phương cách để loại bỏ tội phạm? Nếu chấp nhận một chính quyền chỉ được can thiệp rất hạn chế vào đời sống riêng tư của công dân, chúng ta sẽ chỉ có một bộ máy nhà nước yếu kém, thậm chí sẽ rơi vào tình trạng vô chính phủ.

Vấn đề ở đây là phải có một chính quyền có quyền lực đủ mạnh, nhờ đó có thể thực hiện trách nhiệm bảo vệ chúng ta khỏi sự tấn công của tội phạm, nhưng không được có quá nhiều quyền lực để ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của chúng ta [127].

Do vậy, trong mô hình tố tụng công bằng và hình thức tố tụng tranh tụng, phải tìm kiếm những cơ chế pháp lý đặc thù của hệ thống tư pháp hình sự để bảo đảm tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, theo chúng tôi, những cơ chế đó là:

Thứ nhất, được bảo đảm bằng cơ chế tài phán hóa. Ví dụ: BLTTHS Canada quy định Thẩm phán là chủ thể tiếp nhận tin báo, thụ lý vụ án, ra các lệnh bắt, các lệnh khám xét, thẩm vấn, xử lý vật chứng, triệu tập bị can bị cáo đến Tòa án... Đặc biệt, việc khởi đầu của một vụ án có thể bằng tin báo và trách nhiệm buộc phải tiếp nhận tin báo của Thẩm phán, sau đó theo Điều 507 (455.3): "Nếu thẩm phán xét thấy vụ việc đã được xác minh rõ ràng thì thẩm phán viết giấy triệu tập hoặc một lệnh bắt bị can để buộc người đó phải trình diện trước mình hoặc trước một thẩm phán khác có thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ để thực hiện hành vi tố tụng của mình" [93].

Chính việc tài phán hóa thẩm quyền và thủ tục ra các quyết định cưỡng chế tố tụng đã góp phần bảo đảm tính minh bạch, khách quan cho quá trình khởi động vụ án, nhiều quốc gia chỉ khi "tội danh được thành lập" theo phán quyết của Tòa án mới tiến hành điều tra công khai và tạm giam người bị tình nghi.

Thứ hai, bảo đảm bằng vai trò quyết định việc điều tra của công tố viên với các cơ chế, điều kiện cần thiết để công tố viên thể hiện vai trò của họ. Theo Điều 3 (2-b) Luật truy tố tội phạm năm 1985 của Vương quốc Anh thì công tố viên sẽ thẩm tra các nguồn tố giác, tin báo về tội phạm, tính chất nghiêm trọng của hành vi bị tố giác và việc cơ quan cảnh sát đã tiến hành điều tra hay chưa, sau đó sẽ đánh giá liệu có cần yêu cầu cảnh sát tiến hành điều tra hay không, nếu xét thấy cần, công tố viên sẽ giao cho cảnh sát điều tra.

Thứ ba, bảo đảm bằng cơ chế tranh tụng, yếu tố tranh tụng đã xuất hiện rất sớm và đã trở thành văn hóa pháp lý, cơ chế giám sát xã hội của luật sư và ngay cả của người bị tình nghi đã bảo đảm ở mức độ tương đối cho tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc bắt đầu một vụ án cũng những diễn tiến sau đó của vụ án. Các quốc gia theo truyền thống pháp luật tranh tụng thì về cơ bản quá trình xử lý vụ án tập trung vào giai đoạn xét xử công khai tại phiên tòa mà không bao gồm các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố như tố tụng xét hỏi.

Trở lại với pháp luật TTHS Việt Nam, sự tồn tại và sửa đổi, bổ sung của nguyên tắc này từ BLTTHS năm 1988 đến BLTTHS năm 2003 thể hiện rõ nét quan điểm của các nhà làm luật về nhiệm vụ của BLTTHS, đó là "nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội" cũng như thể hiện rất rõ nét các định hướng, yêu cầu của cải cách tư pháp ở Việt Nam trong những năm gần đây:

Để thể chế đúng đắn và đầy đủ nội dung những vấn đề về cải cách tư pháp đã được đề ra trong các Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị "về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới", Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 có một số quy định mới trong những nguyên tắc cơ bản nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao *trách nhiệm* của các cơ quan và cán bộ tư pháp để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới [115, tr. 15].

Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS lần đầu được ghi nhận trong chế định Những nguyên tắc cơ bản của BLTTHS năm 1988:

Điều 13. Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.

Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự do Bộ luật này quy định [50].

Nguyên tắc này tiếp tục được quy định trong lần pháp điển hóa thứ hai năm 2003 tại Điều 13 BLTTHS năm 2003. Điều 13 BLTTHS năm 2003 bổ sung duy nhất một từ "nhiệm vụ" vào nội dung nguyên tắc: "Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ,

quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội..." [51].

Sự bổ sung tương như không đáng kể trên của BLTTHS năm 2003 thực chất thể hiện một nhận thức sâu sắc hơn của các nhà làm luật về nội dung nguyên tắc này. Trách nhiệm không chỉ xuất phát từ quyền hạn, mà trước hết phải xuất phát từ nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Xu thế đổi mới pháp luật TTHS theo yêu cầu của cải cách tư pháp đòi hỏi: "những quy định của Bộ luật được sửa đổi, bổ sung phải đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nêu cao hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với công dân..." [74]. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS tiếp tục được quy định và bổ sung, nhấn mạnh nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp chính là nhằm thể chế hóa những chủ trương trên về cải cách tư pháp, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan này đáp ứng yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới, hạn chế tối đa hiện tượng bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội, bảo đảm cho mọi tội phạm đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu chương 1: Những vấn đề lý luận chung về nguyên tắc Trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

1. Việc pháp luật quy định Nhà nước là chủ thể của trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS như ngày nay là một quá trình phát triển lâu dài của TTHS qua nhiều kiểu pháp luật, nhiều hình thức TTHS, phản ánh sự phát triển của Nhà nước với sự tự ý thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của vị trí chủ thể khởi tố và xử lý VAHS trong việc quản lý xã hội theo ý chí của Nhà nước. Mặt khác, việc Nhà nước đảm nhận trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS cũng cho thấy một nấc thang mới của tiến bộ xã hội khi Nhà nước thể hiện mức độ trách nhiệm xã hội cao hơn đối với việc bảo đảm cho công dân được sống trong môi trường an toàn và phát triển lành mạnh.

2. Giai đoạn khởi tố VAHS là một giai đoạn tổ tụng quan trọng, với nhiều phức tạp trong việc xác định dấu hiệu tội phạm và phương hướng điều tra vụ án tại thời điểm đầu tiên của quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ. Giai đoạn này cũng tiềm ẩn những nguy cơ vi phạm pháp luật tổ tụng, bỏ lọt tội phạm và thậm chí vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân do vụ án chưa được khởi tố, các quan hệ chế ước, giám sát của các cơ quan khác đối với chủ thể khởi tố chưa thật sự rõ nét như trong các giai đoạn tổ tụng về sau. Chính vì vậy, chất lượng của giai đoạn khởi tố nói riêng và tính hiệu quả của hệ thống tư pháp hình sự nói chung trong cuộc đấu tranh chống tội phạm phụ thuộc rất nhiều vào ý thức trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố VAHS. Do đó, trách nhiệm chủ động thực hiện các hoạt động tiếp nhận, kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm, trách nhiệm khởi tố vụ án khi có dấu hiệu tội phạm cũng như không khởi tố vụ án khi có các căn cứ luật định có ý nghĩa rất quan trọng.

3. Việc ghi nhận nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong luật TTHS Việt Nam xuất phát từ những đặc điểm của mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm mà Việt Nam đang áp dụng, phù hợp với truyền thống lập pháp và văn hóa pháp luật của dân tộc cũng như tương đồng với các quy định tương tự trong luật TTHS của các nước có hệ thống pháp luật và điều kiện chính trị - xã hội gần với Việt Nam. Đặc biệt, việc quy định nguyên tắc này xuất phát từ chính các vấn đề khách quan của giai đoạn khởi tố VAHS.

4. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là những quy định pháp luật cơ bản, chung nhất, mang tư tưởng, định hướng chỉ đạo được ghi nhận trong BLTTHS về trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để khởi tố vụ án và thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội một cách chủ động và hiệu quả. Luận án cho rằng, việc đặt tên gọi nguyên tắc này tại Điều 13 BLTTHS hiện hành là chưa chính xác, dẫn tới những cách hiểu không thống nhất về bản chất và mối quan hệ của nguyên tắc này với các nguyên tắc khác của TTHS, về sự cần thiết quy định nguyên tắc này trong BLTTHS.

5. Ngay từ Bộ Quốc triều hình luật thời Lê, từ Bộ Hoàng Việt Luật lệ thời Nguyễn (Gia Long) cho tới Bộ hình sự - tố tụng và các văn bản pháp luật TTHS thời kỳ thực dân Pháp xâm lược và thời kỳ trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam, cho tới BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 đều có chung quan điểm về việc phải quy định trách nhiệm tiếp nhận các cáo trạng, tố giác, tin báo về tội phạm, trách nhiệm thụ lý vụ án với việc chủ động thực hiện các biện pháp xác định dấu hiệu của tội phạm, đồng thời thể hiện sự mềm dẻo, linh hoạt của chính sách hình sự về cách xử lý những sự việc phạm tội và truy cứu TNHS người phạm tội phù hợp với nguyên lý lấy lợi ích công làm nền tảng, phù hợp với các giá trị cộng đồng của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam.

6. Việc quy định cũng như sửa đổi, bổ sung của nguyên tắc này từ BLTTHS năm 1988 đến BLTTHS năm 2003 thể hiện rõ nét quan điểm của các nhà làm luật về nhiệm vụ của BLTTHS, đó là "nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội" cũng như thể hiện rất rõ nét các định hướng, yêu cầu của cải cách tư pháp ở Việt Nam trong những năm gần đây nhằm bảo đảm trách nhiệm và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, đáp ứng yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới, hạn chế tối đa hiện tượng bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội, bảo đảm cho mọi tội phạm đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời.

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là cơ sở để nghiên cứu các quy định của pháp luật TTHS trong việc thể hiện những nội dung của nguyên tắc và trong thực tiễn thực hiện, qua đó nhằm đưa ra các đề xuất nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc này trên phương diện pháp luật và phương diện thực tiễn xử lý VAHS, đấu tranh phòng chống tội phạm ở Việt Nam hiện nay.

Chương 2

SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

2.1. SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Sự thể hiện của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong pháp luật TTHS được luận án phân tích qua các quy định về thẩm quyền của các chủ thể thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS và đặc biệt là qua các quy định bảo đảm cho trách nhiệm này được thực hiện.

2.1.1. Các quy định về chủ thể trách nhiệm khởi tố và truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội

2.1.1.1. Cơ quan điều tra

Là cơ quan có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, theo quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, "Cơ quan điều tra tiến hành điều tra tất cả các loại tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và người phạm tội". Cụ thể:

Thứ nhất, Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân khởi tố, điều tra các VAHS về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XII đến chương XXII của BLHS, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền khởi tố của CQĐT VKSNDTC và cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân.

Thứ hai, Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân khởi tố, điều tra các VAHS về các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV

và các tội phạm quy định tại các điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và 275 của BLHS.

Thứ ba, CQĐT hình sự trong Quân đội nhân dân khởi tố, điều tra các VAHS về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XII đến Chương XXIII của BLHS khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền khởi tố của CQĐT VKS quân sự trung ương.

Thứ tư, Cơ quan An ninh điều tra trong Quân đội nhân dân khởi tố, điều tra các VAHS về các tội phạm quy định tại Chương XI và Chương XXIV của BLHS khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự. Thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án thuộc về thủ trưởng, phó thủ trưởng CQĐT các cấp trong Quân đội nhân dân.

Thứ năm, CQĐT VKSNDTC khởi tố, điều tra các vụ án về một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND. CQĐT VKS Quân sự trung ương khởi tố vụ án về một số loại tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự.

Trong số các CQĐT nêu trên, CQĐT trong Công an nhân dân là chủ thể chủ yếu thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chung là bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, các đơn vị, lực lượng trong Công an nhân dân phát hiện được và nhận được số lượng rất lớn thông tin các sự việc có dấu hiệu tội phạm và trực tiếp chuyển những thông tin này tới CQĐT có thẩm quyền. Bên cạnh đó, đối với CQĐT, khởi tố vụ án trong nhiều trường hợp là sự kế thừa và tiếp tục của quá trình tiến hành các hoạt động điều tra bí mật do chính CQĐT thực hiện (sau Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 sáp nhập lực lượng trinh sát vào điều tra), và ngay cả sau khi khởi tố vụ án, trong những trường hợp phức tạp, CQĐT còn có sự hỗ

trợ đắc lực của các hoạt động điều tra bí mật để chứng minh, làm rõ sự thật của vụ án, làm rõ người phạm tội, truy tìm vật chứng, tài sản bị chiếm đoạt, thu thập và chuyển hóa tài liệu trình sát thành chứng cứ, truy bắt đối tượng gây án rồi bỏ trốn... Ngoài các biện pháp tố tụng, biện pháp bí mật, CQĐT còn nhận được sự phối hợp của các biện pháp kỹ thuật, biện pháp sử dụng phương tiện thông tin đại chúng, những biện pháp hành chính, những biện pháp bảo vệ trật tự công cộng, nhất là trong quá trình điều tra các vụ án lớn đòi hỏi phải tổ chức điều tra dưới hình thức chuyên án điều tra hình sự. Việc bảo đảm tính liên thông, kế thừa, sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa điều tra tố tụng và điều tra bí mật cũng như bảo đảm tính chuyên sâu, bảo đảm công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của CQĐT cấp trên với CQĐT cấp dưới là đòi hỏi khách quan mà việc tổ chức bộ máy CQĐT cần phải xem xét đến, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 về cơ bản đã giải quyết những đòi hỏi này.

Tuy nhiên, trong quá trình khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội, CQĐT với quy định về thẩm quyền và mô hình tổ chức như hiện nay cũng rất dễ dẫn đến những tiêu cực như bỏ lọt tội phạm, lạm dụng các biện pháp điều tra trình sát và vi phạm các quyền tự do dân chủ của công dân. Do đó, có nhiều quan điểm cho rằng không nên quy định cho CQĐT có thẩm quyền khởi tố vụ án mà VKS phải là cơ quan trực tiếp ra quyết định khởi tố vụ án, VKS phải là đầu mối tiếp nhận và quyết định việc phân loại, xử lý tất cả các tố giác, tin báo về tội phạm do cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp [45]... Mặc dù vậy, đề xuất trên không phù hợp với khả năng hiện có của VKS ở nước ta hiện nay và không phù hợp với các đặc điểm văn hóa pháp lý của xã hội Việt Nam hiện tại khi mạng lưới các đơn vị của ngành Công an (không chỉ là CQĐT) mới là địa chỉ chủ yếu để cơ quan, tổ chức, nhất là công dân cung cấp các tố giác, tin báo về tội phạm. Đặc biệt, những quan điểm này không phù hợp với các đòi hỏi của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm luôn yêu cầu phải kịp thời ngăn chặn tội phạm và hậu quả của tội phạm, kịp thời áp dụng các biện pháp truy bắt, truy tìm, luôn yêu cầu ngành công an phải xây dựng một mạng lưới cơ sở, đặc

tình, cộng tác viên danh dự... để có thông tin kịp thời về tội phạm. Do đó, để hạn chế những tiêu cực có thể có từ mô hình tổ chức của CQĐT hiện tại, chúng tôi cho rằng cần gia tăng vai trò của VKS trong giai đoạn khởi tố, điều tra VAHS, tuy nhiên, không có nghĩa là chỉ VKS mới là chủ thể duy nhất tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, mới là chủ thể có thẩm quyền khởi tố vụ án để mở cuộc điều tra và chỉ đạo, chỉ huy các hoạt động điều tra.

2.1.1.2. Viện kiểm sát

Về thẩm quyền xử lý VAHS của VKS, trên cơ sở Điều 137 Hiến pháp năm 1992 quy định VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và BLTTHS quy định VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS. Về thẩm quyền khởi tố VAHS, theo Điều 104 BLTTHS, VKS khởi tố vụ án trong hai trường hợp: *thứ nhất*, khi Tòa án yêu cầu VKS khởi tố và *thứ hai*, khi VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố VAHS của CQĐT. Hình thức pháp lý thể hiện rõ nét nhất quyền lực của VKS trong giai đoạn khởi tố VAHS là ban hành các quyết định hủy Quyết định khởi tố VAHS và quyết định hủy Quyết định không khởi tố VAHS và trực tiếp ra quyết định khởi tố VAHS.

Hiện nay, một số ý kiến còn cho rằng ngoài hai trường hợp trên, VKS còn có quyền khởi tố vụ án trong quá trình điều tra. Những người đưa ra ý kiến này căn cứ vào cơ sở pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 112 BLTTHS: "Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn sau: khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can..." - như vậy, trong quá trình điều tra, nếu xác định bất kỳ sự việc nào có dấu hiệu tội phạm trong phạm vi thẩm quyền thì VKS có nhiệm vụ, quyền hạn khởi tố VAHS. Theo chúng tôi, cách hiểu này là sai tinh thần điều luật - khoản 2 Điều 112 BLTTHS là một quy định về thẩm quyền chung của VKS tại giai đoạn điều tra, trong đó có thẩm quyền khởi tố VAHS. Tuy nhiên, VKS có thẩm quyền khởi tố trong những trường hợp nào thì BLTTHS đã quy định cụ thể tại Điều 104 BLTTHS.

BLTTHS năm 2003 đã nhấn mạnh vai trò của VKS trong giai đoạn khởi tố VAHS với nhiệm vụ bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và hợp pháp. Điều này xuất phát từ chức năng của VKS trong giai đoạn này là thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố VAHS, VKS có trách nhiệm kiểm sát việc khởi tố. Khoản 3 Điều 104 BLTTHS quy định:

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự... quyết định khởi tố kèm theo tài liệu liên quan đến việc khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được gửi tới Viện kiểm sát để kiểm sát việc khởi tố; quyết định khởi tố của Hội đồng xét xử phải được gửi tới Viện kiểm sát để xem xét, quyết định việc điều tra; yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử được gửi cho VKS để xem xét, quyết định việc khởi tố [51].

Do thực tiễn tố tụng đòi hỏi mối quan hệ giữa hai cơ quan này phải thể hiện sinh động tính chất phối hợp, chế ước, vì thế nội dung trên của Điều 109 BLTTHS được Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 7/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003 quy định một cách mềm dẻo hơn, linh hoạt hơn. Việc gia tăng tính mềm dẻo, linh hoạt này là phù hợp vì cần tính đến những tình huống phát sinh trong thực tiễn như khi CQĐT khởi tố vụ án chưa đủ căn cứ mà không phải là không có căn cứ, cần bảo đảm sự phối hợp giữa VKS và CQĐT:

... Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định đó kèm theo các tài liệu có liên quan cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Trong thời hạn 3 ngày, kể từ khi nhận được quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự và các tài liệu có liên quan, nếu thấy đủ căn cứ thì Viện kiểm sát phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan điều tra biết; nếu chưa đủ căn cứ thì có văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ. Trường hợp đủ căn cứ chứng tỏ rằng quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự rõ ràng là không có căn cứ thì Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định hủy bỏ; nếu Cơ quan điều tra không nhất trí thì Viện kiểm sát căn cứ khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Tố tụng hình sự ra quyết định hủy bỏ [103].

Mặc dù BLTTHS năm 2003 không quy định VKS có quyền phê chuẩn quyết định khởi tố VAHS nhưng với việc cho phép VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định hủy bỏ hoặc tự ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố VAHS của CQĐT, VKS có quyền hạn và trách nhiệm rất lớn trong việc bảo đảm tính có căn cứ của quyết định khởi tố VAHS. Đặc biệt, với trường hợp CQĐT ra quyết định không khởi tố VAHS - một quyết định có thể ẩn chứa nguy cơ bỏ lọt tội phạm, pháp luật TTHS đã cho phép VKS hủy bỏ, nếu không thấy có căn cứ và sau đó, tự mình ra quyết định khởi tố vụ án và chuyển lại cho CQĐT để tiến hành điều tra. Ngoài ra, khi các tài liệu, chứng cứ đủ để khởi tố vụ án, nhưng không có căn cứ để khởi tố về tội phạm đã được CQĐT khởi tố mà là một tội phạm khác; hoặc cần bắt đi một tội phạm khác vì không đủ căn cứ để khởi tố đối với tội phạm đó; hoặc cần khởi tố bổ sung với một tội phạm khác thì VKS có văn bản yêu cầu CQĐT ra quyết định. Nếu đã yêu cầu mà CQĐT không nhất trí, thì VKS ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố VAHS.

Tuy nhiên, do không quy định trách nhiệm của VKS trong kiểm sát hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT, dẫn tới "việc Viện kiểm sát không nắm được đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm cũng như không có cơ chế tố tụng để Viện kiểm sát bảo đảm việc điều tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm khách quan, đúng pháp luật cũng là một trong những nguyên

nhân dẫn đến bỏ lọt tội phạm và làm oan người phạm tội hiện nay" [56], khi CQĐT không ban hành quyết định khởi tố VAHS, mà trực tiếp xử lý vụ việc bằng cách áp dụng biện pháp hành chính hoặc chuyển tới một cơ quan khác có hoặc không có thẩm quyền xử lý hoặc thậm chí không tiến hành một biện pháp xử lý nào, thì VKS rất khó có thể phát hiện, nhận biết, nhắc nhở hay yêu cầu khởi tố. Trước những sự việc có dấu hiệu tội phạm, nhiều khi CQĐT không ra quyết định không khởi tố vụ án để tránh sự kiểm sát của VKS, mà lựa chọn cách xử lý chuyển hướng như đã nêu, vì thế VKS không kiểm soát được tình trạng này, thể hiện ngay ở việc VKS không thống kê được số lượng vụ việc được CQĐT chuyển hướng xử lý hằng năm.

2.1.1.3. Tòa án

Trên cơ sở Điều 127 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi) quy định Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 và BLTTHS năm 2003 quy định Tòa án là chủ thể xét xử các VAHS. Trong việc khởi tố VAHS, Điều 13 BLTTHS năm 2003 quy định Tòa án là một trong số những chủ thể có thẩm quyền khởi tố VAHS nhưng thực tế, trong các quy định cụ thể của BLTTHS năm 2003, không phải Tòa án mà chính xác là Hội đồng xét xử mới là chủ thể có thẩm quyền khởi tố vụ án theo Điều 104 BLTTHS năm 2003: "Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra" [51]. Một vấn đề khác đặt ra là nếu xét thấy quyết định khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì chủ thể nào sẽ có thẩm quyền hủy quyết định này, có sự xung đột pháp luật không khi Điều 108 BLTTHS năm 2003 quy định: "Khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 của Bộ luật này, thì người có quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự; nếu đã khởi tố thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố" mà tới thời điểm phát hiện tính không có căn cứ và xét thấy cần phải hủy bỏ quyết định khởi tố thì chủ thể của quyết định này là Hội đồng xét xử đã không còn

tồn tại nữa để hủy bỏ. Vậy đây có phải là sự mâu thuẫn hay không, theo chúng tôi quy định của Điều 108 BLTTHS năm 2003 đã chỉ ra một nguyên tắc chung là chủ thể nào đã khởi tố mà sau đó khi phát hiện có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 của BTTHS năm 2003, thì chủ thể đó phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố của mình. Riêng đối với loại chủ thể khởi tố là Hội đồng xét xử thì pháp luật cũng đã tính tới đặc thù về thời gian tồn tại mang tính giai đoạn của chủ thể này. Bởi vì, tại một quy định khác, khoản 3 Điều 109 BLTTHS năm 2003 đã quy định cụ thể: "trong trường hợp quyết định khởi tố VAHS của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên Tòa án cấp trên" và xử lý quyết định khởi tố này theo thủ tục giải quyết quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị (Điều 253 BLTTHS).

Theo Điều 104 BLTTHS năm 2003, căn cứ để Hội đồng xét xử khởi tố là "qua việc xét xử tại phiên tòa phát hiện thấy tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra", nhưng như thế nào là tội phạm hoặc người phạm tội mới? Là hành vi phạm tội chưa được phát hiện trong quá trình truy cứu TNHS trước đó hay là tội phạm mà VKS đã truy tố phù hợp hơn với một tội danh khác hay cấu thành thêm một tội phạm khác không thể bị hút vào tội phạm đã truy tố? Người phạm tội mới là đồng phạm chưa bị phát hiện hay là người đã được xử lý bằng biện pháp khác (phi hình sự) hay một người hoàn toàn khác chưa xuất hiện trong vụ án? Theo quan điểm của chúng tôi, tội phạm mới cần được hiểu là những hành vi phạm tội chưa bị khởi tố điều tra khác với những hành vi phạm tội đã được đưa ra xét xử, mà không nên cho rằng tội phạm mới là một tội danh mới từ hành vi phạm tội đã được đưa ra xét xử, bởi nếu rơi vào trường hợp thứ hai này, Hội đồng xét xử có quyền và nghĩa vụ xét xử về một tội danh mới trong giới hạn xét xử quy định tại Điều 196 BLTTHS năm 2003 hoặc ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung theo quy định tại Điều 199 BLTTHS năm 2003. Người phạm tội mới, do vậy, cũng phải được hiểu là chủ thể của những hành vi phạm tội chưa bị khởi tố điều tra mà không phải là đồng phạm chưa bị phát hiện hay người đã được xử lý bằng biện pháp khác (phi hình sự). Bởi nếu

là người đồng phạm, Hội đồng xét xử có quyền và nghĩa vụ ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung theo quy định tại Điều 199 BLTTHS. Hơn nữa, việc ra quyết định khởi tố vụ án trong trường hợp người phạm tội mới là đồng phạm chưa bị phát hiện, xử lý hình sự là không phù hợp vì vụ án mà họ sẽ bị khởi tố cũng chính là vụ án đang được đưa ra để xét xử.

Pháp luật TTHS hiện nay cũng chưa có sự quy định cụ thể về Hội đồng xét xử cấp nào có thẩm quyền khởi tố: Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm hay cả Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, điều này dẫn đến có những cách hiểu khác nhau, trong đó có nhiều quan điểm cho rằng chỉ có Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm mới có thẩm quyền khởi tố. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy dù ở cấp xét xử nào thì "qua việc xét xử tại phiên tòa" đều có thể "phát hiện tội phạm mới hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra" nên cần hiểu là bất kỳ cấp nào cũng đều có quyền ra quyết định khởi tố hay yêu cầu VKS khởi tố.

Như đã phân tích trên phương diện lý luận, chúng tôi cho rằng, Tòa án là cơ quan có chức năng xét xử, để bảo đảm tính khách quan, vô tư của cơ quan xét xử, để Tòa án tập trung vào việc xét xử, không nên quy định Tòa án là một chủ thể có thẩm quyền ra quyết định khởi tố VAHS, cần loại bỏ quy định về thẩm quyền khởi tố VAHS của Hội đồng xét xử trong BLTTHS.

2.1.1.4. Các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

Ngoài các cơ quan tiến hành tố tụng, pháp luật TTHS hiện hành còn quy định một số cơ quan khác cũng có thẩm quyền thực hiện hoạt động khởi tố, tiến hành một số hoạt động điều tra VAHS, đó là Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân. Cụ thể, Bộ đội biên phòng khi thực hiện nhiệm vụ của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại Chương XI và các điều 119, 120, 153, 154, 172, 180, 181, 188, 192, 193, 194, 195, 196, 230, 232, 236, 263, 264, 273, 274 và 275 của BLHS xảy ra trong khu vực biên giới trên đất

liên, bờ biển, hải đảo và trên các vùng biển do Bộ đội biên phòng quản lý thì có quyền khởi tố VAHS và Cục trưởng cục trình sát biên phòng, chỉ huy trưởng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trưởng đồn biên phòng có trách nhiệm ra quyết định khởi tố vụ án.

Lực lượng hải quan khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại Điều 153 và Điều 154 của BLHS thì cục trưởng cục điều tra chống buôn lậu, cục trưởng cục kiểm tra sau thông quan, cục trưởng cục hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chỉ cục trưởng chi cục hải quan cửa khẩu có trách nhiệm ra quyết định khởi tố vụ án.

Qua việc thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện hành vi phạm tội quy định tại các điều 175, 189, 190, 191, 240 và 272 của BLHS thì cục trưởng cục kiểm lâm, chỉ cục trưởng chi cục kiểm lâm, hạt trưởng hạt kiểm lâm, hạt trưởng hạt phúc kiểm lâm sản có trách nhiệm ra quyết định khởi tố vụ án.

Lực lượng cảnh sát biển khởi tố vụ án khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại Chương XI và các điều 153, 154, 172, 183, 188, 194, 195, 196, 212, 213, 221, 223, 230, 231, 232, 236, 238, 273 và 274 của BLHS xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do lực lượng Cảnh sát biển quản lý thì cục trưởng, chỉ huy trưởng Vùng, hải đoàn trưởng, hải đội trưởng và đội trưởng cảnh sát biển có trách nhiệm ra quyết định khởi tố vụ án.

Các cơ quan khác của lực lượng cảnh sát trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra quy định tại Điều 11 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự thì có quyền khởi tố VAHS.

Các cơ quan khác của lực lượng an ninh trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án khi thực hiện

nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu của tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan an ninh điều tra trong Công an nhân dân. Thẩm quyền khởi tố thuộc về các cục trưởng cục an ninh, trưởng phòng các phòng an ninh ở công an cấp tỉnh.

Cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu của tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT hình sự đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì khởi tố VAHS. Thẩm quyền khởi tố vụ án thuộc về giám thị trại tạm giam, giám thị trại giam trong quân đội.

Các cơ quan nêu trên có trách nhiệm khởi tố VAHS, ngoài ra, còn có trách nhiệm tiến hành các hoạt động khác sau khi vụ án được khởi tố nhưng chủ yếu là các hoạt động điều tra ban đầu và việc tham gia sâu hơn vào tiến trình xử lý vụ án chỉ với khoảng thời gian rất ngắn, sau đó phải chuyển hồ sơ vụ án cho CQĐT có thẩm quyền chỉ từ 7 đến 20 ngày, kể từ ngay ra quyết định khởi tố vụ án.

Việc xác định phạm vi trách nhiệm xử lý VAHS của các cơ quan khác không phải là CQĐT được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nêu trên là phù hợp với tính chất "không phải là CQĐT" mà chỉ là các cơ quan quản lý nhà nước "được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra". Những quy định về thẩm quyền nêu trên cho thấy pháp luật TTHS đã xác định đúng đắn vai trò của các cơ quan này trong công tác phát hiện, đấu tranh và xử lý đối với một số loại tội phạm đặc thù xảy ra tại những lĩnh vực, những địa bàn đặc thù. Tuy nhiên, có một số vấn đề sau mà chúng tôi cho rằng chưa có sự phù hợp giữa các quy định của pháp luật về thẩm quyền với thực tiễn thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Cụ thể:

Thứ nhất, trên cơ sở khoản 4 Điều 111 BLTTHS cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến

hành một số hoạt động điều tra, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã thu hẹp phạm vi thẩm quyền khởi tố VAHS của các cơ quan này theo những tội danh nhất định (những tội danh gắn với lĩnh vực chuyên môn như đã nêu) mà chưa tính đến những tội danh khác tuy không liên quan đến lĩnh vực chuyên môn nhưng xảy ra phổ biến ở địa bàn hoạt động của các cơ quan này. Qua khảo sát thực tế và qua thống kê cơ cấu của tình hình tội phạm ở khu vực biên giới đất liền trước thời điểm sửa đổi Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, chúng tôi nhận thấy Bộ đội biên phòng còn phải xử lý rất nhiều vụ về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm (Chương XII BLHS) ở vùng biên mà không chỉ hai tội danh quy định tại Điều 119, 120 của Chương XII BLHS như Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã giới hạn. Ví dụ, theo thống kê tình hình tội phạm ở khu vực biên giới đất liền ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Long An và An Giang từ năm 1999 đến năm 2003 thì số vụ xâm phạm an ninh lãnh thổ, vi phạm quy chế về khu vực biên giới, tổ chức người khác trốn đi nước ngoài là 489 vụ trong khi số vụ Cố ý gây thương tích là 381, Cướp tài sản là 174 vụ và Trộm cắp tài sản là 357 vụ [65, tr. 246]. Trong khi đó, những vụ án này xảy ra tại những địa điểm rất đặc thù về điều kiện địa lý (địa hình tự nhiên, giao thông, khí hậu...) và điều kiện xã hội (phong tục, tập quán, trình độ pháp luật, các mối quan hệ xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số, yếu tố nước ngoài...) so với các vùng lãnh thổ khác mà các cơ quan nêu trên có nhiều điều kiện thuận lợi hơn CQĐT trong việc phát hiện, thụ lý điều tra (do thường là cơ quan phát hiện, tiếp nhận thông tin về tội phạm đầu tiên, do có mạng lưới cán bộ, đồn trạm, mạng lưới cơ sở... gắn với địa bàn, thuận lợi hơn trong việc phát hiện, can thiệp chấm dứt tội phạm, truy bắt người phạm tội...). Vì vậy, với các quy định của pháp luật TTHS hiện hành, chưa thực sự phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan khác ngoài cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ hai, chưa có được một hệ thống các quy định đồng bộ và phù hợp về mối quan hệ giữa các cơ quan này với CQĐT và VKS về các điều kiện bảo đảm cho trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS được thực hiện tốt. Ví

dụ, giữa các cơ quan Bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, cảnh sát biển có thể hoạt động trên cùng một địa bàn, có thẩm quyền khởi tố cùng một loại tội thì những trường hợp có sự chòng chéo, tranh chấp về thẩm quyền hoặc cần có sự hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhau, nhất là khi CQĐT và VKS ở quá xa chưa được pháp luật tính đến. Việc quy định về thời hạn chuyển hồ sơ vụ án cho CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày hoặc hai mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án chưa tính hết đến những khó khăn về địa lý, khí hậu, giao thông ở những địa bàn biên giới, hải đảo... Pháp luật cũng chưa quy định cụ thể mối quan hệ giữa các cơ quan này với VKS dẫn tới hoạt động kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm còn bất cập.

Những nguyên nhân trên dẫn tới việc pháp luật TTHS hiện hành chưa phát huy được tối đa vai trò, trách nhiệm của các cơ quan khác ngoài các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc khởi tố và xử lý VAHS nói riêng và trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, đồng thời, chưa kiểm sát được chặt chẽ việc tuân theo pháp luật TTHS của các cơ quan này trong quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu.

2.1.2. Các quy định bảo đảm thực hiện trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự và truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội

2.1.2.1 Các quy định bảo đảm thực hiện trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự

Các quy định về trách nhiệm tiếp nhận thông tin về tội phạm

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc nắm bắt kịp thời và đầy đủ các thông tin về tội phạm, trách nhiệm tiếp nhận thông tin về tội phạm đã được các văn bản pháp luật TTHS quy định trên cơ sở phù hợp với đặc thù của hai yếu tố: loại nguồn thông tin và loại chủ thể tiếp nhận thông tin.

Thứ nhất, về các loại nguồn thông tin, BLTTHS năm 2003 quy định về trách nhiệm tiếp nhận thông tin đối với từng loại nguồn tố giác, tin báo về

tội phạm (Điều 101) và trách nhiệm tiếp nhận thông tin đối với trường hợp người phạm tội tự thú (Điều 102). Điều 101 BLTTHS quy định:

Công dân có thể tố giác tội phạm với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hoặc với các cơ quan khác, tổ chức. Nếu tố giác bằng miệng thì cơ quan, tổ chức tiếp nhận phải lập biên bản và có chữ ký của người tố giác.

Cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố giác của công dân phải báo tin ngay về tội phạm cho Cơ quan điều tra bằng văn bản [51].

Điều 102 BLTTHS quy định:

Khi người phạm tội đến tự thú, cơ quan, tổ chức tiếp nhận phải lập biên bản ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở và những lời khai của người tự thú. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận người phạm tội tự thú có trách nhiệm báo ngay cho Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát [51].

Như vậy, nhằm bảo đảm tính khẩn trương, thuận tiện và phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, không thể quy định chỉ CQĐT, VKS, Tòa án mới là những cơ quan "độc quyền" tiếp nhận tin báo, tố giác hoặc tiếp nhận thông tin tự thú của người phạm tội mà phải mở rộng trách nhiệm này đối với các cơ quan tổ chức khác. Các cơ quan tổ chức này đóng vai trò trung gian trong việc chuyển thông tin tới cơ quan có thẩm quyền, do đó, để nhanh chóng, chính xác, việc tiếp nhận của các cơ quan tổ chức nói trên "phải lập biên bản và có chữ ký của người tố giác", phải "lập biên bản ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở và những lời khai của người tự thú" và "báo tin ngay" cho cơ quan có thẩm quyền.

Thứ hai, làm rõ trách nhiệm của từng loại chủ thể tiếp nhận thông tin, Thông tư liên ngành số 03-TTLN ngày 15-5-1992 của VKSNDTC, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Bộ Quốc phòng, Bộ Lâm nghiệp, Tổng cục Hải quan hướng

dẫn việc thi hành các quy định của luật TTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm (Thông tư liên ngành số 03-TTLN ngày 15-5-1992). Cụ thể, thông tư này quy định cụ thể về trách nhiệm của CQĐT, VKS, các cơ quan khác trong lực lượng Cảnh sát nhân dân, An ninh nhân dân, Quân đội nhân dân, đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm. Theo đó, các cơ quan nêu trên trước hết có nghĩa vụ tiếp nhận tất cả các loại tố giác và tin báo về tội phạm, dù có thuộc thẩm quyền điều tra hay không, sau đó, mới xác định thẩm quyền điều tra và nếu không thuộc thẩm quyền của mình sẽ thực hiện hoạt động chuyển thông tin đến cơ quan đúng thẩm quyền. Đối với việc tiếp nhận, giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm được đăng tải các phương tiện thông tin đại chúng "thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó giải quyết theo chức năng nhiệm vụ được giao" và "nếu chưa rõ thẩm quyền điều tra của cơ quan, đơn vị nào thì Viện kiểm sát ghi nhận, sau đó chuyển đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết".

Cũng giống như BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 không quy định VKS có trách nhiệm kiểm sát việc tiếp nhận tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố của CQĐT mà chỉ dừng lại ở "trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của Cơ quan điều tra đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố". Do không quy định trách nhiệm kiểm sát của VKS đối với hoạt động tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm nên các đạo luật này đã tạo ra một "lỗ hổng" rất lớn ngay ở ngay khâu "đầu vào" của TTHS. Điều này dẫn tới những khó khăn rất lớn đối với các VKS trong việc làm rõ CQĐT có thực hiện hoạt động kiểm tra xác minh nguồn tin không và trong quá trình thực hiện, có bảo đảm tính hợp pháp của các hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin không. Vì không kiểm sát được chính xác việc tiếp nhận tin báo, tố giác của CQĐT, nên bất cập trên đã làm cho VKS rất khó khăn trong việc xác định tố giác, tin báo về tội phạm có được tiếp nhận đầy đủ không, thời hạn kiểm tra, xác minh tin báo, tố giác có được tuân thủ không, khi tiếp nhận có ghi vào sổ tiếp nhận không, có ghi đúng ngày tiếp nhận không. Tại thời điểm năm 1992, Thông tư liên ngành

số 03-TTLN ngày 15-5-1992 đã quy định về trách nhiệm thông báo tình hình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm cho VKS hàng ngày đối với cấp huyện và hằng tháng đối với cấp tỉnh, hàng quý đối với cấp Trung ương qua các cuộc họp liên ngành. Hiện nay, thống kê kết quả tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác tội phạm là một trong những đối tượng thống kê được Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP ngày 01/7/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm trực tiếp điều chỉnh. Theo đó, cơ quan Công an được giao trách nhiệm chính trong việc thống kê kết quả tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm như sau: Cơ quan Công an phải thống kê kết quả tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm từ kết quả xử lý những vụ vi phạm pháp luật hình sự thuộc thẩm quyền của mình, sau đó chuyển kết quả tổng hợp thống kê sang VKS cùng cấp; Cơ quan Công an phải chủ động thu thập số liệu thống kê kết quả giải quyết các VAHS thuộc thẩm quyền của mình; phối hợp cùng VKS đối chiếu, thống nhất số liệu và cùng ký vào báo cáo thống kê kết quả giải quyết các VAHS và thi hành án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng do VKS cùng cấp lập. Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP ngày 01/07/2005 cũng yêu cầu cơ quan Công an các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc ghi chép, tổng hợp số liệu, lập Báo cáo thống kê kết quả tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và thông báo kết quả cho VKS cùng cấp. Đối với VKS, Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các VAHS ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 27/09/2007 của Viện trưởng VKSNDTC quy định trách nhiệm của Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS cử Kiểm sát viên hàng ngày kiểm sát việc tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm do cá nhân, cơ quan, tổ chức chuyển đến CQĐT, bảo đảm mọi tố giác, tin báo về tội phạm phải được tiếp nhận đầy đủ, xác minh và giải quyết theo đúng Điều 103 BLTTHS.

Các quy định nêu trên đã ràng buộc trách nhiệm của cả chủ thể kiểm sát - VKS và đối tượng bị kiểm sát - CQĐT trong việc báo cáo thông tin về tội

phạm. Tuy nhiên, nghiên cứu kỹ, sẽ thấy các quy định này mới chỉ thể hiện nhiệm vụ, công việc của mỗi bên, nhưng lại chưa có văn bản pháp lý nào cho phép VKS tiếp cận sổ "tiếp nhận tố giác và tin báo và tố giác tin báo về tội phạm", sổ thụ lý của CQĐT. Nói cách khác, VKS chỉ biết được kết quả mà CQĐT thông báo, nhưng không biết được thực tế CQĐT đã tiếp nhận tin báo như thế nào, điều này có thể dẫn tới hiện tượng có tình không xử lý về hình sự các trường hợp cần phải khởi tố, để hợp thức hóa, không phải ra Quyết định không khởi tố vụ án sau này, CQĐT sẽ không đưa các tin báo, tố giác đó vào trong sổ tiếp nhận. Mặt khác, nếu CQĐT không khởi tố vụ án - không ra Quyết định không khởi tố vụ án, thì VKS không có thông tin để yêu cầu khởi tố và không sử dụng được quyền hủy bỏ Quyết định không khởi tố vụ án để tự ra Quyết định khởi tố vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS năm 2003. Những tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố mà cá nhân, cơ quan, tổ chức trực tiếp chuyển đến CQĐT, nếu CQĐT không báo cáo lại thì VKS rất khó nắm bắt cũng như rất khó kiểm sát việc giải quyết các thông tin đó. Các quy định về phương thức kiểm sát, quyền năng kiểm sát của VKS đối với hoạt động tố tụng quan trọng này của CQĐT vẫn còn đang bị bỏ ngỏ, dẫn tới những khó khăn nhất định cho việc tạo ra một sức mạnh chế ước, bảo đảm cho hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác của CQĐT được thực thi đúng pháp luật.

Các quy định về trách nhiệm tiến hành những hoạt động xác định dấu hiệu của tội phạm

Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 tiếp tục khẳng định: "Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Cơ quan điều tra phải xem xét, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố". Điều 103 BLTTHS năm 2003 quy định về trách nhiệm của CQĐT phải kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm. Đây là một quy định mới của BLTTHS năm 2003 so với quy định tại Điều 86 BLTTHS năm 1988 theo hướng tập trung về một đầu mối là CQĐT giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, khắc phục

tình trạng trùng lặp về nhiệm vụ này với VKS trong BLTTHS năm 1988. Theo Điều 103, thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, trong trường hợp thông thường "Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự". Thời hạn này có thể dài hơn nhưng không quá hai tháng với "trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng". Đây là những trường hợp mà nội dung kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo hoặc kiến nghị khởi tố đòi hỏi phải trưng cầu những kiến thức chuyên môn nhất định thì mới có thể đưa ra kết luận chính xác, hoặc do việc kiểm tra, xác minh nguồn tin liên quan đến nhiều cơ quan, ở nhiều địa điểm cách xa nhau hoặc cần trưng cầu những ý kiến chỉ đạo nhất định về sự cần thiết của việc khởi tố hay không khởi tố do liên quan đến các yếu tố chính trị, ngoại giao hoặc những lý do nghiệp vụ nhất định.

Việc quy định thời hạn kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm nhằm ràng buộc trách nhiệm của CQĐT, VKS do đặc thù tính chất của hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm, phải chủ động trong ý thức và sẵn sàng trong tổ chức lực lượng, phương tiện để áp dụng các biện pháp do luật định để làm rõ dấu hiệu của tội phạm, bảo đảm tính chất khẩn trương, nhanh gọn của giai đoạn khởi tố (để sau khi xác định có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố vụ án và chuyển ngay sang giai đoạn điều tra để áp dụng các biện pháp điều tra cần thiết).

Hiện nay, BLTTHS chưa quy định cụ thể các biện pháp TTHS để xác định dấu hiệu tội phạm. Tuy nhiên, trên thực tế, các hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS được áp dụng trong giai đoạn khởi tố để xác định dấu hiệu tội phạm chủ yếu là các hoạt động điều tra ban đầu bao gồm: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi (khám nghiệm tử thi có thể coi là một trong những hoạt động khám nghiệm hiện trường đối với loại hiện trường

đặc biệt: hiện trường có tử thi), khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, thậm chí trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản (nếu kết quả các hoạt động này liên quan đến việc xác định dấu hiệu của tội phạm).

Trong quá trình tiến hành các hoạt động kiểm tra xác minh, dấu hiệu tội phạm có thể được làm rõ qua các hoạt động không do Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện như các hoạt động lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật, lấy lời khai người bị hại hoặc người chứng kiến... do cán bộ công an xã, phường, cán bộ trực ban công an quận, huyện lập... nhưng không vì thế mà những thông tin là kết quả của các hoạt động này không có giá trị chứng minh làm rõ dấu hiệu của tội phạm để quyết định khởi tố VAHS. Theo quy định tại Điều 78 BLTTHS năm 2003 thì "những tình tiết có liên quan đến vụ án được ghi trong các tài liệu do cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp có thể được coi là chứng cứ". Trong giai đoạn điều tra sau đó, CQĐT bằng các biện pháp điều tra tố tụng sẽ thực hiện việc "củng cố chứng cứ". Ngoài ra, việc xác định dấu hiệu của tội phạm còn có thể được thực hiện bằng các hoạt động nghiệp vụ bí mật của CQĐT, tuy nhiên, các hoạt động này phải được chuyển hóa thành các hoạt động điều tra do BLTTHS quy định hoặc qua các hoạt động kiểm tra hành chính, nói cách khác, đây là quá trình chuyển hóa tài liệu trình sát thành chứng cứ chứng minh có hay không có dấu hiệu của tội phạm.

Để xác định dấu hiệu tội phạm, trong giai đoạn khởi tố, các cơ quan có thẩm quyền còn được áp dụng một số biện pháp ngăn chặn, đó là các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa bị khởi tố bị can, cụ thể bao gồm: bắt (bắt người phạm tội quả tang, bắt người trong trường hợp khẩn cấp, người phạm tội tự thú, đầu thú (nếu chưa bị khởi tố), tạm giữ. Các biện pháp ngăn chặn này vừa có ý nghĩa ngăn chặn tội phạm, vừa là biện pháp tố tụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định dấu hiệu của tội phạm.

Đối với các kiến nghị khởi tố - dạng "tin báo, tố giác" đặc biệt, phổ biến nhất là các kiến nghị khởi tố của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước,

khi vụ việc vi phạm pháp luật có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nếu thấy cần thiết thì cách làm thường thấy tại các cơ quan Thanh tra hiện nay là tổ chức họp lãnh đạo liên ngành gồm cơ quan Thanh tra, CQĐT, VKS cùng cấp để phân tích, đánh giá tài liệu đã thu thập được, xác định đã rõ dấu hiệu tội phạm thì cơ quan Thanh tra lập hồ sơ và văn bản kiến nghị CQĐT có thẩm quyền khởi tố VAHS.

Trách nhiệm giải quyết kiến nghị khởi tố với các hồ sơ vụ việc chuyển sang để chứng minh sự việc có dấu hiệu được làm rõ thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm toán được Điều 81 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2006 quy định như sau: "1. Trong trường hợp cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho Cơ quan điều tra thì Cơ quan điều tra phải tiếp nhận và giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự" [54].

Điều 57 Luật Thanh tra năm 2004 quy định về trách nhiệm của CQĐT, trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ do cơ quan Thanh tra chuyển sang:

Cơ quan điều tra có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật quy định tại điểm m khoản 1 Điều 42 của Luật này và xử lý theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan điều tra phải thông báo bằng văn bản về việc xử lý cho cơ quan Thanh tra; trường hợp vụ việc có nội dung, tình tiết phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài, nhưng không quá sáu mươi ngày; quá thời hạn này mà cơ quan Thanh tra không nhận được thông báo bằng văn bản về việc xử lý của Cơ quan điều tra thì có quyền kiến nghị Cơ quan điều tra cấp trên và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên [53].

Như vậy, thời gian kiểm tra xác minh nội dung của kiến nghị khởi tố tương tự như thời hạn được quy định đối với hoạt động kiểm tra xác minh tố giác, tin báo về tội phạm. Hết thời hạn này, CQĐT phải ra một trong các quyết định khởi tố hoặc không khởi tố VAHS, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật cho CQĐT có thẩm quyền khởi tố VAHS.

Để bảo đảm CQĐT thực hiện đúng nghĩa vụ tiếp nhận, xử lý hồ sơ do cơ quan thanh tra chuyển sang và bảo đảm thông tin, phối hợp giữa CQĐT và cơ quan thanh tra được chặt chẽ, Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-VKSNDTC-TTCP-BCA-BQP ngày 23/5/2006 về quan hệ phối hợp trong việc phát hiện điều tra, xử lý các vụ có dấu hiệu tội phạm do cơ quan Thanh tra kiến nghị khởi tố (Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-VKSNDTC-TTCP-BCA-BQP ngày 23/5/2006) yêu cầu CQĐT phải thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý của mình cho cơ quan Thanh tra. Nếu trong thời hạn quy định, cơ quan Thanh tra không nhận được thông báo bằng văn bản của CQĐT thì có quyền kiến nghị với VKS cùng cấp để xem xét, giải quyết. Trong trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết của VKS có thẩm quyền, thì cơ quan Thanh tra kiến nghị với VKS cấp trên trực tiếp để chỉ đạo, giải quyết, VKS cấp dưới phải chấp hành ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của VKS cấp trên trực tiếp. Như vậy, sự tham gia của hai cấp VKS vào quá trình xem xét kiến nghị khởi tố trong trường hợp này như một biện pháp bảo đảm cho kiến nghị khởi tố - sản phẩm của quá trình thanh tra phải được xem xét giải quyết chu đáo, toàn diện, dự phòng khả năng vì những lý do tiêu cực từ phía cơ quan CQĐT, dẫn tới cố ý không xử lý hoặc xử lý thiếu triệt để nhằm áp dụng khoản 4 Điều 8 BLHS, bỏ lọt tội phạm, không ngăn chặn, không thu hồi được tài sản của Nhà nước bị tham ô, thất thoát, khắc phục tình trạng phối hợp lỏng lẻo thậm chí phủ nhận lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước hiện nay.

Qua phân tích các quy định của pháp luật TTHS về tiếp nhận, xem xét giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, áp dụng các biện pháp kiểm tra xác minh và các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn khởi tố, có thể thấy nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đã được cụ thể hóa trong các quy định nêu trên. Những quy định về các hoạt động xác định dấu hiệu của tội phạm trong giai đoạn này đã được thể hiện sinh động và tương đối phù hợp với nội dung nguyên tắc, thể hiện yêu cầu chủ động áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh dấu hiệu của tội phạm, góp phần đáp ứng các

đòi hỏi của thực tiễn. Tuy nhiên, cũng vẫn còn nhiều quy định chưa phù hợp, thậm chí bất cập cần phải khắc phục. Chúng tôi sẽ đề xuất những giải pháp khắc phục, hoàn thiện các quy định về khởi tố vụ án của BLTTHS năm 2003 trong Chương 3 của luận án.

Các quy định về trách nhiệm ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án

Điều 100 BLTTHS năm 2003 có tên gọi "Căn cứ khởi tố vụ án hình sự" và tuy không trực tiếp giải thích như thế nào là căn cứ khởi tố VAHS nhưng quy định "chỉ được khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm". Do đó, có thể hiểu dấu hiệu tội phạm (khi đã được xác định) là căn cứ khởi tố VAHS. Điều 104 BLTTHS một lần nữa khẳng định trách nhiệm ra quyết định khởi tố: "Khi xác định có dấu hiệu của tội phạm thì Cơ quan điều tra phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự".

Như đã đề cập trong chương 1, chúng tôi cho rằng, dấu hiệu tội phạm phải rõ tới mức xác định được tội danh và loại tội phạm thì mới đủ để khởi tố VAHS. Mặt khác, cũng không thể sử dụng một đại lượng vật lý để đo lường mức độ rõ nét của dấu hiệu tội phạm đến ngưỡng nào thì khởi tố, đến ngưỡng nào thì chưa thể khởi tố. Đây là một bài toán không đơn giản đối với các nhà làm luật và cả với các nhà áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, BLTTHS đã thành công trong việc giải quyết bài toán này, qua đó góp phần ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố. Khoản 2 Điều 104 BLTTHS quy định: "Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ thời gian, căn cứ khởi tố, điều khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng và họ tên, chức vụ người ra quyết định". Với việc yêu cầu quyết định khởi tố VAHS phải ghi rõ điều khoản của BLHS, quy định này đã làm rõ trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố: không những phải xác định tội danh (quy định tại điều nào của BLHS) - dấu hiệu của tội phạm tương ứng với tội danh gì mà còn phải xác định loại tội phạm (các loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng... khoản của điều luật BLHS).

Điều 107 BLTTHS quy định những căn cứ không được khởi tố VAHS mà khi có một trong những căn cứ này thì cơ quan có thẩm quyền khởi tố có trách nhiệm ra quyết định không khởi tố VAHS, nếu đã khởi tố thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm biết rõ lý do. Những căn cứ không khởi tố VAHS bao gồm: không có sự việc phạm tội; hành vi không cấu thành tội phạm; người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đã hết thời hiệu truy cứu TNHS; tội phạm đã được đại xá; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Như vậy, ngoại trừ trường hợp không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm thì những trường hợp còn lại đều có dấu hiệu của tội phạm.

Ngoài ra, còn phải kể tới một căn cứ không khởi tố VAHS không được quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2003, đó là vụ án thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, khi người bị hại không yêu cầu thì vụ án không được khởi tố. Trường hợp *vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*, Điều 105 BLTTHS năm 2003 quy định: những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của BLHS chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

Quyền yêu cầu khởi tố vụ án ở đây là quyền của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Khoản 1 Điều 105 BLTTHS năm 2003 quy định "*... chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất*". Trong khi đó, Điều 104 xác định thời hạn kiểm tra xác minh để ra một trong hai quyết định khởi tố VAHS hoặc quyết định không khởi tố VAHS là 20 ngày hoặc kéo dài đến 2 tháng, nếu vượt quá 20 ngày hoặc 2 tháng, mà người bị hại không thể hiện ý chí của họ là yêu cầu

khởi tố vụ án hay không yêu cầu khởi tố vụ án, thì sẽ giải quyết như thế nào. Nếu khởi tố vụ án thì vì phạm Điều 105 BLTTHS năm 2003, nếu không khởi tố vụ án thì không có căn cứ quy định tại Điều 107 BLTTHS năm 2003, nếu không ra một trong hai quyết định trên thì lại vi phạm Điều 103 BLTTHS năm 2003, không hoàn thành trách nhiệm khởi tố vụ án. Vương mắc này chưa được các quy định của pháp luật TTHS giải quyết một cách triệt để.

Ngoài ra, thực tế cho thấy do nhận định vụ án thuộc các khung tăng nặng của điều luật mà cơ quan có thẩm quyền vẫn ra quyết định khởi tố VAHS và vụ án được khởi tố khi không cần yêu cầu khởi tố của người bị hại. Sau đó, xác định vụ án chỉ thuộc khung cơ bản, người bị hại không yêu cầu khởi tố thì giải quyết thế nào? Căn cứ để đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án (Điều 164 về đình chỉ điều tra của CQĐT, Điều 169 về đình chỉ vụ án của VKS) chỉ là khi người bị hại rút yêu cầu khởi tố (khoản 2 Điều 105 BLTTHS năm 2003). Thông tư liên tịch số 05/2005 mới chỉ làm rõ trường hợp ngay sau khi khởi tố VAHS, người bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố (thì CQĐT ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án và thông báo bằng văn bản cho VKS cùng cấp); trường hợp đang điều tra hoặc đã kết thúc điều tra (thì CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra; nếu đã chuyển hồ sơ cho VKS thì VKS ra quyết định đình chỉ vụ án).

Như vậy, pháp luật TTHS còn thiếu quy định về thời hạn yêu cầu khởi tố của người bị hại cũng như thiếu quy định về căn cứ đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án nếu vụ án sau khi được khởi tố rơi vào những trường hợp nêu trên.

2.1.2.2 Các quy định bảo đảm thực hiện trách nhiệm truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội

Qua nghiên cứu các quy định về khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong luật TTHS Việt Nam, chúng tôi nhận thấy những biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội đã bảo đảm tính chủ động, hiệu quả của quá trình truy cứu TNHS người phạm tội theo các nhóm và các phương thức như sau:

Các biện pháp điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án, các biện pháp này chủ yếu do CQĐT thực hiện: thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định, khám xét, hỏi cung, lấy lời khai, đối chất, nhận dạng... (VKS chỉ thực hiện một số biện pháp điều tra đơn giản mang tính chất củng cố chứng cứ). Tùy theo tính chất của các biện pháp này, BLTTHS đã quy định căn cứ áp dụng, thời điểm áp dụng và trình tự áp dụng, một trong những mục đích của việc quy định này là để CQĐT có thể chủ động áp dụng. Ví dụ: với biện pháp khám nghiệm hiện trường, Điều 150 BLTTHS đã cho phép khám nghiệm hiện trường có thể được tiến hành trước khi khởi tố VAHS; với biện pháp khám xét, Điều 140, 141 cho phép việc khám xét được thực hiện khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc... của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có... và trong trường hợp không thể trì hoãn những người theo quy định tại khoản 2 Điều 81 BLTTHS có thể ra lệnh khám xét mà chưa cần sự phê chuẩn của VKS.

Các biện pháp mang tính chất rà soát, thẩm định tính có căn cứ của các quyết định truy cứu TNHS người phạm tội, biện pháp trả hồ sơ từ giai đoạn tố tụng sau về giai đoạn tố tụng trước: những quy định về trách nhiệm phê chuẩn của VKS trong giai đoạn điều tra, đặc biệt là phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của VKS, những quy định về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của VKS đối với CQĐT, của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đối với VKS, yêu cầu điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử đối với VKS, các trường hợp rút quyết định truy tố của VKS... Qua việc bảo đảm tính có căn cứ của các quyết định truy cứu TNHS người phạm tội, nhóm biện pháp này bảo đảm sự "an toàn" rất lớn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, bảo đảm sự chính xác, thận trọng và "chắc thắng" của quá trình truy cứu TNHS người phạm tội.

Các biện pháp mang tính chất thẩm tra, đánh giá chứng cứ công khai tại phiên tòa. Đó là các quy định về trình tự xét hỏi, công bố lời khai, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ, trình bày, công bố các tài liệu của vụ án và nhận xét, báo cáo của cơ quan, tổ chức... những biện pháp này bảo đảm cho việc

đánh giá chứng cứ được toàn diện hơn, khách quan hơn, bảo đảm hoạt động luận tội và kết tội được chính xác, công khai, minh bạch...

Các biện pháp ngăn chặn: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Các biện pháp này đều được quy định tương đối rõ về căn cứ áp dụng, thẩm quyền áp dụng, trình tự áp dụng và thời hạn áp dụng nhằm bảo đảm sự hạn chế tối đa việc hạn chế các quyền tự do dân chủ của công dân là người bị tình nghi một cách tùy tiện và không cần thiết. Tuy nhiên, các biện pháp ngăn chặn trong BLTTHS hiện hành thực tế lại tạo ra sự chủ động rất lớn cho các cơ quan tiến hành tố tụng bằng những quy định mà việc áp dụng đôi khi phụ thuộc nhiều vào nhận định chủ quan của cơ quan tiến hành tố tụng. Ví dụ: Điều 88 quy định căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam khi "có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội"... Điều 228 cho phép "ra quyết định bắt tạm giam ngay bị cáo nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội". Vì vậy, để tiến trình truy cứu TNHS người phạm tội được đẩy nhanh, được thuận lợi, sự lạm dụng các biện pháp ngăn chặn là khó tránh khỏi.

Các biện pháp trên được thực hiện trong khuôn khổ các quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn điều tra, truy tố, xét xử. Sau khi khởi tố VAHS, vụ án chuyển sang giai đoạn điều tra. CQĐT tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội. Sau thời hạn điều tra 2 tháng đến 4 tháng (tùy theo tính chất của vụ án được xác định trên cơ sở phân loại tội phạm, ngoài ra thời hạn này có thể được gia hạn), CQĐT hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị VKS truy tố. Sau khi CQĐT hoàn tất việc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố sang VKS, Viện kiểm sát sẽ có thời hạn từ 20 ngày đến 30 ngày nghiên cứu hồ sơ để ra một trong các quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng; trả hồ sơ để điều tra bổ sung; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Nếu thấy đã có đủ chứng cứ chứng minh hành vi

phạm tội của bị can, bị can đủ các điều kiện về chủ thể của tội phạm và không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, VKS sẽ truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cáo trạng truy tố của VKS, theo Điều 178, 179, 180 BLTTHS, trong thời hạn 30 ngày đến 3 tháng, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa sẽ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc xử lý vụ án với các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án hoặc trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung. Trong tiến trình truy cứu TNHS, quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án đẩy tiến trình này đến một bước mới, đồng thời, cũng tạo ra một tư cách pháp lý mới cho người bị tình nghi: chuyển từ bị can thành bị cáo. Về nguyên tắc, việc xử lý vụ án của Tòa án được thực hiện qua chế độ hai cấp xét xử: cấp sơ thẩm và nếu có kháng cáo, kháng nghị, việc xử lý vụ án tiếp tục được thực hiện ở cấp phúc thẩm. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án giải quyết mọi vấn đề thuộc nội dung vụ án bằng việc ra bản án, quyết định, bản án. Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án đã được xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng. Khi xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết vụ án theo nội dung kháng cáo, kháng nghị, bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ra quyết định.

BLTTHS đã tạo cho các cơ quan tiến hành tố tụng sự chủ động rất lớn về mặt thời gian khi quy định hầu hết các dạng thời hạn ở dạng thời hạn tối đa, với việc quy định thời hạn tối đa để hoàn thành một công việc, các cơ quan tiến hành tố tụng được chủ động triển khai công việc để hoàn thành đúng thời hạn. Ngoài ra, hầu hết các giai đoạn tố tụng, hầu hết các thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn đều được gia hạn. Tinh thần chung, việc gia hạn thời hạn là hợp lý do tính phức tạp của hoạt động chứng minh trong TTHS và được BLTTHS cho phép (nhưng cho phép một cách hạn chế và về trình tự, phải được sự đồng ý của VKS (đối với CQĐT) và người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng (Viện trưởng VKS, Chánh án Tòa án). Tuy nhiên, chính các

quy định về việc gia hạn thời hạn trên vừa có mặt tích cực là tạo điều kiện cho việc truy cứu TNHS được có đủ điều kiện thời gian để tiến hành thận trọng, thu thập, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ nhưng cũng có mặt hạn chế nếu việc gia hạn bị lạm dụng, tạo ra sự thụ động, dựa dẫm, ỷ lại của chính các cơ quan tiến hành tố tụng, gia tăng những thiệt hại, bất lợi cho người bị tình nghi và sự lãng phí về nguồn lực con người, thời gian, kinh tế của Nhà nước khi thời gian xử lý vụ án bị kéo dài.

Về tổng thể, BLTTHS đã tạo cho các cơ quan tiến hành tố tụng một hành lang pháp lý tương đối thông suốt, thuận tiện để bảo đảm cho việc truy cứu TNHS người phạm tội đạt tỷ lệ thành công cao, xử lý được nhiều vụ án, truy cứu TNHS được nhiều người, thời hạn tố tụng ít khi bị vi phạm. Đây chính là sự thể hiện rõ ràng nhất những yêu cầu của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Pháp luật đã bảo đảm cho trách nhiệm truy cứu TNHS người phạm tội được thực hiện chủ động và hiệu quả, nhất là khi xu thế tranh tụng ngày càng được mở rộng với đòi hỏi phải bảo đảm công bằng hơn cho bên bị buộc tội. Như vậy, thực tế các cơ quan tiến hành tố tụng có truy cứu TNHS người phạm tội một cách chủ động và hiệu quả hay không về cơ bản không phải do yếu tố pháp luật mà cần phải xem xét đến các yếu tố khác như yếu tố trình độ, đạo đức nghề nghiệp, quản lý nhân sự, cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc...

2.2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ

2.2.1. Thực tiễn thực hiện trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự và truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội

2.2.1.1 Thực tiễn thực hiện trách nhiệm khởi vụ án hình sự

Qua các số liệu thống kê của VKSNDTC, Bộ Công an, TANDTC và qua các số liệu khảo sát, điều tra xã hội học, chúng tôi rút ra những nhận xét

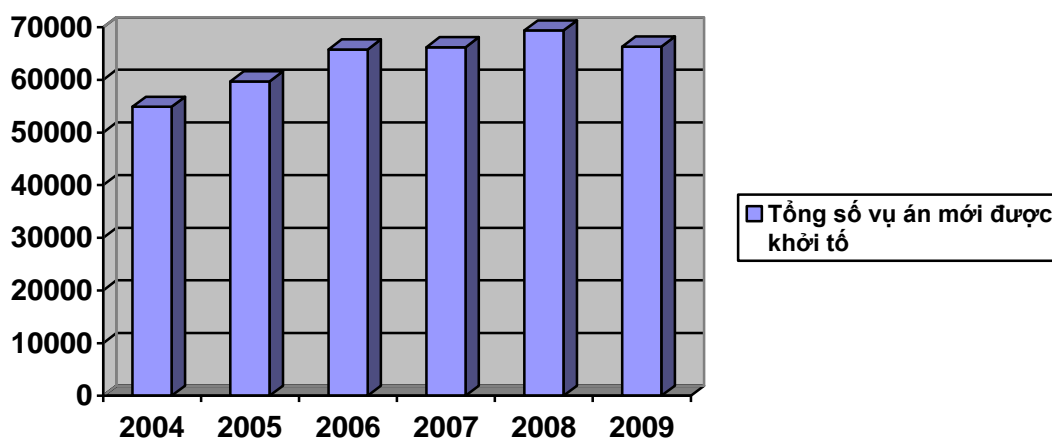
sau đây về thực trạng thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS của CQĐT, VKS, Tòa án, cụ thể:

Thứ nhất, về số lượng các vụ án được khởi tố, cơ bản số lượng vụ án được khởi tố có xu hướng tăng theo thời gian.

Bảng 2.1: Số lượng vụ án được khởi tố theo từng năm

Năm	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số án mới được khởi tố	54.872	59.720	65.773	66.196	69.370	66.31

(Nguồn: Cục Thống kê hình sự, VKSNDTC)



Biểu đồ 2.1: Biểu đồ so sánh số vụ án được khởi tố trên toàn quốc theo từng năm

Hàng năm, tổng số vụ án được khởi tố trên toàn quốc dao động từ 55.000 đến 70.000 vụ. Qua bảng thống kê và đồ thị biểu thị tổng số các vụ án được khởi tố hằng năm, ngoại trừ năm 2009 số án được khởi tố giảm 4,41%, còn lại các năm từ 2004 đến 2008 tỷ lệ số các vụ án được khởi tố đều tăng so với năm trước. Cụ thể, năm 2005 tăng hơn so với năm 2004 là 9,27%, năm 2006 tăng hơn so với năm 2005 là 10,13%, năm 2007 tăng hơn so với năm 2006 là 10,06%, năm 2008 tăng hơn so với năm 2007 là 7,20%.

Tuy phải tính tới sự tồn tại khách quan của tình trạng tội phạm ẩn (bao gồm tội phạm ẩn khách quan, tội phạm ẩn chủ quan và tội phạm ẩn thống kê), các số liệu trên phản ánh hai vấn đề cơ bản về tội phạm học và TTHS: đó là số lượng tội phạm có xu hướng tăng theo từng năm và số lượng tội phạm được phát hiện và khởi tố cũng tăng theo từng năm với tỷ lệ tăng trung bình 9 đến 10%. Tỷ lệ này cũng phản ánh kết quả hoạt động điều tra khám phá tội phạm và trách nhiệm khởi tố VAHS trong những năm vừa qua được duy trì và bảo đảm ở mức độ tương đối theo chiều hướng tích cực.

Trong số các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án, CQĐT là chủ thể cơ bản thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS, các phân tích dưới đây cũng cho thấy kết luận: "Cơ quan điều tra khởi tố khoảng 95 đến 97% tổng số các vụ án đã được khởi tố, Viện kiểm sát và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chỉ khởi tố khoảng 5 đến 3% còn lại" [115, tr. 41] là tương đối xác đáng. Cả trên phương diện lý luận và thực tiễn đều cho thấy CQĐT là chủ thể có vai trò chính trong việc thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS.

VKS, Tòa án (Hội đồng xét xử) và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố số lượng án không đáng kể. Năm 2008 là năm VKS khởi tố nhiều nhất cũng chỉ là 129 vụ trong khi đó, theo cập nhật của chúng tôi, các Tòa án (Hội đồng xét xử) không khởi tố. Theo ông Nguyễn Quang Lộc, Chánh văn phòng TANDTC - đơn vị có nhiệm vụ quản lý, thống kê, lưu trữ các số liệu của ngành Tòa án, thực tế ngành Tòa án không có số liệu về việc Hội đồng xét xử khởi tố VAHS, mà nếu xét thấy có căn cứ để khởi tố thì chủ yếu là yêu cầu VKS khởi tố. Vì vậy, TANDTC không đặt ra tiêu chí thống kê về số vụ án được Hội đồng xét xử khởi tố hay yêu cầu VKS khởi tố trong các biểu mẫu thống kê hằng năm. Thực tiễn trong những năm vừa qua cho thấy, Hội đồng xét xử chỉ yêu cầu VKS khởi tố và sau đó, xét thấy có căn cứ, VKS sẽ ra quyết định khởi tố vụ án.

Bảng 2.2: Số vụ án do Viện kiểm sát và Tòa án (Hội đồng xét xử) thực hiện việc khởi tố

Số lượng	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Vụ án VKS trực tiếp quyết định khởi tố theo yêu cầu của Hội đồng xét xử	Không có số liệu	Không có số liệu	31	21	23	28
Vụ án VKS hủy quyết định không khởi tố của CQĐT sau đó ra quyết định khởi tố	Không có số liệu	Không có số liệu	55	37	96	42
Tổng số vụ án VKS ra quyết định khởi tố	Không có số liệu	Không có số liệu	86	58	129	70
Vụ án do Hội đồng xét xử khởi tố	- Từ các cơ quan tiến hành tố tụng: không có số liệu - Kết quả điều tra xã hội học: không	- Từ các cơ quan tiến hành tố tụng: không có số liệu - Kết quả điều tra xã hội học: không	- Từ các cơ quan tiến hành tố tụng: không có số liệu - Kết quả điều tra xã hội học: không	- Từ các cơ quan tiến hành tố tụng: không có số liệu - Kết quả điều tra xã hội học: không	- Từ các cơ quan tiến hành tố tụng: không có số liệu - Kết quả điều tra xã hội học: không	- Từ các cơ quan tiến hành tố tụng: không có số liệu - Kết quả điều tra xã hội học: không

(Nguồn: Cục Thống kê hình sự, VKSNDTC; Văn phòng, TANDTC)

Các CQĐT trong Quân đội nhân dân và ở VKSNDTC, VKS Quân sự trung ương khởi tố với số lượng không đáng kể so với tổng số vụ án được khởi tố mỗi năm. Cụ thể, CQĐT của VKSNDTC chỉ khởi tố từ 10 đến 15 vụ mỗi năm, năm khởi tố nhiều nhất là năm 2007 với 16 vụ [104], [105], [106], [107], [108], [109], [110].

Bảng 2.3: Số vụ án do Cơ quan điều tra trong Quân đội thực hiện việc khởi tố

Cơ quan khởi tố	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
CQĐT trong Quân đội khởi tố	457	363	494	460	395	321

(Nguồn: Tòa án Quân sự Trung ương)

Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hằng năm khởi tố một số lượng không nhiều các VAHS. Ví dụ, lực lượng Hải quan trong 6 năm gần đây khởi tố 62 vụ, trung bình 1 năm khởi tố xấp xỉ 10 vụ [68], theo dõi trong 3 năm liên tiếp gần đây, lực lượng Kiểm lâm khởi tố trung bình 300 đến 400 vụ/năm [33], [34], [35]. Theo Thiếu tướng Bùi Sĩ Trinh, Chính ủy Cục Cảnh sát biển, Cảnh sát biển hầu như không thực hiện việc khởi tố VAHS kể từ khi lực lượng này được thành lập.

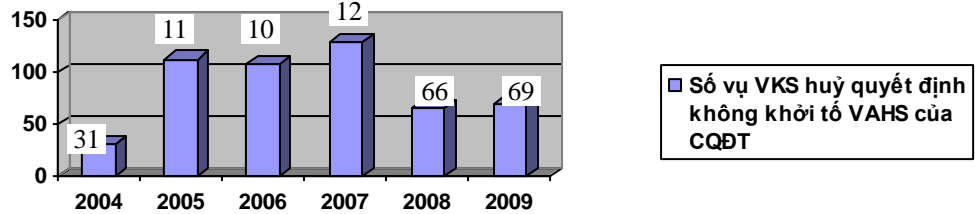
Trong Công an nhân dân, cơ quan Cảnh sát điều tra lại là chủ thể chủ yếu thực hiện trách nhiệm khởi tố, chiếm tỷ lệ xấp xỉ 96 - 97%. Ví dụ, trong giai đoạn 1996-2006, cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp đã khởi tố 96,9% với tổng số vụ án do loại CQĐT này khởi tố là 518.040 vụ, trong khi đó, cơ quan An ninh điều tra khởi tố 14.097 vụ (trong đó các loại tội xâm phạm an ninh quốc gia là 11.774 vụ (chiếm 76,6%), các loại án khác 3.603 vụ (chiếm 23,4%), trong đó khởi tố 14097 vụ) [72]. Trong các năm từ 2007 đến nay, số vụ án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia thuộc thẩm quyền của các Cơ quan này được khởi tố cũng rất ít (2007: 40 vụ, 2008: 28 vụ, 2009: 11 vụ) [108], [109], [110].

Nếu xếp các loại tội phạm trên theo ba loại CQĐT trong cơ quan Cảnh sát điều tra theo Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, tội phạm về ma túy), số liệu án khởi tố mới từ năm 2007 đến hết sáu tháng đầu năm 2009 cho thấy: án hình sự với các tội thuộc thẩm quyền của hệ C14 chiếm 85%, hệ C15 chiếm 3% và hệ C17 chiếm 12% [89].

Thứ hai, các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự về cơ bản đã thực hiện tốt trách nhiệm bảo đảm tính có căn cứ của quyết định khởi tố vụ án.

Số vụ án được khởi tố sau đó bị hủy bỏ quyết định khởi tố VAHS, bị CQĐT đình chỉ điều tra, bị VKS đình chỉ, hoặc bị Tòa án đình chỉ hoặc tuyên không phạm tội do không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm (thuộc khoản 1 và khoản 2 Điều 107 BLTTHS) chiếm tỷ lệ thấp.

Số quyết định khởi tố bị VKS hủy (thường là hủy ngay sau khi khởi tố vụ án, còn nếu vào sâu trong quá trình điều tra, nếu xét thấy có các căn cứ không khởi tố vụ án theo Điều 107 BLTTHS thì sẽ ra quyết định đình chỉ điều tra mà không phải là quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án).



Biểu đồ 2.2: Biểu đồ so sánh số vụ Viện kiểm sát hủy quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra theo từng năm

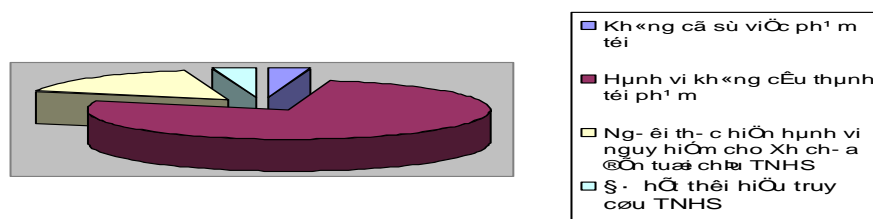
Giai đoạn 2002- 2006, qua số liệu đình chỉ điều tra của CQĐT (6.109 vụ) và đình chỉ vụ án của VKS các cấp (3.451 vụ) [117], phân tích các trường hợp khởi tố sai mà đáng lẽ phải ra quyết định không khởi tố VAHS như sau:

Khởi tố khi không có sự việc phạm tội: 46 trường hợp, trong đó, năm 2002: 11 trường hợp, năm 2003: 16 trường hợp, năm 2004: 10 trường hợp, năm 2005: 3 trường hợp, năm 2006: 6 trường hợp;

Khởi tố khi hành vi không cấu thành tội phạm: 1030 trường hợp, trong đó, năm 2002: 308 trường hợp, năm 2003: 234 trường hợp, năm 2004: 223 trường hợp, năm 2005: 116 trường hợp, năm 2006: 149 trường hợp;

Khởi tố khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự: 226 trường hợp;

Khởi tố khi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự: 47 trường hợp.



Biểu đồ 2.3: Biểu đồ tỷ lệ các trường hợp khởi tố khi có các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Như vậy, số lượng trường hợp khởi tố khi hành vi chưa cấu thành tội phạm là lớn nhất, điều này phản ánh rất nhiều vấn đề chủ quan và khách quan của các chủ thể có thẩm quyền khởi tố. Trong đó, một nguyên nhân khách quan rất quan trọng khiến số trường hợp khởi tố khi hành vi chưa cấu thành tội phạm chiếm tỷ trọng lớn nhất là do việc đánh giá hành vi đã cấu thành hay chưa cấu thành tội phạm là điều không đơn giản, đặc biệt ở giai đoạn khởi tố, khi còn chưa có đầy đủ các tình tiết và chứng cứ để xác định chính xác sự thật khách quan của vụ án. Căn cứ hành vi không cấu thành tội phạm là căn cứ khó xác định nhất trong số 7 căn cứ không được khởi tố VAHS được quy định tại Điều 107 BLTTHS.

Giai đoạn từ 2007 cho đến nay, số trường hợp khởi tố khi không có sự việc phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm dẫn tới vụ án được khởi tố sau đó bị đình chỉ trong năm 2007 là 137 vụ (CQĐT: 96 vụ, VKS: 41 vụ), trong năm 2008 là 146 vụ (CQĐT: 105 vụ, VKS: 41 vụ), năm 2009 số vụ khởi tố sau đó CQĐT phải đình chỉ điều tra là 2.366 vụ trong đó 67 bị can được đình chỉ do không phạm tội.

Số vụ án được khởi tố sau đó bị đình chỉ do đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm cũng chiếm tỷ lệ thấp, điều này thể hiện ở các số liệu thống kê như sau:

(i), năm 2007, CQĐT chỉ đình chỉ theo điểm b khoản 2 Điều 164 BLTTHS 65 vụ, năm 2008 là 74 vụ và 6 tháng đầu năm 2009 là 11 vụ, tổng số 150 vụ trong 2,5 năm, trung bình mỗi năm là 60 vụ.

(ii), theo khảo sát 500 hồ sơ vụ án ngẫu nhiên tại 46 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được giải quyết, có 419 hồ sơ có ngày khởi tố vụ án và ngày khởi tố bị can trùng nhau, điều này thể hiện việc CQĐT quyết định khởi tố vụ án đồng thời khởi tố bị can, chiếm tỷ lệ xấp xỉ 84% [28, tr. 9].

Hai loại số liệu này cho thấy: *thứ nhất*, dấu hiệu của tội phạm là căn cứ khởi tố vụ án đã tương đối rõ (ở mức độ xác định được người đã có dấu

hiệu phạm tội); và *thứ hai*, ý thức của các chủ thể khởi tố trong việc bảo đảm tính có căn cứ của việc quyết định khởi tố một VAHS.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại hiện tượng hình sự hóa các quan hệ dân sự, nói cách khác là khởi tố vụ án khi không có dấu hiệu của tội phạm mà chỉ là các vi phạm pháp luật khác. Nhiều CQĐT và VKS đã không đánh giá đúng bản chất của các mối quan hệ dân sự như vay mượn, hui họ mà chỉ dựa trên việc không thực hiện các cam kết trong việc vay mượn, trao trả tài sản đến hạn, không xem xét đến các yếu tố thuộc mặt chủ quan của bên có nghĩa vụ trả nợ, không làm rõ có hay không có ý thức chiếm đoạt, việc chưa hay họ không thực hiện các cam kết theo hợp đồng là do nguyên nhân nào, do quản lý, sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả dẫn đến không có khả năng thu hồi vốn để trả nợ hay lý do bất khả kháng...

Thứ ba, còn tồn tại nhiều trường hợp cố ý không khởi tố VAHS dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Trong những năm vừa qua, tỷ lệ xử lý hành chính so với tỷ lệ xử lý hình sự bằng việc ra quyết định khởi tố VAHS là tương đối cao, đặc biệt là đối với các trường hợp do các lực lượng bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, cảnh sát biển, các cơ quan khác trong lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phát hiện được. Trong đó, có những sự việc đáng lẽ phải xử lý hình sự lại được chuyển sang xử lý hành chính. "Thực tiễn thi hành pháp luật cho thấy, có nhiều vụ án phải khởi tố về hình sự, nhưng Bộ đội biên phòng đã xử lý về hành chính với tỷ lệ số vụ khởi tố điều tra so với số vụ phát hiện ở một số địa phương trong nhiều năm chỉ từ 2 đến 3%, còn lại là lập hồ sơ chuyển Cơ quan điều tra khởi tố hoặc xử lý hành chính, xử lý bằng biện pháp khác" [65, tr. 124]. Tình trạng tương tự cũng được lặp lại với lực lượng kiểm lâm. Ví dụ, trong năm 2007, lực lượng kiểm lâm đã xử lý 32.785 vụ, trong đó xử lý hành chính 32.459 vụ và khởi tố hình sự chỉ 346 vụ [33], năm 2008 đã xử lý 36.294 vụ, trong đó xử phạt hành chính 36.013 vụ; khởi tố hình sự 281 vụ [34]. Với ngành hải quan, tỷ lệ này còn cao hơn, từ năm 2003

đến tháng 5/2009, toàn ngành Hải quan đã bắt giữ 82.509 vụ vi phạm pháp luật về Hải quan, trong đó có 20.549 vụ buôn lậu nhưng chỉ khởi tố hình sự 62 vụ (24 vụ với tội danh buôn lậu và 38 vụ với tội danh vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới). Trong khi đó, tình hình buôn lậu qua biên giới, các gian lận thương mại và thuế quan, các vụ vi phạm quy định về bảo vệ rừng và tài nguyên thiên nhiên đều có xu hướng tăng theo hằng năm, song tỷ lệ xử lý hình sự trong các lĩnh vực trên vẫn không thay đổi, thậm chí có chiều hướng giảm. Về tỷ lệ quá chênh lệch giữa số vụ xử lý hành chính và số vụ khởi tố hình sự với các vi phạm được phát hiện và xử lý (cả xử lý hành chính và hình sự) trong phạm vi thẩm quyền của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố, có ý kiến cho rằng không cần thiết phải ra quyết định không khởi tố VAHS một khi đã quyết định xử lý hành chính vì: (i) trong quyết định xử lý hành chính đã thể hiện các căn cứ xử lý hành chính và (ii) số lượng quyết định xử lý hành chính là quá lớn và nếu phải đồng thời ra số lượng quyết định không khởi tố VAHS thì sẽ lãng phí thời gian và những nguồn lực khác của các cơ quan có thẩm quyền. Chúng tôi cũng nhận thấy rõ ràng không thể đặt ra chỉ tiêu phải tăng tỷ lệ khởi tố hình sự lên bao nhiêu phần trăm thì mới không bỏ lọt tội phạm nhưng nếu hầu hết các vụ vi phạm đều xử lý hành chính thì không thể không tránh khỏi tình trạng bỏ lọt tội phạm. Những tội phạm bị bỏ lọt trong trường hợp giáp ranh giữa vi phạm hành chính và vi phạm hình sự trong các lĩnh vực đã nêu hầu hết là tội phạm liên quan đến yếu tố kinh tế, vừa do người vi phạm đã biết "lách" bằng cách chia nhỏ số lượng hàng hóa, biết lợi dụng các quy định về quản lý kinh tế - kỹ thuật của các ngành chức năng, vừa do có sự thỏa hiệp của chính các cán bộ làm công tác phát hiện và xử lý vi phạm. Ngay cả CQĐT, trong giai đoạn 1996-2006, khảo sát của Bộ Công an trên 10 địa phương cho thấy với những trường hợp phạm pháp hình sự được CQĐT xác minh làm rõ thì tỷ lệ: *ra quyết định khởi tố* chiếm 91,58%; *chuyển xử lý hành chính* 26.909 vụ chiếm 5,43% (trong đó tội phạm kinh tế: 2007 vụ, tội phạm hình sự: 22.963 vụ, tội phạm ma túy: 109 vụ); *chuyển nơi khác*: 14.352 vụ chiếm 2,99% (trong đó tội phạm kinh tế: 1.089 vụ, hình sự: 12.402 vụ, ma túy: 8.656 vụ) [72].

Ngay đối với CQĐT của VKSNNDTC - cơ quan mà việc minh bạch kết quả xử lý sự việc có dấu hiệu của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp có ý nghĩa rất quan trọng đối với người bị tố giác và người tố giác, cũng như đối với dư luận xã hội thì những trường hợp không khởi tố cũng không ra quyết định không khởi tố VAHS.

Bảng 2.4: Kết quả xác minh tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra VKSNNDTC

Năm	Số tin báo, tố giác	Số vụ việc (sau khi sàng lọc những tin báo, tố giác trùng lặp)	Ra quyết định khởi tố VAHS	Không ra quyết định không khởi tố VAHS		
				Kiến nghị xử lý hành chính	Không có dấu hiệu của tội phạm	Chờ kết quả xử lý của vụ án gốc
2004	115	80	13	25	12	30
2005	168	69	11	16	27	15
2006	187	88	12	18	30	28
2007	239	106	16	29	28	33
2008	135	106	14	24	30	38

(Nguồn: Cục Điều tra, VKSNNDTC).

Phân tích một số liệu khác, tại Hà Nội, năm 2002, "số vụ tội phạm hình sự chuyển xử lý hành chính trong khi đó chiếm tỷ lệ khá cao 9,3%, cũng gây nên dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân. Số án thường chuyển xử lý hành chính là trộm cắp tài sản, đánh bạc, cố ý gây thương tích chiếm tỷ lệ cao" [43]. Số vụ chuyển xử lý hành chính nêu trên không có trong số các quyết định không khởi tố VAHS, nói cách khác, quyết định không khởi tố VAHS không được ban hành trong trường hợp CQĐT chuyển xử lý hành chính. Việc không khởi tố hình sự, chuyển xử lý hành chính hiện chưa được kiểm sát và CQĐT thường tránh việc thực hiện nghĩa vụ ra quyết định không khởi tố VAHS bằng cách: một, trực tiếp chuyển xử lý hành chính không cần ra bất kỳ văn bản nào, hai, ra các văn bản "lách luật" như "bản kết quả điều tra

xác minh", "biên bản kết thúc điều tra", "thông báo về việc không khởi tố vụ án"...

Hiện nay, về vấn đề không khởi tố VAHS dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm, Cục Thống kê tội phạm - VKSNDTC (cơ quan nhà nước có chức năng thống kê các số liệu về tội phạm từ các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra) chỉ có thể đưa ra số liệu số vụ VKS hủy quyết định không khởi tố của CQĐT và ra quyết định khởi tố (năm 2006 là 55 vụ, năm 2007 là 37 vụ, năm 2008 là 93 vụ, năm 2009 là vụ) và số liệu số vụ VKS yêu cầu CQĐT khởi tố điều tra và CQĐT sau đó đã khởi tố (năm 2004 là 154 vụ, năm 2005 là 256 vụ, năm 2006 là 244 vụ, năm 2007 là 247 vụ, năm 2008 là 164 vụ, năm 2009 là vụ) [106], [107], [108], [109], [110]. Như vậy, theo những con số này, trung bình số trường hợp CQĐT bỏ lọt tội phạm hằng năm là từ 200 đến 300 vụ. Tuy nhiên, thực tế số lượng tội phạm bị bỏ lọt do không được khởi tố hình sự cụ thể như thế nào thì không thể có số liệu thống kê từ các cơ quan tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra xã hội học, chúng tôi cũng đã thực hiện khảo sát số liệu này nhưng không nhận được sự hợp tác của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, để làm rõ hơn tình trạng này, chúng tôi tham khảo kết quả một khảo sát chuyên sâu đã được thực hiện trong năm 2009 với một số chuyên gia tư pháp hình sự và một số cán bộ có thâm niên công tác tại các cơ quan tiến hành tố tụng để có được những đánh giá mang tính cảm quan mà không có được những số liệu cụ thể, theo đó: "tỷ lệ bỏ lọt tội phạm do không thụ lý và không khởi tố vụ án là đáng kể (với 4 mức độ: không có: 0% số người được hỏi; rất ít: 5%, đáng kể: 74%; rất lớn: 21% tổng số người được hỏi)" [28, tr. 12]. Dù không tuyệt đối chính xác nhưng kết quả này cũng cho thấy đa số những người được hỏi đều cho rằng tỷ lệ bỏ lọt tội phạm là đáng kể, qua đó phần nào phản ánh tình trạng bỏ lọt tội phạm là vấn đề rất khó giải quyết của giai đoạn khởi tố VAHS và chống bỏ lọt tội phạm luôn luôn phải được xác định là mục tiêu, nhiệm vụ của TTHS.

Thứ tư, nhiều cơ quan có thẩm quyền khởi tố chưa bảo đảm trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự theo đúng thời hạn tố tụng.

Điều 103 BLTTHS quy định thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố là 20 ngày, trong trường hợp sự việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết có thể nhiều hơn, nhưng không quá 2 tháng kể từ khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Nhiều trường hợp vi phạm thời hạn quy định tại Điều 103 nêu trên khi khoảng thời gian từ ngày tiếp nhận thông tin về tội phạm đến ngày ra quyết định khởi tố vụ án vượt xa con số 20 ngày hay 2 tháng luật định. Tỷ lệ này có nơi lên tới 30%, ví dụ, tại Đắk Lắk, số tin báo, tố giác chưa xử lý còn tồn lại trong năm 2008 là 538/1.769 tin báo tố giác đã tiếp nhận và trong số tin báo, tố giác này, có tới 338/358 là quá hạn chiếm tỷ lệ 63% [12, tr. 27]. Tại Phú Thọ, có những tin Cơ quan điều tra kéo dài tới trên 1 năm không kết thúc [31, tr. 19]. Tại Hà Nội, theo ông Hoàng Ngọc Cẩn, Trưởng phòng 3 VKSND thành phố Hà Nội thì hầu hết các vụ án đều vi phạm thời hạn khởi tố. Thời hạn này thường không được bảo đảm nhất là trong các vụ án liên quan đến kết quả hoạt động trung cầu giám định làm căn cứ để xác định việc có cấu thành tội phạm hay không như trong các vụ án về các tội gây thương tích, các tội vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông, cần phải có kết luận giám định của tổ chức giám định pháp y về tỷ lệ thương tật, mức độ tổn hại sức khỏe, kết luận giám định hàm lượng và loại chất ma túy trong các vụ án ma túy, kết luận giám định về tài chính trong các vụ án kinh tế, tham nhũng... Thời gian trung cầu thường kéo dài dẫn tới thời hạn 20 ngày phải ra quyết định khởi tố không thực hiện được. Việc giám định thường phải được thực hiện tại thời điểm các thương tích đã ổn định ở mức độ tương đối, nếu giám định sớm, kết quả giám định thường không chính xác và có trường hợp phải giám định lại do người tham gia tố tụng không đồng tình với kết luận giám định ban đầu và cơ quan có thẩm quyền cũng gặp khó khăn

trong việc đánh giá chứng cứ nếu có nhiều kết luận giám định về tỷ lệ thương tật khác nhau.

Ngoài ra, có nhiều trường hợp không phải vướng từ các nguyên nhân khách quan, mà do nguyên nhân chủ quan, do thiếu chủ động, chậm trễ, dẫn tới tình trạng kéo dài thời gian khởi tố so với quy định của pháp luật, ví dụ:

Vụ Nguyễn Văn Cầm ở thị trấn Tâm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An phạm tội "Hiếp dâm" xảy ra ngày 13/7/2004, Công an huyện Châu Thành tiếp nhận tố giác, nhưng do không kịp thời xác minh xử lý nên đã để Nguyễn Văn Cầm bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đến 19/10/2004 mới khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra (3 tháng, 8 ngày).

Vụ Nguyễn Văn Toan "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" xảy ra ngày 14/12/2003 tại địa phận xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm chị Nguyễn Thị Soan tử vong, ông Trần Trung Chính bị tổn hại 40% sức khỏe, sự việc xảy ra ban đầu do Công an huyện Duy Tiên tiếp nhận giải quyết, qua xác minh xác định người gây tai nạn và bị hại là bà con họ hàng nên không khởi tố, qua phân loại vi phạm Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố để điều tra đến 30/6/2004, sau hơn 6 tháng Công an huyện Duy Tiên mới ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can.

Vụ Nguyễn Minh Khôi, trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hành vi "Cướp giật tài sản" xảy ra ngày 18/5/2003, Công an thành phố Thái Nguyên tiếp nhận tin báo, nhưng đã không kịp thời khởi tố vụ án nên qua công tác phân loại vi phạm của Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên mới phát hiện yêu cầu khởi tố, đến 10/8/2004 Công an thành phố Thái Nguyên mới khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra [116].

Thứ năm, hầu hết các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vi phạm các quy định về hình thức của quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLTTHS năm 2003, quyết định khởi tố VAHS phải làm rõ cả "điều, khoản của BLHS được áp dụng". Qua thực tế khảo sát hồ sơ các VAHS đã được giải quyết tại CQĐT các cấp, các địa phương trên cả nước trong những năm gần đây (kể cả trước và sau BLTTHS 2003), chỉ có rất ít hồ sơ trong đó quyết định khởi tố có ghi chi tiết đến "khoản" của điều luật bởi bản thân mẫu số 01- QĐ ban hành theo quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) của Bộ Công an ngày 18/11/2004 đã thống nhất hình thức quyết định khởi tố VAHS, theo đó: "... sau khi xác định có dấu hiệu của tội phạm... quy định tại Điều... Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam..." mà không yêu cầu xác định khoản của điều luật áp dụng, dẫn đến việc thực tế quyết định khởi tố vụ án cũng theo mẫu mà chỉ xác định loại tội danh mà không xác định tội phạm. Điều này cũng cho thấy CQĐT không chú trọng việc bảo đảm đúng quy định của khoản 2 Điều 104 BLTTHS, nhưng mặt khác, cũng cần nhìn nhận vấn đề ở góc độ kiểm sát việc khởi tố của VKS, VKS đã không hoàn thành trách nhiệm kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố.

Cũng liên quan đến việc thực hiện yêu cầu về hình thức của Quyết định khởi tố VAHS, trong mẫu Quyết định khởi tố VAHS có mục "căn cứ" và mục "dấu hiệu của tội phạm", tuy nhiên, việc ghi nội dung gì, ghi như thế nào vào mục này chưa có hướng dẫn chi tiết và thống nhất, mẫu quyết định khởi tố vụ án (mẫu số 01QĐ ban hành theo quyết định số 1351/QĐ-BCA (C11) của Bộ Công an ngày 18/11/2004) cũng không quy định, dẫn tới thực tiễn hiện nay hết sức tùy tiện, thậm chí có nơi còn không điền thông tin gì. Căn cứ của Quyết định khởi tố là sự việc có dấu hiệu của tội phạm, và trong mỗi vụ án cụ thể, dấu hiệu đó được thể hiện bằng những tình tiết khác nhau, nhưng trên thực tế có nơi ghi vào mục "căn cứ" là nguồn tin báo, tố giác, có nơi là loại nguồn chứng cứ được cho là có giá trị cao nhất... Ví dụ: Quyết định khởi tố

VAHS số 210 ngày 14/7/2006 của cơ quan CSĐT công an quận Long Biên, Hà Nội ghi "căn cứ": "đơn trình báo của bị hại, các tài liệu chứng cứ thu thập được của CQĐT"; thậm chí Quyết định khởi tố VAHS số 191 ngày 19/5/2004 của cơ quan CSĐT công an thành phố Nam Định ghi rất chung chung "căn cứ: "tài liệu điều tra". Mục "dấu hiệu của tội phạm" cũng không có sự thống nhất về cách viết để làm rõ tính thuyết phục của quyết định khởi tố, ví dụ Quyết định khởi tố VAHS số 26C ngày 24/10/2002 của cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh ghi "dấu hiệu của tội phạm": "điều khiển xe mô tô gây tai nạn giao thông làm chết người"; Quyết định khởi tố VAHS số 191 ngày 19/5/2004 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Nam Định ghi "dấu hiệu của tội phạm": "hình sự", đa số các quyết định khởi tố VAHS ghi trong mục dấu hiệu của tội phạm là tội danh của tội phạm hoặc chỉ ghi điều của BLHS tương ứng với tội danh đó. Rõ ràng, sự không chuẩn hóa và nhất thể hóa các mục này đã tạo ra sự lẫn lộn giữa những nội dung là cơ sở của quyết định khởi tố, căn cứ của quyết định khởi tố và tội danh được xác định trên căn cứ khởi tố. Theo quy định tại Điều 325 BLTTHS, quyết định khởi tố VAHS là một loại văn bản tố tụng không nằm trong diện đối tượng không được giải quyết theo thủ tục khiếu nại, như vậy, theo phép loại trừ, quyết định khởi tố VAHS là đối tượng được khiếu nại. Nhưng với căn cứ khởi tố được quy định lộn xộn như vậy, những người có liên quan tới quyết định khởi tố không biết khiếu nại vì lý do gì, trên cơ sở căn cứ nào.

Thứ sáu, trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự còn chưa được bảo đảm thực hiện hiệu quả.

Do luật quy định VKS chỉ có thẩm quyền kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, mà không có thẩm quyền kiểm sát việc tiếp nhận, vì vậy, VKS rất khó nắm được số lượng, nội dung tin báo, tố giác tội phạm, từ đó rất khó kiểm sát việc phân loại, giải quyết các tin báo, tố giác đó có bỏ lọt tội phạm hay không. Trong khi đó, một sự việc được chuyển xử lý hành chính cũng có thể là hành vi không cấu thành tội phạm - khoản 4 Điều 8 BLHS và

khoản 1, khoản 2 Điều 107 BLTTHS (là trường hợp phải ra quyết định không khởi tố VAHS). Chính vì vậy, nhiều địa phương, CQĐT đã không ra quyết định không khởi tố VAHS với những trường hợp đáng ra phải ban hành quyết định không khởi tố VAHS. Bởi quyết định không khởi tố VAHS có thể bị VKS hủy khi xét thấy không có căn cứ, có thể bị khiếu nại theo thủ tục TTHS - những hậu quả pháp lý bất lợi, và một khi CQĐT không ra quyết định khởi tố VAHS và cũng không ra quyết định không khởi tố VAHS thì VKS không có quyền năng pháp lý để yêu cầu CQĐT phải ra một trong hai quyết định khởi tố VAHS, quyết định không khởi tố VAHS hoặc tự mình ra một trong hai quyết định trên. Như vậy, căn nguyên của tình trạng này vừa là do những tiêu cực thuộc chủ quan của các cơ quan có thẩm quyền, vừa là do những hạn chế, thiếu chặt chẽ của pháp luật TTHS. Để xác định cụ thể hơn nguyên nhân của thực trạng này, theo chúng tôi, phải nhìn nhận toàn diện cả các nhân tố khách quan và chủ quan như sau:

Một là, CQĐT chỉ là một bộ phận của cơ quan Công an, điều tra tội phạm chỉ là một trong những chức năng của Cơ quan Công an, Cơ quan Công an có nhiều chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, vì thế, sự nhầm lẫn trong việc tiếp nhận, phân loại các loại tin báo, tố giác tội phạm với các tin loại khác của Cơ quan Công an quản lý là rất khó tránh khỏi.

Hai là, bản thân nguồn tin báo có sự trùng lặp rất lớn khi một thông tin có thể được nhiều chủ thể cung cấp và/hoặc cung cấp tới nhiều đầu mối khác nhau, thông tin thiếu chính xác. Ví dụ, thống kê nguồn tin báo, tố giác chuyên tới công an Bình Dương trong 3 năm 2004, 2005, 2006 thì tin trùng lặp chiếm 20,72%, tin không có giá trị chiếm 16,04% [77]; Công an thành phố Hà Nội trong thời gian 10 năm 1996-2006, CQĐT tiếp nhận 267.133 tin báo, tố giác, trong đó có 259.376 tin báo đúng chức năng, với số tin báo kết luận được thì số tin báo sai là 21.358 tin, vừa đúng vừa sai chiếm 13.847 tin.

Ba là, việc xử lý tin báo liên quan nhiều đến các yêu cầu công tác điều tra nghiệp vụ của CQĐT. Ví dụ: một tin báo có giá trị được tiếp nhận nhưng phải bằng các biện pháp điều tra nghiệp vụ, bằng việc truy xét từ một vụ án khác xảy ra sau đó, bằng những thông tin trong tàng thư hình sự mới được cập nhật nên vì những lý do khách quan trên, sau hơn 2 tháng, 3 tháng, thậm chí là lâu hơn nữa, mới có thể xác định được ở mức độ đủ chứng cứ để khởi tố và chứng minh tội phạm.

Bốn là, số liệu thống kê kết quả tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm là một căn cứ đối chiếu với số liệu án được khởi tố, qua việc đối chiếu này, sẽ nhận thức và đánh giá được mức độ thực hiện trách nhiệm khởi tố, xử lý VAHS của CQĐT cũng như năng lực, trình độ của CQĐT, thành tích của CQĐT thể hiện một phần ở mối quan hệ giữa hai loại số liệu này, nếu tiếp nhận nhiều tin báo tố giác mà không xử lý được, không khởi tố được thì CQĐT đó sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ chính trị của mình, ở đây, có thể nhận thấy một ví dụ sinh động của "bệnh thành tích trong tố tụng" ngay từ khâu đầu tiên của TTHS đã dẫn tới việc không thống kê, không báo cáo, không công khai loại số liệu quan trọng này.

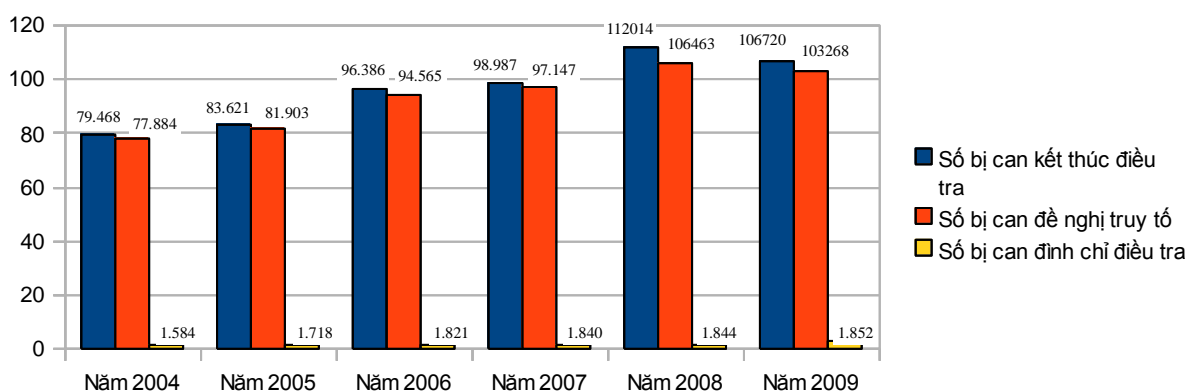
Vì vậy, mặc dù Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 01/7/2005 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, VKSNDTC, TANDTC có quy định cơ quan Công an có trách nhiệm tập trung thống nhất kết quả tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và thông báo cho VKS cùng cấp, nhưng đến nay, vì nhiều nguyên nhân, vẫn chưa thực hiện được. Công văn số 702/VKSTC-V1A về việc thực hiện Chuyên đề *Kiểm sát giải quyết tin báo, tố giác tội phạm năm 2008* ngày 21/3/2008 đã phải thừa nhận thực trạng:

Hệ thống thống kê hình sự liên ngành cũng như thống kê nghiệp vụ của từng ngành vẫn chưa có số liệu thống kê nghiệp vụ của từng ngành vẫn chưa có số liệu thống kê cụ thể, thống nhất về việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến

ngộ khởi tố. Vì vậy, khi đánh giá tình hình tội phạm của các kỳ báo cáo, thống kê còn thiếu một kênh thông tin rất quan trọng là số liệu và kết quả công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của cả Cơ quan công an (Cơ quan điều tra) và của Viện kiểm sát nhân dân [118].

2.2.1.1. Thực tiễn thực hiện trách nhiệm truy cứu trách nhiệm hình sự qua hoạt động điều tra - truy tố - xét xử

Trong giai đoạn điều tra, do sự gia tăng của tội phạm, CQĐT cũng phải giải quyết số lượng VAHS và số lượng bị can nhiều hơn. Kết quả xử lý các bị can sau khi khởi tố cho thấy số lượng bị can được thụ lý điều tra và số bị can đề nghị truy tố về cơ bản cũng tăng theo từng năm.



Biểu đồ 2.4: Biểu đồ so sánh số bị can được Cơ quan điều tra kết thúc điều tra, đề nghị truy tố và đình chỉ điều tra theo từng năm

Phân tích các số liệu về kết quả xử lý VAHS của CQĐT được đưa ra trong bảng 2.5 dưới đây, đặc biệt là số liệu án đầu vào (số vụ thụ lý điều tra, bao gồm: án được khởi tố mới và án của năm trước chưa hết thời hạn còn tồn lại - án tồn) và số liệu án đầu ra (số vụ kết thúc điều tra), có thể thấy về tổng thể, tỷ lệ án được xử lý với án được thụ lý dao động từ 73,19% đến 78,86%. Trong đó: (i) số vụ án thụ lý điều tra của CQĐT đều tăng theo hằng năm, (ii) số vụ án được xử lý (đầu ra) cũng tăng tương ứng với số lượng đầu vào ngày càng tăng, CQĐT đã thực hiện trách nhiệm xử lý một số lượng vụ án rất lớn và có xu hướng tăng theo từng năm.

Bảng 2.5: Kết quả xử lý vụ án hình sự của Cơ quan điều tra

Năm	Số vụ thụ lý điều tra	Số vụ kết thúc điều tra	Số vụ đề nghị truy tố	Số vụ đình chỉ điều tra
2004	65.169	50.549	49.441	1.108
2005	69.566	52.419	51.214	1.205
2006	79.186	58.671	57.229	1.442
2007	80.291	59.312	57.854	1.458
2008	84.784	63.273	61.852	1.420
2009	85.414	62.522	60.156	2.366

Nguồn: Cục Thống kê tội phạm, VKSNDTC.

Số lượng vụ án được đề nghị truy tố cũng chiếm đại đa số các vụ án được giải quyết, số vụ phải đình chỉ điều tra dao động từ 2,19% đến 3,93%, điều này thể hiện số vụ án được khởi tố có căn cứ vẫn chiếm tỷ lệ lớn (trên 96%). Tính hiệu quả của hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội cũng phần nào được thể hiện qua các con số về tỷ lệ phá án hình sự: theo các số liệu khảo sát của luận án qua các báo cáo tổng kết công tác năm của Công an các địa phương thì đa số các nơi, tỷ lệ trung bình chung này thường dao động ở mức trên 70% và có xu hướng tăng trong thời gian gần đây, ví dụ (do chỉ một số địa phương cho phép công bố cụ thể) như: Vinh (Nghệ An, 85%), Vĩnh Bảo (Hải Phòng, 85%), Yên Thế (Bắc Giang, 100%), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu, 71%), Bình Định (76,5%), Đắc Nông (74%)... Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ phá án các vụ đặc biệt nghiêm trọng đạt gần 100% và tỷ lệ này được đánh giá là tương đối cao so với mặt bằng trung của cả nước. Trong giai đoạn 1996-2006, khảo sát của Bộ Công an trên 10 tỉnh thành phố trực thuộc trung ương thì trung bình tỷ lệ khám phá án chưa rõ thủ phạm đạt 64,99% (khám phá 111.813 vụ trên 172.059 vụ chưa rõ thủ phạm). Tỷ lệ này có biến động theo từng năm, từng địa phương, song có xu hướng tăng nhẹ, ví dụ: năm 2008, với loại án về các tội xâm phạm trật tự xã hội, CQĐT đã khám phá 33.224 vụ chưa rõ thủ phạm, đạt tỷ lệ 69,7%. Theo báo cáo của Bộ

trưởng Bộ Công an Lê Hồng Anh ngày 05/11/2009 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XII thì trước đây tỷ lệ này trung bình đạt 60% như hiện nay đang cố gắng đạt 70%, riêng các vụ án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng tỷ lệ phá án đạt trên 98%.

Như vậy, về tổng thể, trên hai loại số liệu: tỷ lệ phá án (số vụ xác định được thủ phạm - người phạm tội trên số vụ chưa rõ thủ phạm) và đặc biệt là tỷ lệ bị can đề nghị truy tố trên tổng số bị can khi kết thúc điều tra, phải khẳng định tính hiệu quả trong hoạt động xác định tội phạm và người phạm tội của CQĐT trong thời gian vừa qua, qua đó cho thấy ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động đấu tranh phòng chống tội phạm của các Điều tra viên và các cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng Công an nhân dân.

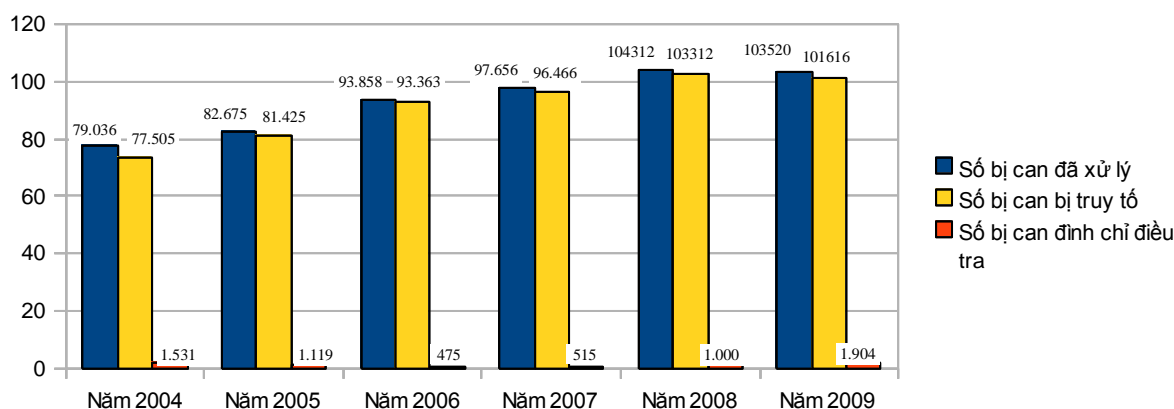
Việc so sánh số liệu được cung cấp tại bảng 2.5 với số liệu tại bảng 2.6 dưới đây cho thấy tỷ lệ số vụ đã xử lý trên tổng số vụ cần phải xử lý của VKS tính trung bình chung cao hơn tỷ lệ số vụ đã xử lý trên tổng số vụ cần phải xử lý của CQĐT. Điều này cho thấy một đặc điểm của TTHS Việt Nam: công việc xác định tội phạm cũng như phân loại xử lý tội phạm và người phạm tội được thực hiện nhiều nhất giai đoạn điều tra. Sau khi CQĐT đã xác định tội phạm, phân loại xử lý thì công việc này của VKS sẽ ít hơn khi sự việc phạm tội và người phạm tội đã rõ ràng hơn.

Bảng 2.6: Kết quả xử lý vụ án hình sự của Viện kiểm sát

Năm	Số vụ phải xử lý	Số vụ đã xử lý	Số vụ đình chỉ	Số vụ truy tố
2004	51.580	49.888	706	49.182
2005	52.692	51.290	558	50.732
2006	58.406	57.048	495	56.553
2007	59.096	57.847	515	57.332
2008	63.094	61.005	473	60.404
2009	62.685	60.347	861	59.486

Nguồn: Cục Thống kê tội phạm, VKSNDTC.

Số lượng vụ án cũng như số lượng bị can mà VKS phải xử lý về cơ bản cũng tăng theo từng năm, trong khoảng thời gian từ năm 2003 đến năm 2009 đã tăng lên gần 10.000 vụ án và gần 17.000 bị can, điều này phần nào phản ánh sự gia tăng của tình hình tội phạm cũng như trách nhiệm xử lý vụ án ngày càng nhiều của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có VKS.



Biểu đồ 2.5: Biểu đồ so sánh số bị can đã được Viện kiểm sát xử lý, truy tố và đình chỉ vụ án theo từng năm

Để đánh giá hiệu quả truy cứu TNHS trong hoạt động điều tra, truy tố của CQĐT và VKS còn phải dựa trên số liệu về số bị can bị đình chỉ vì không phạm tội trong giai đoạn điều tra, truy tố và số bị cáo được Tòa án tuyên không phạm tội trong giai đoạn xét xử.

Số bị cáo Tòa án tuyên không phạm tội năm 2009 là 85 người (kể cả 9 người theo Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội, đây là các trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự do có sự thay đổi về chính sách hình sự của Nhà nước), năm 2008 không có người nào, năm 2007 con số này là 53 trường hợp được Tòa sơ thẩm tuyên không phạm tội, năm 2006 là 36 trường hợp... Ở một chừng mực nhất định, con số này là rất thấp so với tổng số bị can bị khởi tố mỗi năm lên tới trên 100.000 người.

Tỷ lệ số bị can truy tố ra trước Tòa án cũng chiếm đa số so với số bị can bị đình chỉ, số bị can truy tố ra trước Tòa án cũng gần bằng số bị can được đề nghị truy tố, qua đó thể hiện trách nhiệm thực hành quyền công tố và

kiểm sát điều tra tương đối "sát" của VKS đối với CQĐT trong giai đoạn điều tra. Những số liệu này cũng phản ánh quá trình sàng lọc tương đối chặt chẽ của TTHS qua các khâu khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đề nghị truy tố đến truy tố ra trước Tòa án và một lần nữa củng cố nhận định đã được nêu ra trong phần 2.2.1 của luận án, đó là tâm lý vụ án đã khởi tố là phải "chắc" - phải rõ về dấu hiệu của tội phạm rất đậm nét trong tư duy tố tụng ở nước ta.

Việc đánh giá tính chủ động trong hoạt động truy cứu TNHS của CQĐT và VKS là không đơn giản và không thể có một định mức, số liệu cụ thể để xác định. Vì vậy, thường phải sử dụng cách đánh giá gián tiếp thông qua: một, tính hiệu quả của hoạt động hoạt động truy cứu TNHS do các cơ quan này thực hiện (đã phân tích ở trên); hai, qua số vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung (ba căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung đều phản ánh việc CQĐT, VKS có làm việc chủ động, tích cực hay không: thiếu chứng cứ quan trọng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có căn cứ cho rằng bị can phạm một tội phạm khác hoặc có đồng phạm khác). Năm 2002 đến năm 2007, VKS đã phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung 5,25% tổng số vụ mà CQĐT đề nghị truy tố (16.704 vụ trên 318.396 vụ), năm 2008 là 3.042 vụ, chiếm tỷ lệ 4,92%, năm 2009 là 2.191 vụ, chiếm tỷ lệ 3,64%. Cũng trong khoảng thời gian từ năm 2002 đến năm 2007, Tòa án đã phải trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung 4,78% tổng số vụ mà VKS truy tố (15.382 vụ trên 321.703 vụ), năm 2008 là 2.969 vụ trên 60.404 vụ VKS truy tố, chiếm tỷ lệ 4,91%, năm 2009 là 2.692 vụ trên 59.486 vụ VKS truy tố, chiếm tỷ lệ 4,52%. Phân tích cụ thể căn cứ để trả hồ sơ, do thiếu chứng cứ quan trọng là nguyên nhân chính, số vụ VKS phải trả cho CQĐT vì thiếu chứng cứ quan trọng xấp xỉ 68%, 32% còn lại là do vi phạm thủ tục tố tụng, do cần thay đổi tội danh... Số vụ Tòa án phải trả cho VKS vì thiếu chứng cứ quan trọng xấp xỉ 63%, 37% còn lại là do các nguyên nhân khác. Việc thiếu chứng cứ quan trọng hay có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hay bị can phạm một tội phạm khác dẫn tới phải trả hồ sơ là có xuất phát từ yếu tố nhận định không thống nhất giữa các cơ quan tiến

hành tố tụng (chứng cứ thiếu hay đủ, chứng cứ bị thiếu là chứng cứ quan trọng hay không quan trọng, VKS, Tòa án tự mình bổ sung được hay tự mình không bổ sung được, vi phạm thủ tục tố tụng như thế nào là nghiêm trọng, hành vi của bị can phải định tội danh này hay tội danh khác...) nhưng căn bản là do trong những trường hợp như vậy, CQĐT, VKS chưa bảo đảm trách nhiệm chủ động áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để xác định tội phạm, truy cứu TNHS người phạm tội.

Tính hiệu quả và chủ động của Tòa án trong hoạt động xét xử về cơ bản được đánh giá qua hai tiêu chí cơ bản: tiêu chí về số vụ án, số bị cáo đã được xét xử trên tổng số vụ án, số bị cáo phải xét xử và tiêu chí về số vụ án không bị hủy, sửa.

Bảng 2.7: Kết quả hoạt động truy cứu TNHS qua xét xử sơ thẩm

Năm	Số vụ thụ lý	Số bị cáo thụ lý	Số vụ đã xét xử	Số bị cáo đã xét xử
2004	56.259	89.999	48.974	76.562
2005	57.032	92.877	48.828	77.758
2006	64.090	106.431	55.766	90.507
2007	65.128	111.071	56.541	94.291
2008	68.345	118.511	58.738	99.289
2009	67.155	116.004	59.140	100.630

Nguồn: Văn phòng, TANDTC.

Bảng 2.8: Kết quả hoạt động truy cứu TNHS qua xét xử phúc thẩm

Năm	Số vụ phải xét xử	Số bị cáo phải xét xử	Số vụ đã xét xử	Số bị cáo đã xét xử
2004	15.119	21.541	13.051	18.840
2005	13.868	19.715	11.339	16.449
2006	15.173	21.237	11.975	16.997
2007	15.974	23.274	12.652	18.764
2008	15.749	22.179	11.861	17.760
2009	15.673	23.482	11.939	18.354

Nguồn: Văn phòng, TANDTC.

Về tỷ lệ giải quyết xét xử số vụ án và số bị cáo của Tòa án trong những năm gần đây, tỷ lệ này là tương đối cao (từ 92% trở lên), có xu hướng chung là hiệu quả truy cứu TNHS ngày càng được bảo đảm (các tỷ lệ nói trên đều năm sau cao hơn năm trước). Các số liệu về số lượng vụ án, số lượng các bị cáo được đưa ra xét xử hằng năm sau khi được xác định tỷ lệ phần trăm và so sánh năm sau với năm trước cho thấy: năm 2004, toàn ngành Tòa án đã giải quyết, xét xử đạt 94,2% số vụ án và 92,4% số bị cáo. Năm 2005, đã giải quyết 97% về số vụ án và 96% về số bị cáo, cao hơn năm trước 3,6%. Năm 2006 đã giải quyết 97% về số vụ án và 96,2% về số bị cáo, cao hơn năm trước 0,2%. Năm 2007, TAND và Tòa án quân sự các cấp đã giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm 75.191 vụ án hình sự với 128.126 bị cáo trong tổng số 77.198 vụ với 132.425 bị cáo đã thụ lý, đạt 97,4% số vụ và 96,7% số bị cáo; tăng hơn 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2008, đã giải quyết 97,6% về số vụ án và 97% về số bị cáo, tăng hơn 0,4% so với năm 2007. Năm 2009, 97,8% số vụ và 97% số bị cáo. Chúng tôi cho rằng hầu hết các cấp Tòa án đã bảo đảm để xét xử nhanh chóng các VAHS, không vi phạm quy định của pháp luật về thời hạn xét xử. Số vụ án còn lại phần nhiều mới thụ lý, số vụ quá hạn thấp, hầu như không có án tồn đọng trong lĩnh vực hình sự. Đặt trong điều kiện tình trạng thiếu thẩm phán, cơ sở vật chất còn hạn chế thì những kết quả trên đã phản ánh ý thức trách nhiệm của các Tòa án và các Thẩm phán trong hoạt động xét xử các VAHS.

Tính tích cực và hiệu quả của hệ thống các cơ quan Tòa án cũng được thể hiện qua số lượng án phải cải sửa (vì nguyên nhân chủ quan) có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Năm 2004, tỷ lệ bị hủy là 0,92%, tỷ lệ bị sửa là 4,87%. Năm 2005, tỷ lệ bị hủy là 0,7%, tỷ lệ bị sửa là 4,2%, năm 2006, tỷ lệ bị hủy là 0,6% giảm 0,1% so với năm 2004, sửa là 4,1% giảm 0,1% so với năm trước. Năm 2007, tỷ lệ các bản án quyết định về hình sự bị hủy là 0,63% (do nguyên nhân chủ quan là 0,4% và do nguyên nhân khách quan là 0,23%), bị sửa là 4,43% (do nguyên nhân chủ quan là 1,05% và do nguyên nhân khách

quan là 3,38%), như vậy, so với năm 2006, tỷ lệ các bản án, quyết định hình sự bị hủy tăng 0,03% và bị sửa tăng 0,33%. Năm 2008, tỷ lệ các bản án quyết định về hình sự bị hủy là 0,6%, bị sửa là 4,6%, so với năm 2007, số vụ án bị hủy do nguyên nhân chủ quan giảm 0,83%, bị sửa do nguyên nhân chủ quan giảm 0,35%. Năm 2009, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,71%, bị sửa là 4,21%. Qua các số liệu trên, có thể thấy nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS về cơ bản đã được Tòa án các cấp bảo đảm thực hiện khi hầu hết các bản án đều bảo đảm xét xử đúng pháp luật, số lượng án phải cải sửa ít và có xu hướng giảm.

2.2.2. Nguyên nhân của thành công và tồn tại trong thực tiễn thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Kết quả hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội qua các phân tích trong phần 2.2.1 cho thấy chúng ta đang có một bộ máy TTHS vận hành hiệu quả, có công suất lớn. Với số lượng vụ án và số lượng người phạm tội bị truy cứu TNHS về cơ bản đều tăng năm sau cao hơn năm trước, tỷ lệ án được giải quyết cũng đạt mức độ tăng tương ứng. Đặc biệt, tỷ lệ truy cứu TNHS thành công - hiệu suất buộc tội thành công ở mức độ rất cao, đây là thành công chung của bộ máy TTHS, là thành công chung của cuộc đấu tranh phòng tội phạm ở nước ta, và cũng là tiêu chí cơ bản để đánh giá những tư tưởng, quan điểm chủ đạo, định hướng về trách nhiệm khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội đã được hiện thực hóa. Theo chúng tôi, điều này có được nhờ những yếu tố sau:

Thứ nhất, yếu tố thể chế, thiết chế: do ưu việt, do đặc trưng của mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm và hình thức tổ tụng thẩm vấn khi xác định mục tiêu, nhiệm vụ của TTHS theo thứ tự ưu tiên là nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ được thực hiện ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố và qua xét xử tại phiên tòa mà không tập trung vào

giai đoạn xét xử như trong tố tụng tranh tụng. Ngoài ra, nhờ có sự tồn tại của mô hình VKS trong TTHS, khi VKS không chỉ là cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố mà còn có vai trò kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong toàn bộ quá trình giải quyết VAHS để phát hiện vi phạm pháp luật và đưa ra các kiến nghị, kháng nghị sửa chữa, khắc phục vi phạm.

Thứ hai, yếu tố pháp luật: do pháp luật TTHS đã trang bị những công cụ pháp lý bảo đảm cho quá trình truy cứu TNHS được diễn ra thuận lợi, "an toàn" cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là các quy định về việc phê chuẩn của VKS đối với những quyết định tố tụng quan trọng của CQĐT, quy định về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của VKS cho CQĐT, của Tòa án cho VKS, các quy định về việc tạm giam bị can... khi không khống chế thời hạn tố tụng tổng thể để giải quyết một vụ án. Với những quy định rất thuận lợi và "an toàn" như vậy, thậm chí đẩy bên bị buộc tội gánh chịu phần "thua thiệt" thì khả năng buộc tội thành công là rất lớn.

Thứ ba, yếu tố con người: không thể phủ nhận tinh thần trách nhiệm và quá trình làm việc vất vả, thậm chí nguy hiểm của những người tiến hành tố tụng so với các lĩnh vực nghề nghiệp khác. Bên cạnh đó, phải tính tới các yếu tố khác tác động tích cực đến tinh thần trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng: sự lãnh đạo của Đảng và sự giám sát của cơ quan dân biểu các cấp, cơ chế bổ nhiệm các chức danh tư pháp theo nhiệm kỳ, cơ chế thi đua - khen thưởng... Những yếu tố này đã định hình nên tâm lý "đã khởi tố là phải chắc" hoặc tâm lý "sợ thối án", "sợ kháng nghị" định vị trong tư duy tố tụng của các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và buộc họ phải tiến hành các hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội một cách chủ động, với tỷ lệ buộc tội thành công cao.

Từ thực trạng áp dụng và những tồn tại, hạn chế của các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS, chúng tôi cho rằng, về cơ bản là do những nguyên nhân dưới đây:

Thứ nhất, nguyên nhân về pháp luật. Mặc dù BLTTHS năm 2003 đã có những sửa đổi, bổ sung đáng kể các quy định về chế định khởi tố VAHS, tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, còn nhiều điều luật vẫn phải tiếp tục được hoàn thiện trong những lần pháp điển về sau, đó là các quy định về thẩm quyền, thời hạn, thủ tục tiến hành các hoạt động liên quan đến việc quyết định khởi tố vụ án, về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong những vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại... về trách nhiệm kiểm sát của VKS đối với việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố VAHS. Ngoài ra, còn nhiều bất cập khác trong các quy định của BLTTHS năm 2003 đã được chúng tôi phân tích trong phần 2.1.2 của luận án. Một số quy định của pháp luật hình sự còn có những hạn chế nhất định, chưa có hướng dẫn cụ thể dẫn đến khó khăn trong quá trình nhận thức, áp dụng của các chủ thể có trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS.

Thứ hai, nguyên nhân về tổ chức bộ máy và quan hệ kiểm sát, giám sát, phối hợp giữa các cơ quan của hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn khởi tố VAHS và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự (cùng với sự thay đổi về mặt tổ chức của CQĐT là sự điều chỉnh lại các đơn vị nghiệp vụ của ngành kiểm sát) đã tạo ra những thuận lợi đáng kể về tổ chức lực lượng cho các CQĐT trong việc phát hiện và xử lý tội phạm: bảo đảm sự phối hợp đồng bộ hiệu quả giữa điều tra tố tụng và điều tra trinh sát, chống bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tính chuyên sâu trong việc điều tra các loại án cũng như bảo đảm sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của CQĐT cấp trên và CQĐT cấp dưới, tập trung lực lượng, phương tiện vào việc điều tra... với cơ chế tổ chức lực lượng như hiện nay, pháp luật TTHS hiện hành đã tạo cho CQĐT trở thành trung tâm của hệ thống tư pháp hình sự: khởi tố đại đa số VAHS, vụ án một khi đã được khởi tố thì đại đa số được đề nghị truy tố, hồ sơ vụ án sau khi được CQĐT hoàn tất chuyển sang VKS là cơ sở để VKS buộc tội và luật sư bào chữa và sau nữa là để Tòa án xét xử. Như vậy, hoạt động khởi tố vụ án có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong toàn bộ quá trình xử lý vụ án,

trong khi đó, với CQĐT, khởi tố VAHS là một quy trình tương đối khép kín, vai trò của VKS trong giai đoạn khởi tố tuy đã được nâng cao đáng kể so với BLTTHS năm 1988 song trên thực tế vẫn chưa thể hiện được đầy đủ tính chất chế ước, kiểm sát đáng lẽ phải có để khắc phục những bất cập của mô hình tố tụng hiện tại khi chủ yếu phải dựa trên các sản phẩm tố tụng của CQĐT. Theo một số liệu của VKSNDTC khảo sát bất kỳ tại 42 tỉnh, thành phố và 180 VKS cấp huyện cho thấy trong số 161 Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong một năm: thụ lý giải quyết 5.185 vụ, trong đó có 1.675 vụ không thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra từ đầu, chiếm 32%; ở 61 phòng kiểm sát điều tra (cấp tỉnh) đã thụ lý giải quyết 5.918 vụ thì có 3.606 vụ không thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra được từ đầu, chiếm 39% [98, tr. 53]. Với những điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng công tác của lãnh đạo ngành kiểm sát, tỷ lệ này đã được cải thiện đáng kể trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, như cách nói của bà Võ Thị Kim Hồng, nguyên Viện trưởng VKSND thành phố Hồ Chí Minh, "những vụ án đặc biệt quan trọng thì kiểm sát chặt chẽ từ giai đoạn điều tra, những vụ án còn lại thường rất ít kiểm sát" [88]. Trên thực tế, nhiều nơi vẫn còn tình trạng CQĐT không thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp với VKS và VKS cũng thụ động chờ đợi kết quả điều tra và quan điểm đường lối giải quyết vụ án của CQĐT. Chế độ thông tin, báo cáo liên ngành, chế độ thống kê tố giác, tin báo về tội phạm thiếu kịp thời, chưa đầy đủ. Trong nội bộ mỗi ngành, công tác thanh tra chuyên ngành, công tác giám sát, kiểm tra của cấp trên với cấp dưới đôi khi chưa thường xuyên hoặc mang tính hình thức. Tại một số địa phương, lãnh đạo chưa chú ý việc kiểm điểm trách nhiệm cá nhân có sai phạm, chưa chú trọng việc đúc rút kinh nghiệm, chưa chú trọng việc điều chỉnh các khâu, các bộ phận trong đơn vị để phù hợp với thực tế đòi hỏi của công tác xử lý án... Ngoài ra, hoạt động khởi tố và xử lý VAHS còn bị chi phối bởi sự can thiệp của nhiều cá nhân, đoàn thể ở địa phương vượt quá thẩm quyền và vi phạm nguyên tắc Đảng lãnh đạo, vẫn còn tồn tại tình trạng can thiệp bằng công văn của các ngành có cán bộ vi phạm để "xử lý nội bộ", "rút

kinh nghiệm sâu sắc". Vụ án đất đai ở Đồ Sơn (Hải Phòng), vụ án tàng trữ, vận chuyển, lưu hành các giấy tờ có giá trị giả tại Cà Mau là những trường hợp điển hình của việc cấp ủy chỉ đạo quan điểm, đường lối xử lý vụ án, bất chấp sự thật khách quan của vụ án và dư luận xã hội. Trong vụ án Nông trường sông Hậu, "cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố vụ án xuất phát từ thông báo kết luận của Phó bí thư thường trực thành ủy tại cuộc họp ngày 18/3/2008, trong đó có chỉ đạo trực tiếp việc khởi tố vụ án, đồng thời cũng nêu rõ tội danh làm cơ sở khởi tố" (<http://www.tienphong.vn>, ngày 25/11/2009). Công văn số 1575/UBND-NC ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã thể hiện sự chỉ đạo án vô nguyên tắc của lãnh đạo thành phố và hoạt động khởi tố và xử lý vụ án: Thực hiện ý kiến kết luận của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 91-TB/VPTU ngày 20/3/2008 của Văn phòng Thành ủy về việc chuyển hồ sơ sang Cảnh sát điều tra về kết luận thanh tra tại Nông trường sông Hậu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến chỉ đạo như sau: Giao công an thành phố, sau khi thanh tra thành phố chuyển một số nội dung sai phạm của Nông trường sông Hậu sang Cảnh sát điều tra thì tổ chức họp báo, để công khai với báo chí... Trước mắt khởi tố vụ án về tội cố ý làm trái gây hậu quả nghiêm trọng. Những vụ án trên cũng là những ví dụ điển hình của tư tưởng "địa phương chủ nghĩa", thể hiện sự tùy tiện, coi thường pháp luật trong việc khởi tố và xử lý VAHS.

Thứ ba, nguyên nhân về trình độ nhận thức của một số cán bộ, công chức các cơ quan tiến hành tố tụng: vừa yếu về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ (ví dụ: quyết định trưng cầu giám định không tách thương tích khi người bị hại bị đa thương tích trong vụ án có đồng phạm hoặc có sự tham gia của nhiều người vào quá trình gây nên thương tích cho người bị hại, không thu giữ, bảo quản những vật chứng quan trọng trong quá trình khám nghiệm hiện trường các vụ vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ...) vừa yếu về kiến thức pháp luật, nắm luật hình sự cũng như luật TTHS không chắc, không cập nhật các văn bản pháp luật đặc biệt là các thông tư liên tịch hướng dẫn xử lý các tội cụ thể. Một số Điều tra viên, Kiểm sát viên thiếu

chủ động trong việc thực hiện các hoạt động ở giai đoạn khởi tố dẫn tới không bảo đảm thời hạn, tiến độ giải quyết vụ án cũng như không làm rõ được các vấn đề cần chứng minh, nghiên cứu đánh giá chứng cứ không toàn diện, không khách quan. Ngoài ra, những thói quen trong nhận thức và làm việc như ỷ lại, thụ động dựa vào cấp trên, vào đồng nghiệp, CQĐT làm nhưng đã có VKS phê chuẩn và chịu trách nhiệm nếu có oan sai, VKS phê chuẩn nhưng không kiểm sát kỹ vì tin tưởng vào CQĐT... Đặt trong bối cảnh những khó khăn khách quan của giai đoạn khởi tố mà chúng tôi đã phân tích (những thông tin về tội phạm chưa được thu thập đầy đủ, phải chuyển hóa kết quả điều tra trinh sát thành chứng cứ tố tụng, thời hạn khởi tố cũng như thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn trước khi khởi tố vụ án, đòi hỏi các hoạt động kiểm tra xác minh thông tin về tội phạm cũng như đưa ra các quyết định xử lý phải được tiến hành khẩn trương...), những người tiến hành tố tụng nếu không nắm chắc chuyên môn nghiệp vụ, không có những kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp đầy đủ (cán bộ điều tra nghiên cứu tài liệu chứng cứ ban đầu thiếu chính xác, cán bộ kiểm sát không bám sát hoạt động điều tra, không nắm được bản chất quá trình điều tra sau đó đề xuất lãnh đạo ký, phê chuẩn các quyết định xử lý vụ án, xử lý người bị tình nghi, lãnh đạo các phòng nghiệp vụ và thủ trưởng CQĐT, VKS là người không trực tiếp làm án, lại tin tưởng vào đề xuất của cấp dưới...) thì tất yếu khó có thể tránh khỏi những sai sót, vi phạm pháp luật tố tụng, dẫn tới những hệ quả như: bỏ lọt tội phạm, gây lãng phí, thiệt hại về tài sản, công sức cho chính bản thân cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan hỗ trợ tư pháp cũng như các cơ quan - tổ chức khác và những người có liên quan trong vụ án.

Thứ tư, nguyên nhân về đạo đức nghề nghiệp của những người có thẩm quyền trong việc khởi tố VAHS. Theo số liệu của Bộ Công an trong báo cáo tổng kết 4 năm thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị, lực lượng Cảnh sát điều tra có 24.454 cán bộ với 10.140 Điều tra viên, tuy nhiên, qua chuyên đề Bắt, giam giữ, xử lý án, thu giữ, xử lý vật chứng, đã xử lý kỷ luật 647 cán bộ chiến sĩ, đặc biệt, qua công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại,

tố cáo đã xử lý 2.097 cán bộ chiến sĩ. Những con số này phần nào cho thấy tình trạng suy thoái đạo đức của một bộ phận trong hệ thống tư pháp hình sự, là nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng tiêu cực của bộ máy tư pháp, dẫn đến khiếu nại trong TTHS gia tăng và diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo: "Trong lĩnh vực điều tra, chủ yếu khiếu nại về việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và khiếu nại về kết luận điều tra" [19].

Thứ năm, nguyên nhân về điều kiện vật chất và phương tiện làm việc chưa tương xứng với tính chất và yêu cầu công việc của CQĐT, VKS. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị đã đánh giá: "Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện nhiều nơi trụ sở còn rất chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu; chính sách đối với cán bộ tư pháp chưa tương xứng với nhiệm vụ và trách nhiệm vụ được giao" [15] và đến thời điểm hiện tại, tình trạng này vẫn chưa được khắc phục đáng kể.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

1. Pháp luật TTHS Việt Nam đã thiết kế được một cơ chế thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS tương đối hợp lý để bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc khởi tố vụ án. Về hình thức, một trình tự tố tụng đã được thiết lập từ các quy định về thẩm quyền, quy định về việc tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, về trách nhiệm chủ động áp dụng các biện pháp khác xác định tội phạm và xử lý người phạm tội ngay khi tiếp nhận thông tin về tội phạm (nếu có thể). Về nội dung, pháp luật TTHS cũng quy định khi nào ra quyết định khởi tố vụ án, khi nào ra quyết định không khởi tố vụ án, cũng như đặt ra các cơ chế giám sát tính có căn cứ của hoạt động khởi tố. Tuy pháp luật TTHS Việt Nam đã cụ thể hóa được nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS với những quy định đã nêu, nhưng vẫn còn nhiều điểm bất cập, nhiều lỗ hổng

dẫn tới sự tùy tiện áp dụng, lạm dụng quyền lực hoặc lệch lạc chức năng của cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Những kết quả xử lý vụ án, kết quả truy cứu TNHS người phạm tội của CQĐT, VKS, Tòa án được phân tích trong Chương 2 phản ánh tính hiệu quả và tính ưu việt của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm khi tỷ lệ buộc tội thành công tương đối cao và cũng phần nào phản ánh trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố và xử lý VAHS. Đặc biệt, kết quả truy cứu TNHS người phạm tội sau khi vụ án được khởi tố đã phản ánh tầm quan trọng của giai đoạn khởi tố trong mô hình tố tụng này, đó là: giai đoạn khởi tố về hình thức chỉ xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm, tạo cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp xác định tội phạm của giai đoạn điều tra nhưng về thực chất, giai đoạn khởi tố đã trở thành sự "khẳng định" sự tồn tại của tội phạm ngay từ thời điểm khởi tố. Bởi lẽ, vụ án khi đã được khởi tố thì hầu như việc truy cứu TNHS người phạm tội là thành công, xác định được đúng người phạm tội. Hơn nữa, thực tế cho thấy trọng tâm của toàn bộ quá trình xử lý VAHS lại rơi vào giai đoạn điều tra mà không phải là giai đoạn xét xử như trong tố tụng tranh tụng khi tội phạm đã được xác định tại giai đoạn điều tra thì sang đến giai đoạn truy tố, xét xử, quá trình xử lý vụ án chủ yếu mang tính chất kiểm tra, củng cố và xử lý người phạm tội với các dạng, mức TNHS tương ứng.

3. Bên cạnh những thành tựu đạt được rất đáng ghi nhận mà hệ thống tư pháp hình sự đã làm được thể hiện qua các kết quả và số liệu về hoạt động khởi tố VAHS, còn nhiều bất cập, hạn chế trong việc bảo đảm mọi tội phạm phải được khởi tố và xử lý kịp thời, trong việc thực hiện trách nhiệm ra quyết định không khởi tố vụ án, trong hàng loạt các vi phạm khi tiến hành những hoạt động tiếp nhận, kiểm tra xác minh tin báo và tố giác tội phạm. Ngoài ra, những bất cập trong công tác thống kê hình sự cũng là một vấn đề cần phải xem xét khi các cơ quan có thẩm quyền thiếu đi những căn cứ pháp lý quan trọng để nắm bắt kết quả thực hiện và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống và xử lý tội phạm.

4. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS nằm ở rất nhiều khâu, rất nhiều yếu tố. Chúng tôi nhận thấy có ba nhóm nguyên nhân chính: nguyên nhân do những bất cập của pháp luật, nguyên nhân do mối quan hệ chế ước, kiểm sát của VKS với CQĐT chưa thật sự hiệu quả, và nguyên nhân về vấn đề con người và công tác cán bộ. Tuy nhiên, pháp luật không phải là nguyên nhân chính dẫn tới việc một số cơ quan tiến hành tố tụng chưa làm việc chủ động, hiệu quả trong quá trình truy cứu TNHS người phạm tội, thậm chí pháp luật còn dành quá nhiều ưu đãi cho các cơ quan này khi thực thi trách nhiệm của họ, vấn đề là ở cơ chế chế ước, kiểm sát và ở chính ý thức pháp luật của những người tiến hành tố tụng. Trong khi đó, những bất cập của công tác khởi tố VAHS hiện tại lại có một phần nguyên nhân do những bất cập, hạn chế của chế định khởi tố VAHS trong BLTTHS hiện hành. Việc chỉ ra các nguyên nhân tồn tại trong thực tiễn thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là cơ sở quan trọng để tìm ra các giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc trong Chương 3 của luận án.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. NHU CẦU, QUAN ĐIỂM VỀ VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRÁCH NHIỆM KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1.1. Sự cần thiết nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Nhu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là mang tính khách quan và thường trực, nhu cầu này được xác định trên các phương diện sau đây:

1. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế xã hội, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm ở nước ta đang có xu hướng gia tăng, diễn biến ngày một phức tạp, đa dạng về loại tội phạm cũng như phương thức, thủ đoạn phạm tội. Điều này đặt ra những yêu cầu cao hơn cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm: việc khởi tố vụ án và truy cứu TNHS người phạm tội phải được thực hiện chủ động hơn, hiệu quả hơn, phải kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tội phạm và người phạm tội, kiên quyết không bỏ lọt tội phạm. Đồng thời, cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm cũng không thể nhân danh mục tiêu bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, nhân danh mục tiêu không bỏ lọt tội phạm để vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, nói cách khác, phải tôn trọng ở mức độ cao hơn những giá trị của quyền công dân, quyền con người. Do đó, trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS ngày càng phải được bảo đảm thực hiện ở mức độ cao hơn, nặng nề hơn.

2. Hệ thống tư pháp của đất nước ta nói chung và hệ thống tư pháp hình sự nói riêng trong những năm gần đây vẫn tồn tại nhiều điểm bất hợp lý trong việc tổ chức bộ máy, trong quy trình vận hành bộ máy. Chính vấn đề về

cơ cấu tổ chức, về cơ chế giám sát, phối hợp chế ước trong nội bộ mỗi cơ quan tiến hành tố tụng cũng như giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với nhau chưa được hoàn thiện đã tạo ra nhiều khoảng trống, nhiều trùng lặp, nhiều điểm bất cập trong công tác khởi tố và xử lý VAHS. CQĐT chưa được tổ chức theo hướng tập trung, thống nhất, tinh giản, chưa tách khỏi sự chỉ đạo điều hành của cơ quan hành pháp trong bộ máy nhà nước. VKS với nhiều quyền năng pháp lý để thực hành quyền công tố và kiểm sát toàn bộ quy trình tố tụng nhưng giữa quyền năng pháp lý và năng lực, điều kiện được trang bị để thực hiện được hết các quyền năng luật định là một khoảng cách đòi hỏi phải giải quyết rất nhiều vấn đề liên quan để thu hẹp khoảng cách đó. Tòa án - trung tâm của hệ thống tư pháp thực hiện chức năng xét xử, nhưng bị ràng buộc trong một cơ chế pháp lý là đối tượng bị kiểm sát của cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố và thực tế Hội đồng xét xử ở nhiều phiên tòa, còn là một chủ thể "buộc tội" thứ ba trong TTHS sau CQĐT và VKS. Đặc biệt, việc phát hiện tội phạm, tiếp nhận thông tin về tội phạm, kiểm tra xác minh thông tin về tội phạm chủ yếu do CQĐT đảm nhiệm trong khi các cơ quan khác rất khó kiểm sát, giám sát và như vậy, cơ chế này tạo ra một thực tế: CQĐT được trao cho chức năng "xét xử", sàng lọc đầu vào của TTHS: quyết định sự việc có dấu hiệu của tội phạm hay không có dấu hiệu của tội phạm, có xử lý hình sự hay không xử lý hình sự. VKS chỉ kiểm sát quá trình điều tra công khai và Tòa án chỉ xét xử kết quả của quá trình điều tra công khai với những vụ án được điều tra, truy tố. Nếu không đặt vấn đề nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS với các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về thẩm quyền và điều chỉnh hợp lý mối quan hệ giữa các cơ quan nêu trên, đặc biệt là mối quan hệ giữa CQĐT với VKS thì nguy cơ bỏ lọt tội phạm tại giai đoạn tố tụng đầu tiên này là rất khó kiểm soát.

3. Đang có những tín hiệu cho thấy một bộ phận không nhỏ độ ngũ cán bộ trong bộ máy tư pháp bị thoái hóa, biến chất. Hàng loạt các vụ tiêu cực của những người tiến hành tố tụng bị phát hiện trong thời gian gần đây cho

thấy những đánh giá của Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" đối với công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp không chỉ đúng tại thời điểm năm 2002 là vẫn rất xác đáng: "... phần lớn cán bộ làm công tác tư pháp giữ vững phẩm chất chính trị, có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ... một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng tới kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước" [15]. Do đó, nói tới trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS hay bất kỳ loại trách nhiệm nào khác là nói tới vấn đề ý thức, vấn đề con người. Một khi đạo đức không tốt, ý thức trách nhiệm không cao, thì chất lượng công việc sẽ không bảo đảm và nếu điều này xảy ra trong tố tụng thì tất yếu dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm, tình trạng oan sai, vi phạm các quyền tự do dân chủ của công dân trong đời sống xã hội.

Ngoài ra, thực tế khởi tố và xử lý VAHS ở nước ta được đặt trong bối cảnh một nền văn hóa nông nghiệp, làng xã. Tư tưởng khép kín, cục bộ trong không ít cơ quan, đơn vị của mỗi ngành điều tra, kiểm sát, Tòa án, của mỗi địa phương còn khá nặng nề, bệnh thành tích trong tố tụng đã góp phần hạn chế tính minh bạch, công khai và thông suốt của hoạt động tố tụng. Bệnh định kiến trong nhận thức về người bị tình nghi, suy đoán có tội còn tồn tại trong một bộ phận CQĐT, VKS. Tư tưởng "ban phát" của nhiều công chức nhà nước khi thực hiện các hoạt động công quyền, khi tiếp nhận, kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm, khi khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử VAHS đã khiến cho trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS nhiều khi trở thành quyền khởi tố và xử lý VAHS, khiến cho người dân với tâm lý "sợ pháp luật" từ bao đời nay hoặc không muốn tìm đến với pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống (tình trạng tự giải quyết, tự dàn xếp giữa hai bên trong các án thương tích, tình dục, giao thông, chức vụ... là những ví dụ minh họa điển hình) hoặc góp phần làm hư hỏng bộ máy tố tụng (chấp nhận chung sống với tiêu cực của bộ máy tố tụng, tư tưởng "chạy án" hơn là nhờ luật sư bào chữa, bảo vệ), là rào cản

cho tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Trong bối cảnh đó, quyền lực khởi tố và xử lý VAHS rất dễ đem lại quyền lợi trên thực tế và cũng rất khó trở thành "trách nhiệm" theo mong muốn của các nhà làm luật.

4. Nhận thức được tất cả các vấn đề trên, Đảng và Nhà nước đã và đang tiến hành cải cách tư pháp. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo và quyền lực Nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp... yêu cầu một thể chế tư pháp phải phù hợp với thể chế chính trị, và đặt ra rất nhiều vấn đề mà công cuộc cải cách tư pháp hiện nay đang rất khó giải quyết. Bản thân cải cách tư pháp cũng là một quá trình phức tạp vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 "Về một số nhiệm vụ trọng tâm của cải cách tư pháp trong thời gian tới" đưa ra những quan điểm cải cách mang tính đột phá trong việc tổ chức lại hệ thống CQĐT, VKS, Tòa án. Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác xây dựng Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đưa ra phương hướng: "kiện toàn các cơ quan tư pháp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả, gọn đầu mối..." nhưng căn cứ vào tình hình thực tế, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 lại yêu cầu: "Trước mắt VKSND giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp"; "trước mắt tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức CQĐT theo pháp luật hiện hành". Do đó, nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đặt trong bối cảnh của cải cách tư pháp vừa là một đòi hỏi đối với cải cách tư pháp, một nội dung mà cải cách tư pháp phải giải quyết.

5. Ở góc độ hoàn thiện pháp luật TTHS, chế định khởi tố VAHS được quy định trong BLTTHS năm 2003 còn có những bất cập, hạn chế nhất định, chưa thực sự trở thành một vũ khí pháp lý hữu hiệu cho cuộc đấu tranh chống tội phạm trên thực tiễn, thậm chí còn gây khó khăn, lúng túng cho người áp dụng pháp luật ngay từ vị trí "cửa ngõ" đặc biệt quan trọng của TTHS.

3.1.2. Quan điểm về việc nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Thứ nhất, xuất phát từ những đánh giá về thực tiễn thực hiện trách nhiệm khởi tố và truy cứu TNHS người phạm tội, các đề xuất nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc này phải tập trung vào việc khắc phục những bất cập, hạn chế của thực tiễn. Chương 2 của luận án đã khẳng định những thành công của hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội trong TTHS Việt Nam trên tiêu chí về tính chủ động, hiệu quả mà nguyên tắc này đặt ra. Pháp luật TTHS hiện hành đã tạo ra những công cụ pháp lý rất hữu hiệu để bảo đảm cho hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội được thuận lợi và đạt kết quả cao, vấn đề còn lại là yếu tố con người, do đó cần tập trung nhiều vào các giải pháp về vấn đề công tác cán bộ. Mặt khác, giai đoạn khởi tố VAHS và quá trình thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS còn rất nhiều những tồn tại cần phải khắc phục. Để nâng cao hiệu quả thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS, cần tập trung vào những giải pháp để ràng buộc trách nhiệm tiếp nhận, xác định dấu hiệu tội phạm, bảo đảm điều kiện về thời hạn và các điều kiện khác về trình tự, thủ tục khởi tố VAHS, các giải pháp minh bạch hóa việc quyết định phương án xử lý vụ án - quyết định khởi tố hay không khởi tố, chuyển xử lý bằng biện pháp khác...

Thứ hai, các giải pháp phải được đặt trong bối cảnh cải cách tư pháp, có sự phân tích, phản biện các vấn đề được thể hiện trong các văn kiện của của Đảng trong thời gian gần đây (Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 12/05/2006, Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 12/05/2006, các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI); qua đó, góp phần bổ sung, làm rõ các luận cứ, luận điểm về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, bảo đảm tính khả thi của các giải pháp được đưa ra (các giải pháp được đưa ra phải phù hợp với các điều kiện về nguồn lực con người mà

các cơ quan tiến hành tố tụng và biên chế, ngân sách nhà nước có thể đáp ứng được, phải phù hợp với các đặc điểm truyền thống pháp lý, văn hóa pháp lý của xã hội Việt Nam).

Thứ tư, bảo đảm tính kế thừa và phát triển các giá trị lập pháp trong lịch sử dân tộc, các giải pháp được đưa ra phải trên cơ sở chọn lọc, tiếp thu các ý kiến trong giới khoa học pháp lý, các nhà áp dụng pháp luật về chế định khởi tố VAHS đã được công bố và các kinh nghiệm lập pháp quốc tế phù hợp.

Để nguyên tắc này được thực hiện và phát huy hiệu quả áp dụng, phải có những bảo đảm về pháp luật, bảo đảm về cơ chế kiểm sát, giám sát, bảo đảm về vấn đề con người (trình độ chuyên môn, tư duy tố tụng, đạo đức nghề nghiệp) và các bảo đảm khác về chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS ở nước ta trong giai đoạn hiện nay cần được tiến hành với định hướng cụ thể sau đây:

1. Cần tập trung hoàn thiện chế định khởi tố VAHS để nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS nhưng trước hết ngay từ tên gọi của nguyên tắc này được quy định tại Điều 13 BLTTHS phải được chỉnh sửa chính xác hơn: "*Điều 13. Trách nhiệm khởi tố vụ án và truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội*". BLTTHS (sửa đổi) được Quốc hội khóa XI nước ta thông qua ngày 18/11/2003 tại kỳ họp thứ 4 là một sự kiện đánh dấu một bước phát triển mới trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta nói chung và pháp luật TTHS nói riêng. Việc sửa đổi bổ sung BLTTHS lần này được tiến hành tương đối đồng bộ, toàn diện và bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta. Mặc dù vậy, theo chúng tôi các quy định về khởi tố VAHS trong BLTTHS (sửa đổi) về cơ bản vẫn giữ nguyên như trước đây, không có sự sửa đổi, bổ sung nào đáng kể. Vì vậy, các nhà xây dựng pháp luật TTHS cần nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện các quy định của chế định khởi tố VAHS, mà trước mắt là khắc phục những bất cập đã được chỉ ra và phân tích trong Chương 2 của luận án.

2. Từ phương diện lập pháp cũng như tổ chức thực hiện, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền khởi tố, bảo đảm "tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong hoạt động tố tụng trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, không hữu khuynh hoặc đùn đẩy trách nhiệm" theo tinh thần của Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, không chỉ có phối hợp, mà cần phải có một cơ chế chế ước, giám sát hiệu quả trong TTHS. Sự chế ước, giám sát lẫn nhau trong việc thực thi các quyền lực tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng để bảo đảm cho hoạt động tố tụng được tiến hành minh bạch, đúng pháp luật. Sự chế ước, giám sát phải có cơ chế pháp luật và cơ chế thực tế để bảo đảm thực hiện. Do đó, chúng tôi cho rằng cần chỉnh sửa các quy định về thẩm quyền và mối quan hệ giữa các chủ thể trong hoạt động khởi tố và xử lý VAHS cho phù hợp với các vấn đề lý luận và thực tiễn, cần tập trung vào các giải pháp cụ thể, thiết thực, giúp cho CQĐT chủ động hơn khi thực hiện trách nhiệm khởi tố VAHS cũng như hoạt động kiểm sát của VKS có hiệu quả hơn, tạo cho VKS có vị thế, vai trò lớn hơn trong thực tiễn khởi tố VAHS.

3. Tổng nhất lại nhận thức trong việc thực hiện các hoạt động khởi tố VAHS và truy cứu TNHS của CQĐT và VKS để hạn chế tư tưởng chủ quan, phiến diện, áp đặt, định kiến khi một chủ thể (CQĐT) vừa làm công tác điều tra trinh sát để phát hiện, phòng ngừa tội phạm, vừa thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng để xác định tội phạm, khi VKS còn thụ động, không theo sát hoạt động tiếp nhận, kiểm tra xác định dấu hiệu của tội phạm trong giai đoạn khởi tố. Nâng cao chất lượng chuyên môn và phẩm chất đạo đức cho những người có trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS nhằm khắc phục những bất cập, yếu kém về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của một bộ phận Điều tra viên, Kiểm sát viên hiện nay, có chế độ tuyển dụng, bổ nhiệm và kỷ luật minh bạch, công bằng đối với những người tiến hành tố tụng. Bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động khởi tố và xử lý VAHS và hoạt động giám sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố VAHS.

Những quan điểm, định hướng nêu trên sẽ được luận án phân tích, làm rõ trong các nội dung tiếp theo về các giải pháp cụ thể để hoàn thiện và bảo đảm thực hiện nội dung nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS.

3.2. GIẢI PHÁP VỀ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Như đã đề cập trong phần quan điểm về các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, trên bình diện chung, pháp luật TTHS đã có những chế định, quy định rất thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng để thực hiện hoạt động truy cứu TNHS người phạm tội một cách chủ động, hiệu quả. Tuy nhiên, trong việc bảo đảm cho trách nhiệm khởi tố VAHS được thực hiện, chế định khởi tố VAHS trong BLTTHS và các văn bản liên quan còn nhiều bất cập, dẫn tới những hạn chế trong thực tiễn giai đoạn khởi tố VAHS hiện nay. Vì vậy, luận án tập trung đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể dưới đây trong chế định khởi tố VAHS.

3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm tiếp nhận thông tin về tội phạm, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết thông tin về tội phạm trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Như đã phân tích, quy định của Điều 101 BLTTHS năm 2003 chưa bảo đảm được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của công dân cũng như trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận thông tin về tội phạm. Điều này dễ dẫn đến những trường hợp từ chối tiếp nhận thông tin của cơ quan có thẩm quyền cũng như không tạo ra được cơ sở để VKS kiểm sát việc tiếp nhận, tuân thủ thời hạn kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm. Vì vậy, chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 101 BLTTHS năm 2003 như sau:

Công dân có quyền và nghĩa vụ tố giác tội phạm với các cơ quan tiến hành tố tụng và với các cơ quan, tổ chức khác bằng miệng, bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác do Chính phủ quy định. Việc tiếp nhận phải lập

thành biên bản và giao người tố giác giữ một bản. *Cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố giác của công dân phải báo tin ngay về tội phạm cho Cơ quan điều tra bằng văn bản.*

Biên bản tiếp nhận thông tin về tội phạm cần được coi là một văn bản tố tụng, là cơ sở để xác định thời hạn khởi tố VAHS. Do đó, văn bản này tuân thủ các điều kiện của biên bản được quy định tại Điều 95 BLTTHS, ngoài ra, về hình thức biên bản ở cấp độ dưới luật, cũng cần rà soát để ban hành biểu mẫu thống nhất. Trong mẫu biên bản, phải có sẵn các thông tin về quyền và nghĩa vụ của người báo tin (quyền được bảo vệ trong những cần thiết, quyền được giữ bí mật họ tên, địa chỉ... của người tố cáo, quyền được thông báo kết quả quá trình giải quyết, quyền được khiếu nại, nghĩa vụ trình bày trung thực...). Với những quy định, biện pháp cụ thể, đơn giản nhưng rất thiết thực này, công dân có cơ sở để chứng minh việc họ đã tố giác, báo tin về tội phạm cho cơ quan, tổ chức để khiếu nại trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện nghĩa vụ kiểm tra, xác minh thông tin, VKS có cơ sở để kiểm sát việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT.

Chúng tôi cũng đề xuất sửa đổi Điều 103 BLTTHS về nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, trong đó cần quy định rõ hơn trách nhiệm thông báo cho VKS về việc tiếp nhận. Cụ thể:

1. Cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, chuyển ngay các thông tin về tội phạm đã tiếp nhận kèm theo những tài liệu có liên quan đến cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án. Cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án phải chuyển bản sao biên bản tiếp nhận và bản sao những tài liệu có liên quan tới Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tiếp nhận.

Kiểm soát thông tin về tội phạm có được tiếp nhận, giải quyết hay không là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Nếu không kiểm soát được tình hình tiếp

nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố... không những không khắc phục được tình trạng bỏ lọt tội phạm mà còn tạo ra kẽ hở cho những tiêu cực phát sinh. Do vậy, cần có những cơ chế kiểm sát hoạt động tiếp nhận thông tin về tội phạm hiệu quả mà điều luật trên là một cơ chế kiểm sát hữu hiệu. Ngoài ra, BLTTHS cần quy định quyền và nghĩa vụ kiểm sát việc *tiếp nhận* tố giác, tin báo về tội phạm của VKS mà không chỉ là quyền và nghĩa vụ kiểm sát việc *giải quyết* tố giác, tin báo về tội phạm như hiện nay, bởi nếu không kiểm sát được việc tiếp nhận bao nhiêu tin báo, tố giác thì chỉ với mỗi thẩm quyền kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác sẽ rất khó có được những bảo đảm thực tế để thực hiện hiệu quả. Khoản 4 Điều 103 quy định VKS có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT nhưng không quy định trách nhiệm của CQĐT trong việc thông báo đầy đủ các tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố đã tiếp nhận để VKS thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết các tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố.

Vì thế, chúng tôi kiến nghị cần bổ sung khoản 4 Điều 103 BLTTHS như sau:

4. VKS có trách nhiệm kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết của CQĐT đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Bên cạnh đó, để bảo đảm và tạo điều kiện cho VKS thực hiện tốt chức năng của mình, BLTTHS và các thông tư liên tịch cần quy định rõ hơn về cơ chế quản lý, những biện pháp mà VKS có thể áp dụng để thực hiện được trách nhiệm kiểm sát việc tiếp nhận, tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT.

3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm xác định dấu hiệu của tội phạm

Trong giai đoạn khởi tố VAHS, các biện pháp kiểm tra xác minh là tổng hợp các hoạt động mang tính chất quản lý hành chính về trật tự xã hội,

các hoạt động điều tra bí mật và các hoạt động điều tra tố tụng. BLTTHS không thể điều chỉnh các hoạt động điều tra bí mật của CQĐT. Các hoạt động mang tính chất quản lý hành chính về trật tự xã hội được áp dụng để kiểm tra, xác minh dấu hiệu của tội phạm không cần thiết điều chỉnh bằng các quy phạm pháp luật TTHS. Tuy nhiên, những hoạt động điều tra tố tụng nào được tiến hành trước khi khởi tố VAHS lại rất cần được làm rõ để xác định tính hợp pháp của việc áp dụng (có đúng chủ thể không, có đúng đối tượng không, có đúng thời điểm không...). Hiện nay, thiếu một quan điểm chính thống với nhiều cách hiểu lẫn lộn trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Ví dụ: theo cách hiểu phổ biến trong các giáo trình luật TTHS là các hoạt động điều tra chỉ được tiến hành sau khi khởi tố vụ án nhưng trên thực tế, ở nhiều nơi, một số lượng đáng kể hoạt động điều tra, biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng trước khi khởi tố vụ án. Để CQĐT có cơ sở pháp lý chính thức để áp dụng và VKS cũng có cơ sở pháp lý chính thức để kiểm sát, đốc thúc CQĐT áp dụng nhằm đẩy nhanh tiến độ quá trình xác định dấu hiệu tội phạm, bảo đảm các dấu hiệu của tội phạm không bị mất đi hoặc biến dạng theo thời gian, rất cần có những nhận thức lại chính xác hơn về thời điểm được phép áp dụng một số hoạt động điều tra. Ví dụ, hoạt động trưng cầu giám định không được quy định là có thể được tiến hành trước khi khởi tố VAHS, trong khi kết quả giám định với nhiều trường hợp lại là cơ sở để xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm để khởi tố, đa phần CQĐT để thương tích ở mức độ ổn định tương đối mới thực hiện việc trưng cầu nhưng có khi trưng cầu quá sớm hoặc quá muộn dẫn tới mức độ thương tích được giám định có tỷ lệ thấp không cấu thành tội phạm.

Từ phương diện thực tiễn cũng như từ phương diện luật thực định, chúng tôi nhận thấy bên cạnh biện pháp khám nghiệm hiện trường được luật quy định rõ có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án, việc áp dụng các biện pháp khám nghiệm tử thi, trưng cầu giám định, định giá tài sản, xem xét dấu vết trên thân thể, khám người, khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, đồ vật, thư tín, điện tín,

bưu kiện, bưu phẩm đều có thể được áp dụng trước khi khởi tố vụ án. Thực tế BLTTHS cũng đã gián tiếp quy định cho phép áp dụng trước thời điểm có quyết định khởi tố vụ án (Điều 152 quy định phạm vi đối tượng áp dụng đối với cả với người bị bắt, bị tạm giữ), (Điều 141 về khám người, khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm quy định phạm vi chủ thể áp dụng đối với cả những người được liệt kê tại khoản 2 Điều 81 BLTTHS). Vì vậy, chúng tôi cho rằng, cần có sự nhận thức chính xác hơn về thời điểm áp dụng một số biện pháp điều tra tố tụng, bên cạnh đó, BLTTHS cũng cần quy định thời điểm áp dụng các biện pháp khám nghiệm tử thi, trung cầu giám định có thể được áp dụng trước khi khởi tố vụ án. Cụ thể:

Chúng tôi đề xuất bổ sung Điều 151 BLTTHS như sau:

1. Việc khám nghiệm tử thi do Điều tra viên tiến hành có bác sĩ pháp y tham gia và phải có người chứng kiến. *Việc khám nghiệm tử thi có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án...*

Chúng tôi đề xuất bổ sung Điều 155 BLTTHS như sau:

1. Khi có những vấn đề cần được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc khi xét thấy cần thiết thì cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trung cầu giám định. *Việc trung cầu giám định có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án...*

Chúng tôi cũng đề xuất BLTTHS cần quy định về hoạt động định giá tài sản trong TTHS (bởi về bản chất định giá tài sản cũng là một hình thức trung cầu những người có kiến thức chuyên môn về giá trị của tài sản, nói cách khác đây là một dạng trung cầu giám định), và trong điều luật quy định về hoạt động định giá tài sản, cần làm rõ việc định giá tài sản có thể được áp dụng trước khi khởi tố vụ án.

Về thời hạn kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm theo khoản 2 Điều 103 BLTTHS:

Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng [51].

Chúng tôi cho rằng, quy định như pháp luật hiện hành là không phù hợp với thực tiễn, những luận cứ chứng minh cho sự không phù hợp đã được chúng tôi phân tích trong Chương 2. Do vậy, cần sửa đổi lại theo hướng sau: *thứ nhất*, không thể tùy tiện sử dụng loại thời hạn gia hạn 2 tháng để áp dụng cho những sự việc đơn giản, kiểm tra xác minh thuận lợi từ đó thoái thác trách nhiệm xác định dấu hiệu của tội phạm và ban hành quyết định khởi tố VAHS. Những sự việc được cho là "có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm" thì CQĐT phải có công văn đề nghị VKS gia hạn và có quyết định phê chuẩn của VKS; *thứ hai*, không thể cứng nhắc cho rằng thời hạn 2 tháng cũng là đủ đối với những trường hợp cần gia hạn, để bảo đảm thực hiện tốt trách nhiệm khởi tố VAHS, CQĐT cũng có thể được kéo dài thời hạn kiểm tra, xác minh với thủ tục tố tụng tương tự như trên, theo chúng tôi, để phù hợp với thực tế, tổng thời hạn khởi tố trong trường hợp kể cả gia hạn có thể kéo dài thành 3 tháng (là thời gian thường đủ để trưng cầu giám định và có kết quả trưng cầu giám định tỷ lệ thương tật đối với án gây thương tích, án giao thông là những loại án vi phạm thời hạn khởi tố nhiều nhất trong thực tiễn hiện nay). Cụ thể, chúng tôi đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 103 BLTTHS như sau:

Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo *có thể được gia hạn*

nhưng không quá ba tháng. Việc gia hạn kiểm tra, xác minh phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn.

3.2.1.3. Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm ra quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự

Về tình trạng nhiều CQĐT không thực hiện trách nhiệm ra quyết định không khởi tố VAHS khi không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm, có ý kiến cho rằng không nên quy định cho CQĐT có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính như hiện nay [119], vì chính quy định về thẩm quyền như trên đã tạo ra sự tùy tiện, lạm dụng cho CQĐT trong những trường hợp đáng lẽ phải xử lý hình sự nhưng chuyển sang xử lý hành chính mà sự tùy tiện, lạm dụng này rất khó bị kiểm soát. Do vậy, cần bỏ quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy quy định tại khoản 5, khoản 7 Điều 30 Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Những ý kiến trên không phải là hoàn toàn không có cơ sở, tuy nhiên, để nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện hơn, chúng tôi cho rằng cần phải gắn với mô hình tổ chức CQĐT ở Việt Nam hiện nay. Đa số các CQĐT ở nước ta thuộc lực lượng Công an nhân dân. Các CQĐT này theo mô hình tổ chức của pháp luật hiện hành vừa làm công tác điều tra tội phạm, vừa phải thực hiện chức năng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự xã hội. CQĐT là một bộ phận quan trọng của lực lượng Công an nhân dân thực hiện đấu tranh phòng chống các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Điều 14 Luật Công an nhân dân quy định Công an nhân dân có thẩm

quyền tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra tội phạm, thực hiện xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp xử lý hành chính khác theo quy định của pháp luật... Để thực hiện nhiệm vụ giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, thực hiện thống nhất quản lý về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội mà Luật Công an nhân dân quy định, quy định như khoản 5, khoản 7 Điều 30 Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính như hiện nay là hợp lý. Về lâu dài, để bảo đảm không bị lẫn lộn giữa thẩm quyền quản lý hành chính về trật tự xã hội và thẩm quyền điều tra tố tụng; để hạn chế những tùy tiện, lạm dụng thẩm quyền ở nhiều quốc gia trên thế giới, về chức năng, CQĐT được quy định là cơ quan chuyên trách để thực hiện chức năng điều tra tội phạm, và về cơ cấu tổ chức, CQĐT không nằm trong cơ quan quản lý hành chính nhà nước về trật tự, an toàn xã hội hay cơ quan có chức năng bảo vệ an ninh quốc gia. Tuy nhiên, với mô hình tổ chức CQĐT như hiện tại, rất khó để có thể bỏ quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của CQĐT. Chúng tôi cũng đề xuất nghiên cứu việc phân định rõ nét hơn thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền tố tụng của CQĐT trong lực lượng Công an nhân dân.

Cũng có ý kiến đề xuất BLTTHS quy định VKS có thẩm quyền kiểm sát việc xử lý hành chính của CQĐT. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 137 Hiến pháp, VKS chỉ có chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp và đã không còn thẩm quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội (kiểm sát chung) như trước đây. Ngoài ra, còn có ý kiến đề xuất sửa đổi BLTTHS nhằm quy định Viện kiểm sát là đầu mối tiếp nhận và quyết định việc phân loại, xử lý tất cả tố giác, tin báo về tội phạm do cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp [119]. Tuy nhiên, ý kiến này cũng không khả thi. Do đó, chúng tôi cho rằng trước mắt cần hoàn thiện pháp luật TTHS với những biện pháp cụ thể nhằm ràng buộc hơn nữa trách nhiệm của CQĐT trong việc ra quyết định khởi tố hay không khởi tố VAHS cũng như

những biện pháp cụ thể nhằm bảo đảm phát huy hơn nữa vai trò của VKS trong giai đoạn khởi tố VAHS. Với cách đặt vấn đề như vậy, trong giải pháp tổng thể về hoàn thiện pháp luật TTHS, chúng tôi phân tích và đưa ra các đề xuất, kiến nghị cụ thể dưới đây.

Tại khoản 2 Điều 103 BLTTHS năm 2003 quy định: "2. Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc *quyết định* không khởi tố vụ án hình sự". Như vậy, cuối giai đoạn khởi tố, CQĐT có trách nhiệm quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố VAHS. Mặc dù BLTTHS năm 2003 đã bổ sung từ "quyết định" trước cụm từ "không khởi tố vụ án hình sự", nhưng vẫn cần phải làm rõ: "quyết định" trong trường hợp này là hành vi tố tụng hay văn bản tố tụng. Hơn nữa, trong khi khoản 2 Điều 103 BLTTHS quy định: "Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự" - có nghĩa là chỉ có sự lựa chọn một trong hai quyết định khởi tố hoặc không khởi tố VAHS thì tại Điều 108 BLTTHS quy định: "... nếu xét cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan, tổ chức hữu quan giải quyết", như vậy, đã tạo thêm một sự lựa chọn thứ ba là không ra quyết định không khởi tố VAHS mà chuyển cơ quan khác xử lý.

Vì thế, với trường hợp quyết định khởi tố thì đương nhiên ra văn bản "Quyết định khởi tố vụ án hình sự" nhưng với trường hợp quyết định không khởi tố thì nhiều nơi lại không ra văn bản "Quyết định không khởi tố vụ án hình sự" mà ra quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc trực tiếp chuyển cơ quan khác xử lý bằng biện pháp khác. Điều này dẫn tới việc không kiểm sát được kết quả và quan điểm giải quyết của cơ quan có thẩm quyền khởi tố, tạo

cơ hội cho tiêu cực nảy sinh. Vì vậy, theo chúng tôi cần thống nhất nhận thức "quyết định" trong cả hai trường hợp khởi tố hay không khởi tố đều phải thể hiện bằng văn bản tố tụng, có nghĩa là ngay cả khi CQĐT quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc trực tiếp chuyển cơ quan khác xử lý thì cũng phải ban hành quyết định không khởi tố VAHS. Đề xuất này có thể bị một số ý kiến cho rằng sẽ làm phức tạp hóa vấn đề. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng vẫn phải thực hiện để hạn chế tính tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật hình sự cũng như hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm từ chính CQĐT và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Hiện nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà chức năng kiểm sát "chung" của VKS không còn tồn tại, vì thế, cũng rất khó kiểm sát các trường hợp áp dụng pháp luật hành chính, dân sự để giải quyết những vụ việc cần phải xử lý hình sự. Chống bỏ lọt tội phạm ngay từ khâu lựa chọn biện pháp xử lý là một đòi hỏi quan trọng mà chưa có giải pháp hữu hiệu. Do đó, dù tốn kém, dù mất nhiều thời gian nhưng chúng tôi cho rằng trong mọi trường hợp sau khi tiếp nhận và kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thấy có căn cứ để xử lý hành chính thì các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vẫn phải ra quyết định không khởi tố VAHS. Mặt khác, BLTTHS cũng chỉ có thể dành cho VKS sự kiểm sát hai quyết định của CQĐT: khởi tố VAHS, không khởi tố VAHS. Nếu xét quyết định khởi tố vụ án không có căn cứ thì VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định hủy bỏ, nếu CQĐT không hủy bỏ thì VKS trực tiếp ra quyết định hủy bỏ; nếu xét quyết định không khởi tố vụ án không có căn cứ thì VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định khởi tố VAHS, nếu CQĐT không khởi tố thì VKS trực tiếp ra quyết định khởi tố. Nhưng đối với trường hợp xử lý bằng biện pháp khác thì VKS không có căn cứ luật định để kiểm sát.

Từ những phân tích trên, chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 108 BLTTHS với việc bổ sung cụm từ "ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự và" trước cụm từ "chuyển hồ sơ cho cơ quan, tổ chức hữu quan giải quyết", cụ thể:

1. Khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 của Bộ luật này thì người có quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự; nếu đã khởi tố thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm biết rõ lý do; nếu xét cần xử lý bằng biện pháp khác thì ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự và chuyển hồ sơ cho cơ quan, tổ chức hữu quan giải quyết.

Khoản 3 Điều 103 BLTTHS hiện hành quy định: "Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo cho cơ quan tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết" nhưng không quy định hình thức và thời hạn thông báo cho cơ quan tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết, hơn nữa nội dung thông báo rất chung chung và không có cơ sở để khẳng định kết quả đó là đúng hay sai, có phù hợp với các tài liệu chứng cứ phản ánh sự thật khách quan không và đặc biệt là không trả lời được câu hỏi cơ quan có thẩm quyền khởi tố đã làm gì để xác minh thông tin về tội phạm mà họ đã cung cấp. Do đó, hạn chế này đã góp phần định hình trong tâm lý người dân là khởi tố, xử lý VAHS là quyền mà không phải là nghĩa vụ của CQĐT và các chủ thể khởi tố khác.

Vì vậy, sau khi kiểm tra, xác minh tin báo tố giác về tội phạm, tùy theo kết quả xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm, theo chúng tôi, cơ quan có thẩm quyền khởi tố phải ra hai trong ba văn bản sau:

Trường hợp thứ nhất: có dấu hiệu của tội phạm, chủ thể khởi tố ra Quyết định khởi tố vụ án và ra văn bản thông báo kết quả quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố cho VKS cùng cấp và cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết.

Trường hợp thứ hai: khi có căn cứ không khởi tố, chủ thể khởi tố ra Quyết định không khởi tố vụ án và ra văn bản thông báo kết quả quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố cho VKS cùng cấp

và cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết. Trong văn bản thông báo này, nêu rõ sự việc được xử lý hành chính hoặc chuyển cơ quan khác giải quyết theo thẩm quyền.

Do đó, cần quy định cụ thể hơn khoản 3 Điều 103 BLTTHS năm 2003 về trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền trong việc thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố như sau: "*3. Kết quả quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố phải được thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết*".

Với sự bổ sung này, có hai quy định mới để ràng buộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền khởi tố:

Một là, trong mọi trường hợp khi đã tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mà không khởi tố vụ án (trừ trường hợp chuyển cơ quan khác đúng thẩm quyền để khởi tố và xử lý vụ án) đều phải ra quyết định không khởi tố VAHS.

Hai là, trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố: về hình thức, bằng văn bản mà không phải là bằng bất kỳ hình thức nào khác; về nội dung, văn bản này phải phản ánh quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố và kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền. Từ đó, cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác giám sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định xử lý này và VKS cũng thuận lợi hơn trong công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật, hạn chế trường hợp xử lý bằng biện pháp khác hoặc chuyển cơ quan, tổ chức hữu quan giải quyết nhằm bỏ lọt tội phạm mà không ai biết, không ai giám sát.

Như vậy, với các quy định mới như trên, cùng với biện pháp VKS luân phiên cử cán bộ trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận thông tin về tội phạm

tại CQĐT, với biện pháp một thông tin về tội phạm được ghi nhận đồng thời trong sổ tiếp nhận của CQĐT và VKS, với biện pháp sử dụng phần mềm quản lý và truyền dẫn dữ liệu về tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố qua các công thông tin điện tử giữa CQĐT, VKS, cùng với các biện pháp khác sẽ đề cập dưới đây, chúng tôi cho rằng sẽ có sự chuyển biến về chất trong việc thực hiện các nhiệm vụ của giai đoạn khởi tố VAHS.

Về mở rộng thẩm quyền khởi tố vụ án của Viện kiểm sát

Như đã phân tích những bất cập của việc giới hạn VKS chỉ có thẩm quyền ra quyết định khởi tố VAHS trong hai trường hợp tại Điều 104 BLTTHS năm 2003: VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố của các cơ quan khác và trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án, theo chúng tôi cần phải nói rộng hơn thẩm quyền này. Chúng tôi kiến nghị bổ sung Điều 104 BLTTHS - bổ sung trường hợp thứ ba VKS có trách nhiệm ra quyết định khởi tố VAHS như sau:

Khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp mà xác định được có dấu hiệu của tội phạm, sau khi Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố nhưng quá thời hạn quy định tại Điều 103 Bộ luật này mà yêu cầu của Viện kiểm sát không được thực hiện thì Viện kiểm sát sẽ ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

3.2.1.4. Hoàn thiện một số quy định khác

**** Về quy định Hội đồng xét xử có thẩm quyền khởi tố VAHS***

Từ các luận cứ lý luận về chức năng của TTHS và từ thực tiễn thực hiện thẩm quyền này của HĐXX đã được phân tích trong Chương 1 và 2 của luận án, chúng tôi đề xuất bỏ quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hoặc yêu cầu khởi tố vụ án của HĐXX tại đoạn 3 khoản 1 Điều 103 và do đó bỏ quy định tại khoản 3 Điều 109 BLTTHS.

*** Về Điều 107 BLTTHS, các trường hợp không khởi tố VAHS**

Chúng tôi đề xuất điều luật này nên được bổ sung trường hợp người bị hại không yêu cầu khởi tố là một căn cứ không khởi tố VAHS. Cụ thể, Điều 107 BLTTHS sẽ quy định các căn cứ không khởi tố VAHS như sau:

1. Không có sự việc phạm tội;
2. Hành vi không cấu thành tội phạm;
3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự;
4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;
5. Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS;
6. Tội phạm đã được đại xá;
7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.
8. *Người bị hại không có yêu cầu khởi tố trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật này.*

Như vậy, khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu khởi tố VAHS trong trường hợp vụ án được quy định khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định khởi tố. Đây thực chất là sự sắp xếp lại các điều luật (Điều 107 và Điều 105 BLTTHS) để bảo đảm tính chặt chẽ trong kỹ thuật lập pháp.

*** Về trách nhiệm khởi tố VAHS theo yêu cầu của người bị hại**

Điều 105 BLTTHS năm 2003: khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, cần được bổ sung như sau:

Thứ nhất, theo quy định tại Điều 105 BLTTHS năm 2003:

Những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của Bộ luật hình sự chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất [51].

Như vậy, việc xác định trường hợp nào được khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại dựa trên hai tiêu chí: tính chất của tội phạm (tội danh) và loại tội phạm (tội ít nghiêm trọng). Tuy nhiên, cần bổ sung trường hợp người chưa thành niên lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cũng có thể thuộc trường hợp được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, cần nghiên cứu áp dụng những hạt nhân hợp lý của "tư pháp phục hồi" (*restorative justice*). Tư pháp phục hồi là một luận thuyết về hệ thống tư pháp chú trọng việc sửa chữa thiệt hại do những hành vi phạm pháp luật, do tội phạm gây ra. Luận thuyết tư pháp phục hồi dựa trên ba nguyên tắc căn bản, đó là: (i), phải khôi phục những thiệt hại mà tội phạm gây ra; (ii), người chưa thành niên nếu có nguyện vọng, phải được tạo điều kiện tham gia trực tiếp vào quá trình khôi phục thiệt hại, qua đó "khôi phục nhân cách" của bản thân; (iii), vai trò của Nhà nước là bảo đảm trật tự công cộng, xây dựng và duy trì và phục hồi sự ổn định. Một trong những mục tiêu của việc quy định các trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại cũng là xây dựng và duy trì ổn định và mục tiêu của tư pháp người chưa thành niên cũng là nhằm giáo dục cảm hóa người chưa thành niên. Do đó, việc nghiên cứu áp dụng quy định về khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong vụ án về người chưa thành niên là điều hoàn toàn hợp lý, có giá trị phục hồi nhân cách cho người chưa thành niên tốt hơn là sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can mới miễn TNHS cho họ theo khoản 2 Điều 69 BLHS.

Thứ hai, cần quy định về thời hạn chậm nhất yêu cầu khởi tố. Trong nhiều trường hợp, sự chậm trễ trong việc yêu cầu khởi tố đã gây cản trở tới

tiến độ khởi tố VAHS của CQĐT. Do đó, cần ràng buộc trách nhiệm bày tỏ ý chí của người bị hại trong thời hạn 20 ngày hoặc lâu hơn nhưng phải trước thời điểm cuối cùng cơ quan có thẩm quyền khởi tố ra quyết định khởi tố.

Thứ ba, cần làm rõ trường hợp khi quyết định khởi tố, cơ quan có thẩm quyền xác định loại tội phạm khởi tố là tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nhưng trong quá trình điều tra, nhận thấy loại tội phạm chính xác chỉ là tội phạm ít nghiêm trọng thuộc khoản 1 các điều luật được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Vậy, người bị hại có còn có quyền yêu cầu không khởi tố hoặc rút yêu cầu khởi tố nữa không. Về mặt lý luận, chúng tôi cho rằng, bản chất yêu cầu khởi tố VAHS của người bị hại là yêu cầu xử lý hình sự đối với sự việc phạm tội mà mình là người bị hại. Khi vụ án chưa được khởi tố, người bị hại có yêu cầu khởi tố tức là yêu cầu xử lý hình sự đối với sự việc phạm tội, khi vụ án đang được điều tra và xác định thuộc trường hợp theo Điều 105 BLTTHS, người bị hại vẫn có quyền "yêu cầu khởi tố" tức là quyền yêu cầu tiếp tục xử lý VAHS, người bị hại vẫn có quyền "rút yêu cầu khởi tố" tức là quyền yêu cầu chấm dứt việc xử lý hình sự đối với sự việc phạm tội đó. Tuy nhiên, khi người bị hại "rút yêu cầu khởi tố", vụ án có được đình chỉ hay không vẫn là vấn đề gây tranh cãi vì không có căn cứ đình chỉ vụ án.

Vì vậy, chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 105 BLTTHS như sau:

Điều 105. Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại

1. Những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của BLHS và những vụ án do người chưa thành niên lần đầu thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại trong trường hợp người bị hại là người chưa thành niên, có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

2. Trong thời hạn hai mươi ngày, người bị hại phải có đơn yêu cầu khởi tố hoặc đơn yêu cầu không khởi tố gửi đến CQĐT. Nếu quá thời hạn này, vụ án được xử lý theo thủ tục chung.

Trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì vụ án phải được đình chỉ.

Trong trường hợp người bị hại rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì CQĐT, VKS, Tòa án vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

3. Trong quá trình điều tra, truy tố vụ án theo thủ tục tố tụng chung, xét thấy có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, CQĐT, VKS phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án và thông báo cho người bị hại biết quyền yêu cầu tiếp tục xử lý vụ án hoặc đình chỉ vụ án. Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được thông báo, người bị hại phải gửi đơn yêu cầu tiếp tục xử lý vụ án hoặc đình chỉ vụ án tới CQĐT hoặc VKS.

Trong trường hợp vụ án đã được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nhưng qua quá trình điều tra, truy tố, xét thấy không còn căn cứ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, CQĐT, VKS phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án và thông báo cho những người tham gia tố tụng biết về việc vụ án sẽ được giải quyết theo thủ tục chung.

4. Người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức.

*** Đề xuất hoàn thiện các quy định về trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự của các cơ quan khác có thẩm quyền khởi tố**

Thứ nhất, với các quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự hiện nay, thẩm quyền khởi tố của các đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển chủ yếu là những tội phạm trong lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan đó. Quy định về thẩm quyền như vậy

nhằm bảo đảm tính chuyên sâu cần thiết của hoạt động điều tra, đặc biệt khi các cơ quan này không phải là CQĐT chuyên trách, không có các Điều tra viên chuyên trách. Tuy nhiên, thực tiễn tình hình tội phạm cho thấy qua hoạt động nghề nghiệp, một số loại tội phạm khác mà nếu được mở rộng phạm vi thẩm quyền, các đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển có khả năng phát hiện và xử lý kịp thời hơn, thuận tiện hơn so với CQĐT. Ví dụ: đối với hải quan, đó là các tội trốn thuế, tội sản xuất và buôn bán hàng giả, tội nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế thải hoặc các chất không đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường... Do đó, chúng tôi đề xuất các nhà làm luật cần nghiên cứu thực tế, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để cân nhắc việc quy định bổ sung thẩm quyền khởi tố VAHS của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với một số loại tội phạm liên quan đến hoạt động nghề nghiệp, địa bàn hoạt động của các cơ quan này.

Thứ hai, kể từ khi Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 có hiệu lực cho đến nay, vẫn chưa có những văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể, chi tiết việc tổ chức hoạt động điều tra hình sự trong các cơ quan không phải là cơ quan điều tra chuyên trách, vì vậy, các cơ quan này còn gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS khi tiến hành các hoạt động xác định tội phạm và khi phối hợp với cơ quan điều tra chuyên trách trong việc bàn giao hồ sơ vụ án... Do đó, cần có các văn bản với hình thức Thông tư liên tịch của Bộ Công an - VKSNDTC - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất hướng dẫn về nghiệp vụ, về tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra với CQĐT và VKS, đặc biệt là tăng cường vai trò kiểm sát của VKS đối với việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, đối với việc tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu, đối với việc quyết định đường lối xử lý vụ án...

3.2.2 Đề xuất hoàn thiện các quy định của luật hình sự

Qua nghiên cứu những nguyên nhân dẫn đến việc một số cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện tốt trách nhiệm khởi tố, còn bỏ lọt tội phạm hay hình sự hóa các quan hệ dân sự - kinh doanh - thương mại, chúng tôi kiến nghị các nhà xây dựng pháp luật hình sự và nghiên cứu pháp luật hình sự một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, do một số quy định của BLHS chưa cụ thể nhưng chưa có văn bản hướng dẫn của liên ngành các cơ quan tư pháp trung ương dẫn tới việc nhận thức và áp dụng pháp luật có nơi, có lúc chưa được thống nhất, cần có sự sửa đổi theo hướng cụ thể hơn các dấu hiệu định tội; cần phân định rõ ràng hơn ranh giới giữa tội phạm và vi phạm pháp luật khác (để việc quyết định xử lý hay không xử lý hình sự sẽ đơn giản hơn, minh bạch hơn khi pháp luật đã có sự quy định cụ thể), bổ sung các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, có những hướng dẫn về các loại tội phạm đặc thù dễ bị phi hình sự hóa trong lĩnh vực áp dụng pháp luật.

Thứ hai, trong lĩnh vực xây dựng pháp luật hình sự, việc tội phạm hóa và phi tội phạm hóa, cần xem xét đưa ra khỏi luật hình sự hoặc bằng các văn bản dưới luật phi tội phạm hóa một số loại tội phạm mà tính chất phổ biến ngày càng gia tăng nhưng có thể xử lý bằng các biện pháp khác, nếu xử lý hình sự, sẽ vượt ra ngoài khả năng của các cơ quan bảo vệ pháp luật dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, một số tội phạm mà các văn bản dưới luật khi hướng dẫn, giải thích đã không phù hợp với thực tiễn xã hội dẫn tới việc quyết định xử lý hình sự dù có đủ căn cứ nhưng không có sức thuyết phục và không khả thi khi năng lực, điều kiện hiện có của hệ thống tư pháp không thể khởi tố hết, không thể bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được xử lý, và do đó không thể bảo đảm tính bình đẳng của pháp luật. Ví dụ: các tội như đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn (với hướng dẫn quy định tại Nghị

quyết số 01/2006 ngày 12/5/2006) dẫn tới việc nêu khởi tố, sẽ không thể xử lý hết, không thể khởi tố hết. Các tội xâm phạm sở hữu, tội phạm về chức vụ, tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế với định mức thiệt hại về tài sản, giá trị tài sản trong BLHS hay trong các luật sửa đổi, bổ sung BLHS sau này cần phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế và tình trạng lạm phát, mức độ trượt giá của tiền tệ.

Thứ ba, cần có sự giải thích pháp luật chính thức của các cơ quan có thẩm quyền để áp dụng thống nhất trong các trường hợp một người phạm nhiều tội, các cặp cấu thành tội phạm đặc biệt, các trường hợp thu hút tội phạm, các trường hợp một hành vi có thể cấu thành nhiều tội... để tránh tình trạng nhận thức không thống nhất giữa các địa phương, giữa các cấp, các ngành trong hệ thống tư pháp hình sự hiện nay.

Thứ tư, các lần pháp điển hóa đạo luật hình sự cần hướng tới sự quy định cụ thể, chi tiết, rõ ràng trong các điều luật, hạn chế tối đa việc phải ra các văn bản hướng dẫn, giải thích. Trường hợp bắt buộc phải có sự hướng dẫn, giải thích trong các văn bản dưới luật cần xúc tiến các văn bản hướng dẫn, giải thích này đồng thời hoặc liền ngay sau khi pháp điển hóa, cần có sự tham gia của nhiều cơ quan trong việc hướng dẫn giải thích, tránh tình trạng Hội đồng thẩm phán TANDTC là chủ thể cơ bản, chủ yếu của hoạt động này mà không có sự tham khảo, phản biện với các cơ quan khác.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CÔNG TÁC KIỂM SÁT, THANH TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KHỞI TỐ VÀ XỬ LÝ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.3.1. Nâng cao vai trò công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát

Tăng cường vai trò công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKS là một trong những điểm mấu chốt để bảo đảm thực hiện tốt trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội. Cụ thể, chúng tôi kiến nghị cần

có sự phân định cụ thể hơn về thẩm quyền chỉ đạo nghiệp vụ với thẩm quyền chỉ đạo tổ tụng giữa hai ngành công an, kiểm sát. Nói cách khác, trong giai đoạn khởi tố, việc chỉ đạo các biện pháp nghiệp vụ để kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền của thủ trưởng CQĐT nhưng thẩm quyền chỉ đạo việc xử lý vụ án, quyết định việc truy cứu ai, về hành vi nào, theo tội danh gì... phải thuộc về VKS.

Trong giai đoạn khởi tố, điều tra VAHS, sự tồn tại của các biện pháp điều tra nghiệp vụ trong hoạt động của ngành công an là tất yếu và sự kết hợp giữa điều tra tố tụng và điều tra bí mật theo mô hình Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 là cần thiết và phù hợp với đòi hỏi khách quan của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, mô hình này rất dễ dẫn tới tình trạng oan sai, vi phạm các quyền tự do dân chủ của công dân do nguy cơ bị khởi tố từ những chứng cứ được chuyển hóa từ các tài liệu trinh sát không xác thực, và đặc biệt, việc kiểm sát tính hợp pháp của quá trình khởi tố vụ án sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc làm rõ thực chất của các căn cứ khởi tố, các thuộc tính của chứng cứ. Các căn cứ khởi tố xuất phát từ những tài liệu trinh sát nào, còn những tài liệu trinh sát nào chưa được chuyển hóa, người phạm tội đã thực hiện tội phạm ở mức độ nào, vai trò của những người khác trong băng nhóm hoặc trong một vụ phạm tội có tổ chức, việc "tách bóc xử lý", "tách, nhập vụ án" được quyết định trước khi khởi tố của CQĐT... thì VKS rất khó có điều kiện để kiểm sát. Trong khi đó, kiểm sát các thuộc tính của chứng cứ mới là kiểm sát cái căn bản nhất của tố tụng - tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc xác định, chứng minh tội danh của người bị tình nghi, làm cơ sở để áp dụng dạng mức TNHS tương ứng. Vì vậy, một mặt, xuất phát từ vai trò quan trọng của hoạt động trinh sát, từ việc bảo vệ quyền con người, cũng như những tác động tiêu cực nếu lạm dụng hoạt động trinh sát, cần luật hóa hoạt động này. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, hoạt động trinh sát đã và đang được luật hóa, điều này càng có ý nghĩa quan trọng khi tình hình tội

phạm ngày một gia tăng và diễn biến phức tạp, khi xã hội ngày một dân chủ và hòa nhập với thế giới. Mặt khác, cần phải tính đến những giải pháp để giảm thiểu hạn chế, bất cập của mô hình này mà một trong những giải pháp đó là VKS phải có sự can thiệp sớm hơn, sâu hơn, hiệu quả hơn vào quá trình khởi tố, tránh mọi sự tùy tiện và lạm dụng quyền lực hay thoái thác trách nhiệm của CQĐT khi vừa có quyền điều tra bí mật, điều tra tố tụng, vừa có quyền xử lý hành chính và xử lý hình sự như hiện nay. Nguyên lý này đặt ra hai vấn đề: thứ nhất, cần phải có một hành lang pháp lý để kiểm sát, thứ hai, cần phải có một thực lực từ phía VKS để có đủ năng lực kiểm sát. Trước mắt, VKSNDTC cần chủ động phối hợp với Bộ Công an về tăng cường kiểm tra, giám sát, phối hợp trong công tác tiếp nhận, xác minh, xử lý thông tin về tội phạm, khắc phục phần nào tình trạng ở nhiều địa phương, VKS rơi vào tình trạng thụ động như hiện nay, những quy định của BLTTHS và các văn bản dưới luật cần có sự sửa đổi để điều chỉnh mối quan hệ này hướng tới các mục tiêu nêu trên.

Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP đã quy định về trách nhiệm chung của Cơ quan Công an: "thống kê kết quả tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm từ kết quả xử lý những vụ vi phạm pháp luật hình sự thuộc thẩm quyền xử lý của mình và chuyển kết quả tổng hợp thống kê sang VKS cùng cấp sau khi loại thống kê này được thực hiện" nhưng thực tế vẫn chưa thực hiện được do những nguyên nhân khách quan và những nguyên nhân chủ quan. Các cơ quan Công an, VKS cần tuân thủ đúng những quy định đã có trong Thông tư 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP hay Thông tư liên ngành số 03-TTLN ngày 15-5-1992 đã được ban hành, bên cạnh đó, cũng cần tăng cường vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương và Đảng ủy khối các cơ quan nội chính trung ương và địa phương trong việc thực hiện các thông tư này. Sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng trong bối cảnh hệ thống tư pháp đang ở thời kỳ quá

độ, cải cách tư pháp ở mới ở giai đoạn đầu - là rất cần thiết, nhằm hạn chế tình trạng "quyền anh - quyền tôi" giữa các cơ quan tiền hành tố tụng, giữa địa phương với trung ương.

Trước mắt, chúng tôi đề xuất Bộ Công an nghiên cứu thí điểm giao một cơ quan làm nhiệm vụ đầu mối quản lý số liệu việc tiếp nhận, giải quyết tin báo tố giác về tội phạm, đặc biệt là các thông tin về tội phạm do các cơ quan khác trong lực lượng Công an nhân dân, công an cơ sở chuyển về. Bản thân ngành công an hiện nay cập nhật và quản lý các số liệu trên đã rất khó khăn, không thực hiện được nhiệm vụ mà Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP đã quy định và càng khó khăn cho công tác kiểm sát hoạt động này của ngành kiểm sát.

3.3.2. Nâng cao vai trò công tác thanh tra, giám sát hoạt động khởi tố và xử lý vụ án hình sự

Vị trí, vai trò của CQĐT trong việc thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS ở nước ta là đặc biệt quan trọng và không thể không ghi nhận những thành tích và nỗ lực của CQĐT trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng cần có những giải pháp để hạn chế thấp nhất những hiện tượng tiêu cực, tùy tiện, thiếu trách nhiệm có thể xuất hiện khi CQĐT là chủ thể cơ bản, chủ yếu của giai đoạn khởi tố cũng như là trọng tâm của quá trình truy cứu TNHS người phạm tội. Một trong những giải pháp này chính là việc tăng cường các cơ chế thanh tra, kiểm tra nội bộ. Đặc biệt là hoạt động thanh tra pháp luật - thanh tra chuyên ngành bởi các tổ cáo, khiếu nại về những vi phạm hoạt động tố tụng, những sai phạm trong quá trình xử lý VAHS chủ yếu được cơ quan thanh tra chuyên ngành giải quyết (bởi đây là hình thức thanh tra việc chấp hành pháp luật nói chung và chấp hành pháp luật TTHS nói riêng, chấp hành những quy chế, quy định về công tác chuyên môn, là một kênh giám sát hữu hiệu nhằm phát hiện và đề xuất các hình thức xử lý, các biện pháp khắc phục và loại trừ vi phạm của CQĐT trong hoạt

động khởi tố và xử lý vụ án). Những hành vi, quyết định tố tụng không có căn cứ hoặc trái pháp luật của CQĐT trong giai đoạn khởi tố vì thế có thể bị phát hiện song hành với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKS. Các quyết định xử lý vi phạm hành chính của CQĐT và các cơ quan khác trong lực lượng Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng có thể là đối tượng bị thanh tra, qua việc kiểm tra tính có căn cứ của các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan này có thể tìm được những trường hợp bỏ lọt tội phạm mà đáng lẽ phải khởi tố vụ án, đáng lẽ phải xử lý hình sự đã bị chuyển sang xử lý hành chính. Với các thẩm quyền riêng, các biện pháp nghiệp vụ riêng, cơ quan thanh tra chuyên ngành có những lợi thế nhất định so với VKS trong việc phát hiện và xác định vi phạm, tiêu cực của CQĐT. Vì thế, việc tăng cường vai trò và hoạt động của cơ quan thanh tra chuyên ngành có ý nghĩa rất quan trọng.

Công tác báo cáo - thỉnh thị - kiểm tra nghiệp vụ cũng là một hình thức giám sát có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của CQĐT cấp dưới. Để làm tốt công tác này, bên cạnh sự chủ động của CQĐT cấp dưới, CQĐT cấp trên cũng cần tăng cường các biện pháp kiểm tra hoạt động của cấp dưới thông qua các hoạt động giao ban, lập đoàn kiểm tra công tác, hướng dẫn chỉ đạo nghiệp vụ. Ngoài ý nghĩa về chuyên môn, đây cũng chính là một hình thức giám sát để hạn chế các tiêu cực trong hoạt động khởi tố và truy cứu TNHS.

Ngoài ra, các hoạt động giám sát xã hội của Đảng, của Hội đồng nhân dân, của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính hợp pháp và tính có căn cứ của các hoạt động khởi tố và xử lý VAHS. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cần có quy chế quy định cụ thể hơn về vai trò, tính chất và giới hạn của các hoạt động kiểm tra, giám sát này, hạn chế những hiện tượng vi phạm nguyên tắc Đảng lãnh đạo, lạm dụng nguyên tắc Đảng lãnh đạo để tùy tiện can thiệp vào việc quyết định đường lối xử lý vụ án từ khi khởi tố cũng như trong giai đoạn xét xử sau

này. Việc quyết định khởi tố và xử lý hình sự trong những vụ án liên quan đến các lợi ích chính trị, ngoại giao, kinh tế, xã hội, cần dựa trên những nguyên tắc thống nhất làm cơ sở cho hoạt động chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, phải có sự phân biện, tranh luận giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với người có thẩm quyền chỉ đạo để đi tới kết luận chính thức, khắc phục tình trạng có quá nhiều cơ quan, cá nhân lạm quyền can thiệp vào các quyết định xử lý, làm giảm tính chủ động của các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác, kết luận chính thức về đường lối xử lý hình sự cần được báo cáo và kiểm soát kịp thời hơn, hiệu quả hơn của các cơ quan cấp trên theo ngành dọc để tránh tình trạng "địa phương hóa", không đảm bảo nguyên tắc pháp chế trong hoạt động áp dụng pháp luật.

Khi liên quan đến hoạt động khởi tố và xử lý VAHS, công dân có thể là đối tượng có thể bị tội phạm xâm hại và cũng có thể là đối tượng của các vi phạm pháp luật từ hoạt động khởi tố và xử lý tội phạm xâm hại, do đó, việc công dân giám sát hoạt động tố tụng là đòi hỏi tính tự thân của công dân để từ đó bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nâng cao ý thức pháp luật cho công dân hay nói cụ thể hơn, là sự tự ý thức về các quyền tố tụng trong quá trình bị truy cứu TNHS là một trong những điều kiện quan trọng để bản thân họ bảo đảm các quyền lợi của bản thân, cũng như từ đó chủ động giám sát hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền khởi tố và xử lý VAHS, giúp cho hoạt động này trở nên minh bạch hơn, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trên thực tế phần đông người tham gia tố tụng đều trong trạng thái bị động, hiểu biết pháp luật hạn chế, thường có tâm lý e ngại cơ quan công quyền nên rất khó khăn trong việc phát hiện và tố giác vi phạm pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Ở nước ta hiện nay, do trình độ dân trí cũng như các đặc điểm văn hóa pháp lý do lịch sử để lại, ý thức pháp luật còn tương đối thấp, trong đó, nhiều người còn chưa hiểu được những khái niệm cơ bản của pháp luật, những quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Do

đó, cùng với tâm lý căng thẳng khi tham gia tố tụng, nhất là khi vụ việc sẽ hoặc vừa mới bị khởi tố, người dân khó có thể nhận biết hoạt động tố tụng được thực hiện như thế nào, theo quy trình gì, các chứng cứ được thu thập và quan điểm đánh giá chứng cứ, quan điểm về tội danh và TNHS của cơ quan tiến hành tố tụng như thế nào. Việc yêu cầu bảo đảm quyền lợi của mình, cho mình, phát hiện ra các vi phạm pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn này là rất khó khăn.

Như vậy, nâng cao ý thức pháp luật cho công dân cũng cần được coi là một trong những giải pháp nhằm "xã hội hóa" công tác giám sát hoạt động tư pháp, giám sát việc thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Những giải pháp để nâng cao ý thức pháp luật cho công dân trong trường hợp này cần được nhìn nhận cả trên phạm vi rộng và phạm vi hẹp. Trên phạm vi rộng, đó là việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục ý thức pháp luật ở cơ sở, tại các cộng đồng dân cư, trường học, đặc biệt là các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật hướng tới các đối tượng có trình độ văn hóa thấp, ở vùng sâu vùng xa. Trong phạm vi hẹp - trong lĩnh vực TTHS, cần tạo ra cơ chế dân chủ hơn, thiết thực hơn để người tham gia tố tụng ý thức được, sử dụng được các quyền năng pháp lý của mình, để công dân phát huy được vai trò kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS. Chúng tôi đề xuất phải có những quy định cụ thể hơn trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tố giác, người làm chứng... giúp cho công dân tích cực hơn trong ý thức đấu tranh phòng chống tội phạm và giám sát việc khởi tố và xử lý VAHS. Chúng tôi cũng đề xuất việc thiết lập rộng rãi hơn, hiệu quả hơn các đường dây nóng để công dân tố giác tội phạm cũng như tố giác việc cố ý không thực hiện trách nhiệm khởi tố và truy cứu TNHS, đề xuất áp dụng các hình thức thông báo tại trụ sở, tại hộp thư thoại, tại cổng thông tin điện tử... về quyền của công dân khi tố giác, báo tin về tội phạm và tiêu cực của các cơ quan có thẩm quyền.

3.4. CÁC GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT, KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đặt ra yêu cầu phải tích cực, chủ động tiến hành các hoạt động cần thiết để khởi tố và xử lý VAHS, nhấn mạnh yếu tố trách nhiệm, tự giác, ý thức triệt để tuân thủ pháp chế của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, để nâng cao trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, cần quan tâm và có những giải pháp về công tác cán bộ, quan tâm đến những con người cụ thể thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Luận án nhấn mạnh những giải pháp về vấn đề công tác cán bộ, nói rộng hơn, đó là những giải pháp về vấn đề con người, đổi mới các quan hệ hành chính - tư pháp cũng như tư duy tố tụng của các cơ quan tư pháp hình sự, điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo đảm tính chủ động, hiệu quả của quá trình truy cứu TNHS người phạm tội ở Việt Nam hiện nay.

3.4.1. Đổi mới tư duy tố tụng và tư duy chỉ đạo - điều hành trong các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án và truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội

Về tư duy tố tụng, thiên hướng buộc tội còn đậm nét trong một bộ phận không nhỏ Điều tra viên, Kiểm sát viên. Tính phiến diện trong nhận thức của những người tiến hành tố tụng về sự việc phạm tội và con người phạm tội có ảnh hưởng lớn đến tính khách quan của việc áp dụng các quyết định xử lý vụ án, chỉ khi có thái độ tôn trọng sự thật khách quan của vụ án thì Điều tra viên, Kiểm sát viên mới xem xét, đánh giá chứng cứ, tài liệu thu thập được một cách khách quan, toàn diện, mới quan tâm xem xét cả chứng cứ gỡ tội và chứng cứ buộc tội, những chứng cứ xác định không có dấu hiệu của tội phạm mà người bị tình nghi đưa ra. Đặc biệt khi CQĐT tổ chức theo mô hình vừa điều tra trinh sát, vừa điều tra tố tụng, VKS cũng chuyển từ "chuyên khâu" sang "thông khâu" (một Kiểm sát viên theo vụ án từ đầu đến cuối, từ khâu khởi tố, điều tra đến truy tố,

xét xử), do đó dễ dẫn đến tâm lý chủ quan, định kiến, suy diễn, áp đặt, coi nhẹ điều tra trinh sát mà chỉ tập trung và điều tra tố tụng hoặc ngược lại.

Truy cứu TNHS người phạm tội là một quá trình nhận thức với rất nhiều nguyên nhân khách quan cản trở, việc phải chấp nhận những cản trở khách quan không có nghĩa là theo chủ nghĩa thành tích, suy diễn việc không xác định được tội phạm và người phạm tội là do trình độ, năng lực chuyên môn hay ý thức trách nhiệm của các cơ quan chức năng yếu kém và càng không có nghĩa là có quyền đổ tại cho khách quan. Nhiều nơi, do lo ngại nếu ghi vào sổ thụ lý tin báo tố giác tội phạm và báo cáo VKS thông tin về những tội phạm mà quá trình điều tra có khả năng phải xếp vào diện án "mờ" (án chưa xác định được người phạm tội và rất khó khăn, tốn nhiều thời gian để xác định tội phạm) sẽ dẫn đến việc vi phạm thời hạn khởi tố - điều tra, phải tạm đình chỉ điều tra sẽ ảnh hưởng đến thành tích nên CQĐT không chính thức hóa việc ghi nhận các thông tin về tội phạm. Một số CQĐT không công khai, hoặc cố tình giảm bớt số lượng thông tin về tội phạm đã tiếp nhận vì e ngại sự chênh lệch giữa số liệu này với số liệu án được giải quyết ảnh hưởng đến thi đua của đơn vị. Tư duy thành tích còn được thể hiện trong việc đổ lỗi cho khách quan, cho sự gia tăng của tình hình tội phạm để bao biện tình trạng thụ động, thiếu kiên quyết trong quá trình điều tra, xác minh của mình.

Những vấn đề về nhận thức còn được phản ánh qua việc ở một số CQĐT không chú trọng thực hiện các yêu cầu điều tra của VKS vì cho rằng VKS không có chuyên môn về công tác điều tra khám phá tội phạm, ngược lại, có VKS lại không chủ động đề ra các yêu cầu điều tra là thẩm quyền luật định của mình vì cho rằng CQĐT giỏi hơn... Về phía VKS, tình trạng kiểm sát "ngụội" - kiểm sát trên hồ sơ, biên bản, tài liệu... diễn ra tương đối phổ biến. Kiểm sát trên hồ sơ, biên bản, tài liệu... không đòi hỏi nhiều công sức, Kiểm sát viên không phải xuống hiện trường dự khám nghiệm, không phải vào Trại tạm giam, Nhà tạm giữ kiểm sát việc lấy lời khai... Hồ sơ, biên bản,

tài liệu là những văn bản ghi lại diễn biến hoạt động điều tra lại chủ yếu do CQĐT lập ra. Vì vậy, việc kiểm sát các văn bản này chỉ là kiểm sát sự tái hiện hoạt động điều tra qua tường thuật chủ quan của Điều tra viên. Do đó, Kiểm sát viên không thể biết tường tận hoạt động điều tra đó đã diễn biến như thế nào, có thực sự đạt được các kết quả điều tra như thể hiện trong biên bản, tài liệu không, có vi phạm tổ tụng trong quá trình điều tra không. Những vấn đề nêu trên là những vấn đề về nhận thức, về thói quen trong tư duy và cách làm việc cần phải được thay đổi để chuyên nghiệp hóa bộ máy tố tụng, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác khởi tố và xử lý VAHS. Thay đổi nhận thức, lề lối làm việc của những người tiến hành tố tụng chính là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tố tụng. Nói một cách khái quát, để nâng cao chất lượng hoạt động TTTH nói chung và khởi tố vụ án nói riêng, cần có những cải cách nhất định. Tuy nhiên, cải cách trước hết thuộc về vấn đề nhận thức, vấn đề thói quen và phương pháp làm việc. Nếu không thay đổi những nhận thức, thói quen làm việc thì dù pháp luật có quy định chi tiết đến đâu, trao nhiều quyền lực đến đâu cũng không tạo ra được những chuyển biến mang tính bước ngoặt. Cách làm việc thụ động, thói quen ỷ lại đã không những làm cho quá trình giải quyết vụ án không chính xác, không khách quan, không bảo đảm tiến độ mà ngược lại, còn cản trở quá trình này, gây lãng phí về thời gian, tài chính và tạo ra nhiều kẽ hở cho những hiện tượng tiêu cực.

Ở phương diện lãnh đạo, điều hành hoạt động tố tụng, phương thức tổ chức quản lý hành chính - tư pháp theo chế độ thủ trưởng (mô hình thủ trưởng chế) của ngành công an, kiểm sát là phù hợp với tính chất và yêu cầu công việc. Tuy nhiên, việc áp dụng cứng nhắc mô hình này cũng đã tạo ra những hạn chế nhất định đối với các cán bộ cấp dưới, dẫn tới tình trạng thiếu ý thức trách nhiệm trong việc khởi tố và xử lý VAHS, đổ lỗi cho khách quan, thụ động, ỷ lại vào cấp trên, không dám chịu trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là đối với ngành kiểm sát, khi Kiểm sát viên phải đối diện với các quyết định thể

hiện chức năng thực hành quyền công tố và các vấn đề thể hiện quyền yêu cầu, đề nghị, kiến nghị trong quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh xu thế phân hóa trách nhiệm, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cá nhân người tiến hành tố tụng, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động khởi tố và xử lý VAHS. Chúng tôi cũng cho rằng, cần phân định thẩm quyền hành chính và thẩm quyền TTHS rõ nét hơn nữa. Thẩm quyền hành chính, quản lý hành chính Nhà nước trong mỗi cơ quan tiến hành tố tụng đôi khi bị lạm dụng, lấy thẩm quyền hành chính để chỉ huy hoạt động tố tụng, hành chính hóa quan hệ tố tụng. Thủ trưởng Cơ quan điều tra còn kiêm nhiệm nhiều vị trí quản lý hành chính, chịu trách nhiệm về nhiều lĩnh vực trong khi không trực tiếp thực hiện nên dễ dẫn đến quan liêu, quyết định đường lối xử lý vụ án không sát. Trong khi đó, Điều tra viên là người trực tiếp theo sát vụ án lại có quá ít quyền hạn cụ thể, phụ thuộc quá nhiều vào các quyết định hành chính của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Những bất cập từ mối quan hệ này dẫn đến nhiều Điều tra viên, Kiểm sát viên rơi vào tình trạng bị động, không khuyến khích được tính tự chịu trách nhiệm cũng như không ràng buộc được trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

3.4.2. Nâng cao trình độ nhận thức pháp luật, trình độ nghiệp vụ cho các chủ thể trách nhiệm khởi tố và truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội

Liên quan đến vấn đề con người, một đòi hỏi khách quan là phải tiếp tục nâng cao trình độ pháp lý và nghiệp vụ cho những người tiến hành tố tụng. Trong điều kiện cải cách tư pháp hiện nay, việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là yêu cầu được đặt ra hết sức cấp bách. Tình trạng trình sát viên, điều tra viên chỉ giỏi về nghiệp vụ trình sát, nghiệp vụ điều tra và làm sai rất nhiều quy định về tố tụng và ngược lại, tình trạng kiểm sát viên không biết về nghiệp vụ điều tra và khi kiểm sát điều tra chủ yếu là phát hiện và khắc phục các thiếu sót về tố tụng là những minh chứng cho sự thiếu toàn

diện về kiến thức và kỹ năng của những người tiến hành tố tụng hiện nay, điều này cũng phản ánh chất lượng đào tạo và công tác tổ chức, nhân sự. Chỉ ví dụ với việc định tội danh, thực tiễn khởi tố và xử lý VAHS cho thấy ngoài nguyên nhân khách quan do tính phức tạp của hoạt động định tội danh, còn có nguyên nhân về nhận thức pháp luật thiếu căn bản, thiếu cập nhật của một bộ phận những người tiến hành tố tụng đã dẫn đến việc xác định tội danh chưa chính xác, có nhiều nhầm lẫn giữa tội danh này với tội danh khác, giữa vi phạm hành chính với tội phạm, tập trung trong một số nhóm tội như: tội Giết người (Điều 93) với tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95), tội Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96) và tội Cố ý gây thương tích trong trường hợp dẫn đến chết người (Điều 104); tội Cướp tài sản (Điều 133) và Cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), Cướp giạt tài sản (Điều 136) và Công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137), Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139) và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140); Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197) với tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 198)... ngoài ra, nhiều cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa xác định đúng tội danh hoặc bỏ lọt tội phạm trong trường hợp đa tội phạm, trường hợp tội phạm này là phương tiện để thực hiện tội phạm khác, nhận thức và áp dụng sai nguyên tắc "hậu quả đến đâu xử lý đến đó"... Do đó, việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhận thức pháp luật cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng là một yêu cầu thường xuyên đặt ra trong công tác khởi tố và xử lý VAHS.

3.4.3. Bảo đảm chế độ đãi ngộ và nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng, kỷ luật

Nhằm hạn chế tối đa tình trạng tham nhũng trong hệ thống tư pháp, cần có chế độ lương và phụ cấp mang tính ưu đãi hơn, thỏa đáng hơn dành cho những người tiến hành tố tụng. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm chính là yếu tố chủ quan từ phía những người có thẩm

quyền khởi tố vụ án (tham nhũng, vụ lợi và những động cơ tiêu cực khác) do thu nhập chính đáng, hợp pháp không đủ để bảo đảm đời sống tương xứng với yêu cầu và điều kiện công việc, từ đặc tính nguy hiểm của nghề nghiệp, nói cách khác, không đủ để "dưỡng liêm" những người tiến hành tố tụng. Hoạt động xử lý vụ án ở giai đoạn ban đầu của tố tụng này buộc các Điều tra viên, Kiểm sát viên hàng ngày, hàng giờ phải đối diện với tội phạm, với những vi phạm pháp luật và đối diện với cả những cám dỗ vật chất. Khi thu nhập chính đáng không đủ sống, một bộ phận người có trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đã tìm kiếm thu nhập bất chính từ vị trí, nghề nghiệp của mình, từ các đối tượng phạm tội và gia đình, luật sư của các đối tượng phạm tội.

Song song với việc bảo đảm thu nhập cho những người tiến hành tố tụng, cần thường xuyên sàng lọc, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm, cụ thể hóa trách nhiệm cá nhân (bồi hoàn, công khai xin lỗi, kỷ luật công tác, kỷ luật Đảng) trong các trường hợp oan sai. Điều này đòi hỏi ngành công an, kiểm sát phải có những chính sách về vấn đề cán bộ mang tính chất cách mạng, thể hiện tinh thần kiên quyết dám thẳng nhìn vào sự thật và dám làm trong sạch bộ máy. Những hiện tượng bao che, bênh vực cho nhau nhân danh "uy tín, danh dự của ngành" sẽ dẫn tới sự dung túng và lệch lạc về nhận thức, ý thức trách nhiệm, vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ trên đường Láng - Hòa Lạc ở Công an thành phố Hà Nội, vụ "quên hồ sơ" ở VKSND tỉnh Hà Tây (cũ)... là những ví dụ điển hình cho cách ứng xử này của các cấp lãnh đạo đối với những vi phạm của cấp dưới. Chúng tôi cho rằng, việc xử lý hình sự đối với những cá nhân có hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp như truy cứu TNHS người không có tội, không truy cứu TNHS người có tội, ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật, làm sai lệch hồ sơ vụ án cần được phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời để có tác dụng răn đe mạnh mẽ trong toàn bộ hệ thống tư pháp. Do đó, bên cạnh chế độ đãi ngộ thỏa đáng, chế độ xử lý vi phạm nghiêm minh, kiên quyết cũng là một đòi

hỏi khách quan nhằm kiểm soát thành công hiện tượng tha hóa của bộ máy tổ tụng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan tư pháp.

3.4.4. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động tố tụng

Việc trang bị đầy đủ các phương tiện, điều kiện làm việc cho các cơ quan tiến hành tố tụng, kinh phí tố tụng luôn là một giải pháp để nâng cao chất lượng tố tụng. Tuy nhiên, đối với việc bảo đảm thực hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, phương tiện, điều kiện làm việc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, việc khởi tố VAHS và các hoạt động xác định tội phạm để truy cứu TNHS người phạm tội đòi hỏi các hoạt động kiểm tra xác minh phải được tiến hành nhanh chóng, khẩn trương để kịp thời thu thập các dấu vết, thông tin về tội phạm, để ngăn chặn hành vi phạm tội đang diễn ra cũng như ngăn ngừa và giảm bớt tác hại của tội phạm. Đơn cử một ví dụ dễ thấy là vấn đề trang bị các phương tiện giao thông, liên lạc cho CQĐT và VKS để di chuyển tới hiện trường, kết nối thông tin trong nhiều trường hợp có ý nghĩa quyết định tới thành công của việc xác định có dấu hiệu của tội phạm trong giai đoạn đặc biệt này. Nhiều CQĐT, VKS cấp huyện không được trang bị đầy đủ phương tiện cần thiết để di chuyển nhanh chóng tới hiện trường, những hiện tượng Kiểm sát viên tới được hiện trường thì CQĐT đã hoàn tất việc khám nghiệm hoặc phải đi nhờ xe của Công an để tới hiện trường kiểm sát khám nghiệm không phải là hiếm trong thực tế tố tụng hiện nay đã phản ánh rất chân thực những đòi hỏi chính đáng về trang thiết bị làm việc của cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ hai, việc khởi tố VAHS và các hoạt động xác định tội phạm để truy cứu TNHS người phạm tội rất cần các chứng cứ từ các hoạt động giám định liên quan đến khoa học pháp y, khoa học kỹ thuật hình sự, khảo cổ, văn

hóa, tài chính... làm cơ sở xác định mức độ tổn hại sức khỏe, giá trị tài sản... để khẳng định hành vi có cấu thành tội phạm hay không để quyết định khởi tố hay không khởi tố VAHS. Thực tế hiện nay, với quy định cơ quan nào trưng cầu giám định, cơ quan đó chi trả kinh phí giám định, trong khi đó, như đối với VKS, chi phí giám định nằm trong tổng mức kinh phí khoán chi hằng năm đã dẫn tới những hiện tượng "đùn đẩy" trách nhiệm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, "trả hồ sơ" để cơ quan thụ lý trước đó phải trưng cầu giám định lại hoặc giám định bổ sung, thậm chí chỉ cấp giấy giới thiệu cho người tham gia tố tụng đến tổ chức giám định và người được trưng cầu giám định phải trả những khoản phí chính thức và không chính thức cho cơ quan giám định. Điều này khiến cho kết quả giám định rất dễ bị sai lệch dẫn tới các quyết định khởi tố hoặc không khởi tố VAHS có khả năng bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Vì thế, phải bảo đảm trạng bị đủ phương tiện, điều kiện làm việc cho các cơ quan giám định cũng như dành một khoản kinh phí độc lập, đáng kể cho việc chi trả phí giám định cũng là một điều kiện bảo đảm thực hiện tốt trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS.

Thứ ba, với thành tựu của công nghệ thông tin hiện nay, cần "số hóa" các số tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ở các cơ quan tiếp nhận; thống nhất về hệ thống biểu mẫu, sổ sách ghi chép việc tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm để bảo đảm tính thống nhất, gọn nhẹ của các loại sổ sách, tạo điều kiện cho công tác kiểm sát, giám sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn khởi tố VAHS. Chúng tôi cũng đề xuất các cơ quan tiến hành tố tụng thí điểm áp dụng mô hình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm qua mạng Internet với hình thức hòm thư điện tử tiếp nhận tin báo, tố giác. Hình thức cung cấp thông tin về tội phạm này tương đối phổ biến ở một số nước có trình độ phát triển cao về công nghệ thông tin, ở Việt Nam, hình thức này cũng đã bắt đầu được áp dụng đối với một số Cục Hải quan, một số VKS và đã nhận thấy những chuyển biến rất tích cực, tuy nhiên, CQĐT - chủ thể chính trong công

tác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm chưa thật sự quan tâm đến việc mở các cổng thông tin điện tử để tiếp nhận nguồn thông tin trên. Trong một lộ trình xây dựng chính phủ điện tử (chính phủ hiểu theo nghĩa rộng bao gồm các cơ quan trong bộ máy nhà nước), cần ưu tiên về công nghệ thông tin cho các cơ quan tiến hành tố tụng tạo tiền đề cho công tác thống kê hình sự và kiểm soát các thông tin về tội phạm một cách nhanh nhất và chính xác nhất, khắc phục tình trạng tội phạm ẩn, tình trạng số liệu thống kê không thống nhất, không rõ ràng hoặc lợi dụng tình trạng không minh bạch về thông tin để thoái thác trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS, tiết kiệm tối đa cho ngân sách Nhà nước trong hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTTHS và bảo đảm các quyền tố tụng của người tham gia tố tụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. Từ các yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, các yêu cầu về cải cách tư pháp, các vấn đề về đổi mới tư duy tố tụng cũng như ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của những người có thẩm quyền khởi tố và xử lý VAHS theo pháp luật hiện hành cho thấy việc nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là một đòi hỏi mang tính khách quan và thường trực đặt ra đối với hệ thống tư pháp hình sự ở nước ta hiện nay.

2. Trong chương 3, luận án đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những bất cập hiện tại của các quy định trong BLTTHS năm 2003 và các văn bản pháp luật khác liên quan, qua đó, ràng buộc một cách hiệu quả trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đối với các cơ quan có thẩm quyền khởi tố và tăng cường tính chủ động cho những người tiến hành tố tụng trong hoạt động truy cứu TTNHS người phạm tội.

3. Cơ chế kiểm sát, giám sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của giai đoạn khởi tố VAHS là một trong những biện pháp cơ bản để bảo đảm thực

hiện trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS. Do đó, những điều chỉnh về tổ chức, về địa vị pháp lý cũng như quan hệ tổ tụng giữa CQĐT - VKS - Tòa án, đặc biệt là giữa CQĐT và VKS có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm tính hiệu quả của hoạt động khởi tố, điều tra cũng như bảo đảm tính minh bạch, dân chủ của TTHS, tránh tối đa các hiện tượng bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội.

4. Trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS có được thực hiện chủ động và hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào ý thức của người tiến hành tố tụng, phụ thuộc vào vấn đề con người. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp hình sự phải được đặt ra không chỉ ở các vấn đề về yếu tố chuyên môn, nhận thức, mà cả ở lẽ lối làm việc, văn hóa pháp luật, đạo đức nghề nghiệp của cá nhân những người trực tiếp tiến hành tố tụng và tư duy chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cơ quan tiến hành tố tụng.

KẾT LUẬN

Luận án đã nghiên cứu tương đối toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS trong luật TTHS Việt Nam và rút ra một số kết luận sau đây:

1. Trong tiến trình lịch sử TTHS, Nhà nước đã từng bước đảm nhận trách nhiệm khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội. Quá trình này trước hết xuất phát từ lợi ích của Nhà nước, thể hiện vị thế và quyền lực đặc biệt của Nhà nước. Cùng với sự tiến bộ xã hội, khi Nhà nước nhân danh các lợi ích công, các giá trị công bị tội phạm xâm hại để khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội, thì hoạt động khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội đã dần trở thành "trách nhiệm" của nhà nước đối với xã hội và công dân. Công việc này không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ, khi đã là nghĩa vụ thì không phải là việc "thích thì làm", làm cũng được hoặc không làm cũng được, càng không phải là sự "ban phát" của các cơ quan có thẩm quyền với người bị hại.

2. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS bản chất là nguyên tắc về trách nhiệm của Nhà nước đối với xã hội trong việc khởi tố vụ án và truy cứu TNHS người phạm tội. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm trật tự xã hội, an toàn xã hội, khi tội phạm xảy ra, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó, Nhà nước phải chủ động khởi tố vụ án và truy cứu TNHS người phạm tội khi phát hiện có dấu hiệu của tội phạm. Hơn nữa, việc khởi tố vụ án và truy cứu TNHS người phạm tội phải được thực hiện một cách hiệu quả, điều này có nghĩa phải giải quyết được đáng kể số lượng tội phạm và người phạm tội và giải quyết chính xác, nhanh chóng. Trong TTHS, trách nhiệm này được giao lại cho các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan khác được giao một số thẩm quyền tiến hành tố tụng, yêu cầu các cơ quan này phải thực hiện trách nhiệm trên một cách chủ động và hiệu quả. Như vậy, nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là những quy định pháp luật cơ bản, chung nhất, mang tư tưởng, định hướng chỉ đạo được ghi nhận trong BLTTHS

về trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để khởi tố vụ án và thực hiện việc truy cứu TNHS người phạm tội một cách chủ động và hiệu quả.

3. Khởi tố - giai đoạn đầu tiên của TTHS vừa khó do thực tế khách quan của hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn này quy định, vừa khó do những yếu tố tiêu cực khách quan và chủ quan tác động. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, khi quyết định khởi tố vụ án cũng gần như là đã xác định xong phần lớn quan điểm xử lý vụ án. Cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, giai đoạn khởi tố có ảnh hưởng quan trọng tới quá trình giải quyết VAHS, trách nhiệm khởi tố VAHS luôn là một trách nhiệm nặng nề, khó khi thực hiện và không khó khi thoái thác nếu không có sự ràng buộc chặt chẽ về mặt pháp lý trong các văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, dù để truy cứu TNHS người phạm tội thì đương nhiên phải khởi tố VAHS nhưng trách nhiệm khởi tố VAHS vẫn được xác định là một nội dung đặc biệt quan trọng của nguyên tắc này vì những lý do nêu trên.

4. Qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật TTHS mà chủ yếu là các quy định về khởi tố VAHS và thực tiễn áp dụng, có thể khẳng định cơ chế bảo đảm cho hoạt động khởi tố và xử lý VAHS cơ bản đã được các nhà lập pháp thiết lập và các nhà áp dụng pháp luật đã vận hành thành công. Đặc biệt, kết quả truy cứu TNHS ở nước ta trong thời gian vừa qua cho thấy tỷ lệ án oan rất thấp, tỷ lệ này đã phản ánh trách nhiệm truy cứu TNHS người phạm tội được bảo đảm thực hiện tương đối tốt, thể hiện tính chủ động, tính hiệu quả của bộ máy tư pháp hình sự trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, thể hiện những tư tưởng, định hướng của nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là phù hợp. Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS đã được cụ thể hóa, hiện thực hóa trong đời sống pháp luật ở nước ta, đã chứng minh được sự cần thiết của nguyên tắc này trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

5. Khách quan mà nói, vẫn còn nhiều tồn tại, nhiều hạn chế của chế định khởi tố VAHS trong pháp luật TTHS cũng nhiều tồn tại, nhiều hạn chế

trong thực tiễn thực hiện. Điều này xuất phát từ các nhóm nguyên nhân chính sau đây: nguyên nhân do những bất cập của pháp luật, nguyên nhân do mối quan hệ chế ước, kiểm sát của VKS với CQĐT chưa thật sự hiệu quả, và nguyên nhân về vấn đề con người và công tác cán bộ.

6. Các phân tích trên phương diện lý luận cùng và tổng kết thực tiễn khởi tố VAHS và truy cứu TNHS người phạm tội trong thời gian qua (chủ yếu là sau 6 năm thực hiện BLTTHS năm 2003) cho thấy đòi hỏi nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý VAHS là mang tính khách quan, thường trực. Đặc biệt, cần khẩn trương khắc phục những bất cập, hạn chế của công tác khởi tố VAHS đang xảy ra trong thực tiễn tư pháp hình sự hiện nay. Cụ thể, luận án đã đưa ra ba nhóm giải pháp chính:

- Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS, đặc biệt là chế định khởi tố vụ án của BLTTHS năm 2003 với các đề xuất sửa đổi, bổ sung những điều luật cụ thể trong chế định này nhằm ràng buộc trách nhiệm tiếp nhận, xác định dấu hiệu của tội phạm, bảo đảm điều kiện về thời hạn và các điều kiện khác về trình tự, thủ tục khởi tố VAHS, minh bạch hóa việc quyết định phương án xử lý vụ án - quyết định khởi tố hay không khởi tố, chuyển xử lý bằng biện pháp khác...;

- Giải pháp tăng cường cơ chế kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình khởi tố, truy cứu TNHS người phạm tội, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra nội bộ, công tác kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành;

- Giải pháp nâng cao trình độ nhận thức, nâng cao ý thức trách nhiệm, nâng cao chất lượng công tác cán bộ; và tăng cường cơ sở vật chất và kinh phí cho hoạt động tố tụng.

Các giải pháp trên hướng tới việc bảo đảm tính chủ động, tích cực, kịp thời trong việc khởi tố và xử lý VAHS, góp phần hiệu quả vào việc hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội, gây thiệt hại tới các quyền và lợi ích hợp pháp của những chủ thể có liên quan trong TTHS ở nước ta hiện nay.

NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Lan Chi (2006), "Chương 1: Kỹ năng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai những người tham gia tố tụng khác, nhập, tách, chuyển vụ án, tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra", Đồng tác giả: *Giáo trình Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 8-30.
2. Lê Lan Chi (2008), "Bàn về cơ sở của trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự", *Nghề luật*, (6), tr. 8-12.
3. Lê Lan Chi (2009), "Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự và vấn đề bảo đảm quyền con người trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự", *Nghề luật*, (1), tr. 33-36.
4. Lê Lan Chi (2009), "Về hoàn thiện một số quy định trong chế định khởi tố vụ án của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003", *Nghề luật*, (4), tr. 32-37.
5. Lê Lan Chi (2009), "Ranh giới xử lý hình sự và hành chính các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình và vấn đề hoàn thiện pháp luật", Kỷ yếu hội thảo quốc gia: *Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình*, Bộ Công an và Bộ Tư pháp tổ chức, Hà Nội.
6. Lê Lan Chi (2010), "Giáo dục trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự cho Kiểm sát viên", Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: *Nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự*, Mã số: 01/NCKH/2008, Học viện Tư pháp.
7. Lê Lan Chi (2010), *Khởi tố vụ án hình sự trước yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay*, Đề tài NCKH cấp khoa, Mã số: KL.09.02, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (cán bộ phối hợp nghiên cứu).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2006), *Sổ tay pháp luật của Điều tra viên*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Nguyễn Bảo (2008), "Cô gái thoát khỏi địa ngục ở Indonesia", *Báo Thanh niên*, ngày 29/9.
3. Bộ Công an (2006), *Báo cáo số 59/BCA-V19 ngày 15/03 trình đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình các Cơ quan điều tra cấp huyện thực hiện thẩm quyền mới theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
4. Bộ Nội vụ (1989), *Chỉ thị số 11/BNV ngày 9/5 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc tổ chức công tác điều tra tội phạm của lực lượng Công an nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
5. Bộ Nội vụ (1998), *Chỉ thị số 11/BNV ngày 9/5 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc tổ chức công tác điều tra tội phạm của lực lượng Công an nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2000), "Quyền công tố: Một số vấn đề lý luận cơ bản", *Tòa án nhân dân*, (8)
7. Lê Cẩm (2002), "Những vấn đề lý luận cơ bản về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền", *Tòa án nhân dân*, (11).
8. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Lê Cẩm và Nguyễn Ngọc Chí (Đồng chủ biên) (2004) *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Chính phủ (1958), *Thông tư số 556-TTg ngày 24/12 của Thủ tướng Chính phủ về đường lối xét xử nhân dân lao động phạm pháp nhẹ*, Hà Nội.
11. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.

12. Bùi Mạnh Cường (2009), "Một số kinh nghiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố", *Kiểm sát*, (12).
13. Đào Hữu Dân (2006), *Mối quan hệ giữa cơ quan Cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ Luật học.
14. Nguyễn Đăng Dung (2008), "Bản tính tùy tiện của Nhà nước", *Nhà nước và pháp luật*, số 11 (247).
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ-TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW, Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW, Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
18. "Đánh người vì ghen ngược ở Đak Lak: "chìm xuống"" (2008), *Tin24/7.com*, ngày 24/10.
19. Đoàn Giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2008), *Báo cáo kết quả giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo*, ngày 20/8. Hà Nội.
20. Trần Văn Độ (2001), "Một số vấn đề về quyền công tố", *Luật học*, (3).
21. Nguyễn Duy Giảng (2008), "Về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong công tác kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo yêu cầu cải cách tư pháp", *Kiểm sát*, (9, 10).
22. Phạm Hồng Hải (2003), *Mô hình lý luận Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
23. Lê Hiền (2003), "Bàn về khoản 1 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự "khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại"", *Tòa án nhân dân*, (4).
24. Mai Thanh Hiếu, Nguyễn Chí Công (2008), *Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội.

25. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Hòa - Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
27. Học viện Tư pháp (2005) *Giáo trình kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
28. Học viện Tư pháp (2009), *Nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, mã số: 01/2008/NCKH.
29. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Bộ Công an (2005), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004*, Hà Nội.
30. Nguyễn Mạnh Hùng (2009), "Hoàn thiện các chức năng tố tụng hình sự trong tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta", *Nhà nước và pháp luật*, 9(245).
31. Trương Bá Hùng (2009), "Một số kinh nghiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trong công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố", *Kiểm sát*, (12).
32. "Hủy quyết định không khởi tố vụ án hình sự" (2006), *Vietbao.vn*, ngày 15/12.
33. "Kết quả và những con số" (2008), *Bản tin Kiểm lâm Việt Nam*, (1+2).
34. "Kết quả và những con số" (2009), *Bản tin Kiểm lâm Việt Nam*, (1+2).
35. "Kết quả và những con số" (2010), *Bản tin Kiểm lâm Việt Nam*, (1+2)
36. *Khái quát hệ thống pháp luật Hoa Kỳ* (2006), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Nguyễn Hiền Khanh (2002), "Bàn về "tội phạm hoặc người phạm tội mới" và thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của tòa án", *Tòa án nhân dân*, (9).
38. Khoa Luật, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (1997), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

39. Phan Thanh Mai (2004), "Một số ý kiến về vấn đề hội đồng xét xử khởi tố vụ án hình sự", *Luật học*, (4).
40. Vũ Mộc (1995), "Về thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự, thực tiễn và kiến nghị", Kỷ yếu đề tài cấp bộ: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
41. Ch.L. Montesquieu (2006) *Tinh thần pháp luật*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
42. Trần Cao Ngãi (2002), "Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại đối với tội phạm qui định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự cần được xem xét lại", *Công an nhân dân*, (8).
43. Nguyễn Duy Ngọc (2003), *Tiếp nhận và xử lý tin báo tố giác tội phạm - thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả của công an các quận, huyện thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học.
44. Hồ Trọng Ngũ (2002), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Đại hội IX của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Lưu Trọng Nguyên (2009), "Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố", *Kiểm sát*, (12).
46. Nhà Pháp luật Việt - Pháp (1998), *Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Nhà Pháp luật Việt - Pháp (1998), *Tố tụng hình sự và vai trò của Viện công tố trong tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Mối quan hệ giữa cơ quan điều tra và điều tra viên trong Công an nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đỗ Ngọc Quang (2000), *Thủ trưởng Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
51. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.

52. Quốc hội (2004), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội.
53. Quốc hội (2004), *Luật Thanh tra*, Hà Nội.
54. Quốc hội (2006), *Luật Phòng chống tham nhũng*, Hà Nội.
55. *Quốc triều Hình luật* (1991), Nxb Pháp lý, Hà Nội.
56. Nguyễn Sơn (2008), "Một số ý kiến về công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm", *Kiểm sát*, (15).
57. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Khổng Ngọc Sơn (2009), "Đổi mới tổ chức và hoạt động cơ quan cảnh sát điều tra Công an cấp huyện", *Kiểm sát*, (3).
59. Phạm Hồng Thái (2004), *Công vụ và công chức Nhà nước*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
60. Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Văn Tài (dịch và giới thiệu) (1994), *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, Tập II, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
61. Lê Hữu Thế (2000), "Bàn về khái niệm quyền công tố", *Kiểm sát*, (8).
62. Lê Hữu Thế (chủ biên) (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
63. Trần Quang Tiệp (2004), *Về tự do cá nhân và biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Trần Quang Tiệp (2006), "Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về khởi tố bị can", *Tòa án nhân dân*, (7).
65. Trần Xuân Tịnh (2006), *Thẩm quyền điều tra đối với các vụ án hình sự xảy ra ở khu vực biên giới đất liền*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
66. Tòa án nhân dân tối cao (1962), *Bộ luật Tố tụng hình sự của Nước Cộng hòa Liên bang Xô viết xã hội chủ nghĩa Nga*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.

67. Tòa án nhân dân tối cao (2005), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân năm 2004*, Hà Nội.
68. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân năm 2005*, Hà Nội.
69. Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân năm 2006*, Hà Nội.
70. Tòa án nhân dân tối cao (2008), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân năm 2007*, Hà Nội.
71. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân năm 2008*, Hà Nội.
72. Nguyễn Xuân Toàn (2007), *Biện pháp điều tra hình sự - những vấn đề lý luận, thực tiễn và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng của Công an nhân dân*, Luận án tiến sĩ Luật học.
73. Tổng cục Hải quan (2009), *Công văn số 4142/TCHQ-ĐTCBL ngày 13/7 về việc tổng kết hoạt động tổ chức điều tra hình sự trong ngành hải quan*, Hà Nội.
74. Hà Mạnh Trí - Uông Chu Luru (2003), *Thể chế hóa các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Bộ luật Tố tụng hình sự - Bộ luật của tiến trình dân chủ, bình đẳng, bảo vệ quyền con người*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
75. Hà Mạnh Trí (2006), "Nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp để đáp ứng các yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn mới", *Kiểm sát*, (3).
76. Lê Tài Triển (1970), *Nhiệm vụ của Công tố viện, Giấy phép số PHNT ngày 1-3-1971 triển hạn ngày 6-9-1971*, Nxb Sài Gòn.
77. Trần Văn Trù (2007), *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức tiếp nhận, xử lý tố giác và tin báo về tội phạm của lực lượng cảnh sát nhân dân tỉnh Bình Dương*, Luận văn thạc sĩ Luật học.

78. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1998), *Giáo trình Lý luận và phương pháp luận của khoa học điều tra hình sự*, Hà Nội
79. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1999), *Giáo trình tổ chức điều tra hình sự của cảnh sát điều tra*, Hà Nội
80. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
81. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
82. *Từ điển Luật học* (1999), Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
83. *Từ điển thuật ngữ pháp lý phổ thông* (1986), Tập 1, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
84. Nguyễn Văn Tuấn (2009), "Hoàn thiện hệ thống nguyên tắc trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam", *Dân chủ và pháp luật*, (5).
85. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam*, Quyển 1: *Những vấn đề chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
86. Đào Trí Úc (2001), "Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng", *Nhà nước và pháp luật*, (7).
87. Đào Trí Úc (2003), "Cải cách tư pháp: ý nghĩa, mục đích và trọng tâm", *Nhà nước và pháp luật*, (2).
88. "Ủy ban Pháp luật Quốc hội làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh: Hoạt động tố tụng còn nhiều vi phạm" (2004), *Báo Pháp luật*, ngày 5/9.
89. Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an (2009), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự*, Hà Nội.
90. Nguyễn Tất Viễn (2002 - 2003), "Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp", Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: *Những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*.
91. Viện Khoa học kiểm sát (1993), *Bộ luật Tố tụng hình sự của Nhật Bản*, Hà Nội.
92. Viện Khoa học kiểm sát (1998), *Hệ thống tư pháp hình sự của một số nước Châu Á*, Hà Nội.

93. Viện Khoa học Kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự của Canada*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
94. Viện Khoa học Kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự của Cộng hòa Liên bang Nga*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
95. Viện Khoa học Kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
96. Viện Khoa học Kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự của Thái Lan*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
97. Viện Khoa học Kiểm sát (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự của Vương quốc Anh*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
98. Viện Khoa học kiểm sát (2004), *Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
99. Viện Khoa học pháp lý (1992), *Bình luận Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
100. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
101. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an (1963), *Thông tư liên bộ số 427-TTLB ngày 28/6 quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an*, Hà Nội.
102. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1995), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*, Hà Nội.
103. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 7/9 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.

104. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2004*, Hà Nội.
105. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Công văn số 1505/VKSTC-VI ngày 16/6 về việc vi phạm của Cơ quan điều tra, cơ quan xét xử án hình sự*, Hà Nội.
106. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2005*, Hà Nội.
107. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2006*, Hà Nội.
108. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2007*, Hà Nội.
109. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2008*, Hà Nội.
110. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2009*, Hà Nội.
111. Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
113. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
114. Võ Khánh Vinh (2003), "Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta", *Nhà nước và pháp luật*, (8).
115. Vụ Công tác lập pháp Văn phòng Quốc hội - Viện Khoa học kiểm sát (2003), *Những sửa đổi cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
116. Vụ 1 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Công văn số 1505/VKSTC-VI ngày 16/6 về việc vi phạm của Cơ quan điều tra, Cơ quan xét xử án hình sự*, Hà Nội.

117. Vụ 1A - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Báo cáo số 18/VKSTC-VIA, ngày 28/2 về án đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra từ năm 2002 - 2006*, Hà Nội.
118. Vụ 1A - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Công văn số 702/VKSTC-VIA ngày 21/3 về việc thực hiện chuyên đề kiểm sát giải quyết tin báo, tố giác tội phạm năm 2008*, Hà Nội.
119. Vụ 1C - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm qua 50 năm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát*, Chuyên đề, Hà Nội.
120. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
121. Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng chống các loại tội phạm ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

TIẾNG ANH

122. Cole, George F., Frankowski, Stanislaw J., & Gertz, Marc G. eds. *Major Criminal Justice Systems: A Comparative Survey* (2d ed., Newbury Park, CA: Sage Publications, 1987).
123. Delmas-Marty, Mireille & Spencer, J.R. *European Criminal Procedures* (Cambridge; New York: Cambridge University Press, 2002).
124. Katja G. Sugman, Slovenia, principles of criminal procedure and their application in disciplinary proceedings, *Revue internationale de droit pénal* 3/2003 (Vol. 74), p.1063-1076.
125. Robert A. Carp and Rosald Stidhan, *Judicial process in America*, *Congretional Quarterly*, In, 2001.
126. *The code of criminal procedure & the law for enforcement of the code of criminal procedure of Japan 2005*, ESH Law Bulletin series, EHS Vol. II.
127. Tom O'Connor, *Online Lectures for Criminal Procedure*, <http://www.faculty.nwc.edu/TOConnor/325/325lects.htm> - 3k.